



Báo cáo _____ THƯỜNG NIÊN 2025



MỤC LỤC

I. ẤN TƯỢNG VIETTEL GLOBAL	04
1. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	04
2. Con số ấn tượng 2025	06
3. Những sự kiện nổi bật năm 2025	08
4. Các danh hiệu, giải thưởng trong năm 2025	16
II. TỔNG QUAN VỀ VIETTEL GLOBAL	20
1. Thông tin cơ bản	22
2. Thông tin cổ phiếu	23
3. Thông tin cổ đông	24
4. Lịch sử hình thành	24
5. Các mốc phát triển	24
6. Sơ đồ tổ chức và cơ cấu quản lý	30
7. Hội đồng Quản trị	31
8. Ban Kiểm soát	32
9. Ban Tổng Giám đốc Viettel Global	33
III. VIETTEL TOÀN CẦU	34
IV. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2025	36
1. Đặc điểm, tình hình chung	37
2. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh	40
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	42
1. Hoạt động của HĐQT	43
2. Hoạt động của Ban Kiểm soát	46
3. Quản trị rủi ro	51
VI. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2026	56
VII. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	64
VIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	92
IX. MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG	146

NHỮNG TỪ VIẾT TẮT

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel	Tổng Công ty; Viettel Global; VTG
Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội	Tập đoàn; Viettel
Tổng Công ty	TCT
Thị trường nước ngoài của Viettel Global	Thị trường
Hội đồng Quản trị	HĐQT
Ban Tổng Giám đốc	BTGD
Ban Điều hành	BĐH
Ban Kiểm soát	BKS
Đại hội đồng Cổ đông	ĐHĐCĐ
Cán bộ công nhân viên	CBCNV
Sản xuất kinh doanh	SXKD
Vận hành khai thác	VHKT
Công nghệ thông tin	CNTT
Lợi nhuận trước thuế	LNTT
Doanh thu dịch vụ	DTDV
Thuê bao	TB
Quản trị rủi ro	QTRR



Chủ tịch Hội đồng Quản trị

ÔNG ĐÀO XUÂN VŨ

I. ẤN TƯỢNG VIETTEL GLOBAL

1. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Kính thưa Quý Cổ đông, Nhà đầu tư và Quý đối tác!

Năm 2025, Viettel Global hướng tới sự kiện có ý nghĩa đặc biệt, đánh dấu chặng đường 20 năm đầu tư ra nước ngoài. Đây cũng là dịp để chúng tôi hun đúc thêm khát vọng, quyết tâm cho chặng đường sắp tới.

20 năm trước đây, Viettel còn là 1 doanh nghiệp nhỏ với nhiều khó khăn của giai đoạn đầu mới bước vào kinh doanh di động. Vị thế ở trong nước còn chưa đứng vững và tên tuổi Viettel trên thế giới gần như là số 0. Nhưng lãnh đạo Viettel hiểu rất rõ, 1 doanh nghiệp muốn trưởng thành thì không thể chờ khi mình đủ mạnh, đủ an toàn mới nghĩ đến việc đầu tư ra nước ngoài.

Khi lựa chọn sứ mệnh này, nhiều người Viettel cũng đồng thời gác lại những ước muốn rất đời thường của riêng mình. Có người không ngần ngại dành trọn những năm tháng đẹp nhất của tuổi trẻ cho 1 nhiệm kỳ dài ở phương xa. Có người là người Việt Nam duy nhất bám trụ ở cả 1

tỉnh rộng lớn, xoay sở giữa những khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa và nỗi cô đơn khó gọi thành tên. Có người phải chống chọi với cái khó thở và sự khắc nghiệt ở những nơi cao nhất thế giới. Có người đi qua nhiều cái Tết mà lỡ hẹn bữa cơm đoàn tụ cùng gia đình. Có người không thể ở cạnh cha mẹ khi tuổi già, không thể bù đắp trọn vẹn cho vợ chồng, con cái vì những tháng ngày xa cách.

Sau gần 20 năm, Viettel Global ghi dấu ở các quốc gia châu Á, châu Mỹ đến châu Phi, khẳng định vững chắc vị thế số 1 tại 7 quốc gia. Chúng tôi không chỉ đầu tư kinh doanh đơn thuần mà còn đồng hành cùng chính phủ các nước để kiến tạo nền móng cho nền kinh tế số và xã hội số, tạo nên uy tín và sự tin cậy bền vững từ phía đối tác cũng như các cổ đông. Viettel Global đầu tư ra nước ngoài không chỉ để đi tìm không gian kinh doanh mà còn góp phần giúp thế giới hiểu hơn về đất nước, con người và văn hóa Việt Nam, cho thế giới thấy rằng chúng ta không chỉ anh hùng trong chiến tranh, không chỉ có nền nông nghiệp phát triển, chúng ta còn có thể đầu tư, tự chủ và dẫn dắt về viễn thông, công nghệ cao. Và chúng ta là những người bạn chân thành, tử tế, nhân văn.

9 thị trường, 9 tên gọi, cũng là 9 biểu tượng sinh động, hiệu quả cho tình hữu nghị của 9 quốc gia với Việt Nam. Đây là niềm tự hào thiêng liêng của Viettel Global, nhưng cũng là lời nhắc nhở về danh dự và trách nhiệm phải luôn xứng đáng là doanh nghiệp đại diện cho hình ảnh Việt Nam, Quân đội Nhân dân Việt Nam trong con mắt và tình cảm của bạn bè thế giới.

Nếu 20 năm qua, Viettel Global đi ra thế giới bằng viễn thông, thì chặng đường phía trước sẽ là hành trình Go Global bằng năng lực tổng hòa của một Tập đoàn công nghiệp công nghệ cao để cung cấp các giải pháp số toàn diện, đồng thời nâng cao hiệu quả quản trị để mang lại giá trị tối ưu cho các nhà đầu tư.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn tới các Quý cổ đông, Nhà đầu tư và Quý đối tác, những người đã tin tưởng và cùng sát cánh để chúng tôi thực hiện thắng lợi những mục tiêu, kế hoạch về đầu tư quốc tế, giúp Viettel Global gặt hái được kết quả như hôm nay. Chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục giữ vững ngọn lửa tiên phong, không chỉ mang năng lực của Việt Nam ra thế giới mà còn hấp thụ những tinh hoa quốc tế để làm giàu thêm giá trị cốt lõi của đơn vị, xứng danh là lực lượng đầu tư quốc tế mạnh mẽ và bền vững.

Trân trọng,



ĐÀO XUÂN VŨ
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NHỮNG CON SỐ ẤN TƯỢNG

KHÁT VỌNG
VIỆT NAM

HÀNH TRÌNH
MỞ LỐI



Những con số ẤN TƯỢNG



HIỆN DIỆN TẠI
9 QUỐC GIA
trên 3 châu lục



44.271 tỷ đồng
Doanh thu thuần 2025
tăng trưởng 25%,
cao nhất từ trước đến nay



11.250 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế 2025
tăng trưởng 57%,
cao nhất từ trước đến nay



51,3%
Biên lợi nhuận gộp 2025,
cao nhất từ trước đến nay



~90 triệu
khách hàng



HẠ TẦNG MẠNG LƯỚI:
45.000 trạm BTS
220.000 km cáp quang,
gấp 5 lần chu vi Trái đất.



HOÀN VỐN **91%**
6 thị trường
hoàn vốn 100%



DẪN ĐẦU TẠI
7 THỊ TRƯỜNG
về di động

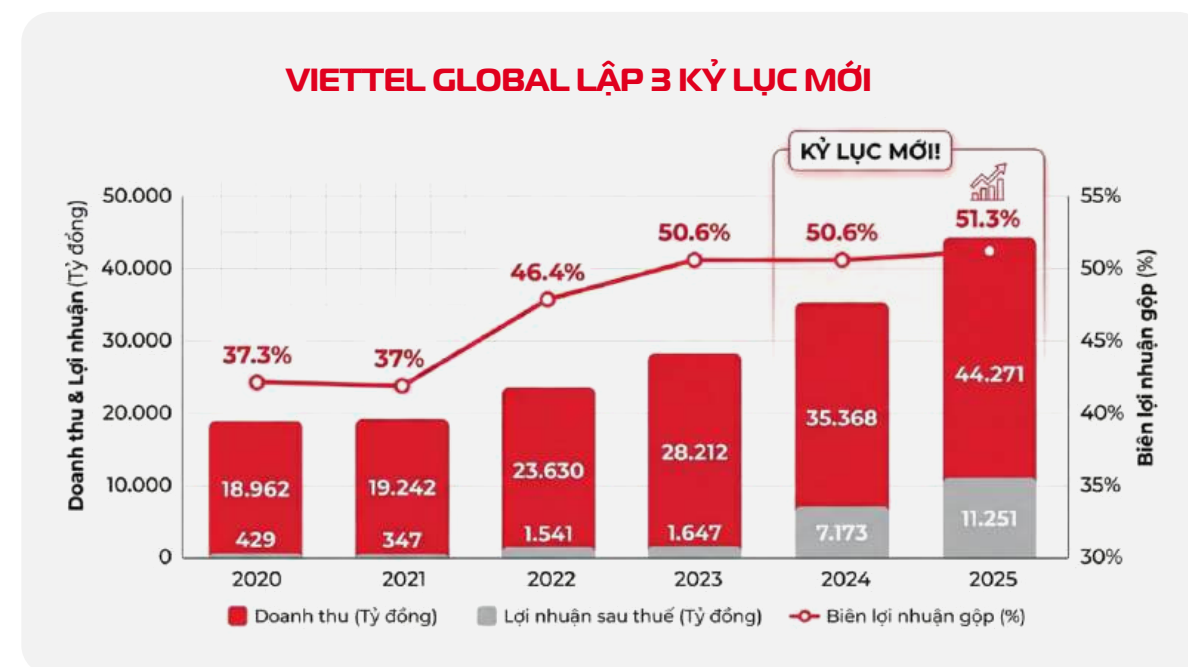


NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2025

TĂNG TRƯỞNG 25%: VIETTEL GLOBAL ĐANG “CHẠY” NHANH GẤP 7 LẦN NGÀNH VIỄN THÔNG THẾ GIỚI

Sau 20 năm kinh doanh, chiến lược đầu tư quốc tế của Viettel Global đã được khẳng định không phải là chuyến phiêu lưu mạo hiểm, mà là bài toán kinh tế thông minh mang về hàng trăm triệu USD mỗi năm cho Việt Nam.

Theo Báo cáo tài chính năm 2025, doanh thu thuần của Viettel Global đạt 44.271 tỷ đồng – tăng 25% so với năm trước, cao nhất từ trước đến nay.



Không chỉ kỷ lục về doanh thu, Viettel Global ghi nhận thêm 2 kỷ lục là biên lợi nhuận gộp lên mức đỉnh 51,3% và lợi nhuận sau thuế cao nhất từ trước đến nay, đạt 11.250 tỷ đồng, tăng 57% so với năm trước. Con số này đưa Viettel Global vào top 15 đơn vị có lợi nhuận cao nhất thị trường chứng khoán Việt Nam và đứng thứ 5 thị trường nếu không tính khối ngân hàng.

giúp tỷ lệ thu hồi vốn toàn bộ dự án đạt 92% (hết năm 2024 đạt 86%), vốn hóa thị trường của Viettel Global hiện đạt 10 tỷ USD. Đặc biệt, trong số 10 thị trường kinh doanh viễn thông, Viettel duy trì vị trí nhà mạng số 1 tại 7 thị trường.

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ (lợi nhuận ròng) tăng 65% lên hơn 9.300 tỷ đồng. Mức lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu (EPS) đạt trên 3.000 đồng. Kết quả kinh doanh tốt



HÀNH TRÌNH LAN TỎA GIÁ TRỊ VIỆT CỦA VIETTEL GLOBAL ĐƯỢC CHÍNH PHỦ GHI NHẬN VỚI NHIỀU DANH HIỆU CAO QUÝ

Năm 2025, Viettel Global và Viettel Campuchia (Metfone) vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lao động. Cùng với đó, Viettel Mozambique (Movitel) và Viettel Burundi (Lumitel) cũng đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba. Kết thúc năm, Viettel Global và các Công ty thị trường đạt được 23 danh hiệu/bằng khen của Việt Nam và các nước trao tặng. Đây là số lượng giải thưởng cao nhất trong 5 năm gần đây, khẳng định dấu ấn vượt trội của Viettel Global trên trường quốc tế, thể hiện năng lực công nghệ, sáng tạo và phát triển bền vững.

Thành tựu hôm nay là kết quả của một quá trình bứt phá ngoạn mục. Từ một ban dự án nhỏ chỉ với 6 thành viên vào năm 2006, Viettel Global đã vươn mình thành doanh nghiệp viên

thông toàn cầu với 9 công ty con, công ty liên kết, phục vụ hơn 90 triệu khách hàng và xác lập vị thế dẫn đầu tại 7 thị trường quốc tế. Nhìn lại gần hai thập kỷ, thành công của Viettel Global không đến từ một công thức kinh



doanh thông thường. Nó được xây dựng trên những nghịch lý: Hiện diện toàn cầu nhưng không dùng chung một thương hiệu Viettel, tăng trưởng bền vững từ cách chọn lao vào "vùng sỏi đá", và làm công nghệ cao từ nền tảng của những người lính đi bộ xuyên rừng.

Có thể nói, những danh hiệu này không chỉ vinh danh kết quả kinh doanh mà còn khẳng định tinh thần vượt khó và khát vọng kết nối không ngừng nghỉ của con người Việt Nam. Vượt lên trên mục tiêu lợi nhuận, hành trình của Viettel Global đã lan tỏa bản sắc và giá trị nhân văn của dân tộc ra thế giới, đồng thời tạo động lực mạnh mẽ để đơn vị tiếp tục sứ mệnh kiến tạo tương lai số bền vững cho cộng đồng quốc tế.

VTG VÀ CÁC THỊ TRƯỜNG NHẬN ĐƯỢC NHIỀU GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ DANH GIÁ

Năm 2025, Viettel Global cùng các công ty thị trường đã thiết lập một cột mốc mới với 34 giải thưởng quốc tế uy tín. Đây cũng là số lượng giải thưởng cao nhất trong 5 năm qua, minh chứng cho năng lực công nghệ, sức sáng tạo không ngừng và cam kết phát triển bền vững của đơn vị trên quy mô toàn cầu.

Nổi bật nhất trong số đó là sự vinh danh Viettel Global tại Giải thưởng Kinh doanh Quốc tế với hai hạng mục trọng điểm: 'Công ty của năm' và 'Thành tựu trong mở rộng quốc tế'. Việc được vinh danh ở những hạng mục bao quát toàn bộ hoạt động doanh nghiệp đã khẳng định vị thế dẫn dắt và chiến lược đầu tư nước ngoài đúng đắn của Viettel Global trên hành trình vươn tầm châu lục.

Bên cạnh đó, các giải thưởng chuyên sâu tại IT World Awards, Globee Business Awards và Stevie Awards cũng ghi nhận sự xuất sắc của đơn vị trong các lĩnh vực cốt lõi như chuyển đổi số, an ninh mạng và Fintech. Những thành tựu này không chỉ khẳng định trí tuệ Việt mà còn cho thấy khả năng thích ứng linh hoạt trước những tiêu chuẩn khắt khe nhất của thị trường thế giới.



Đặc biệt, các sáng kiến hạ tầng tại những thị trường khó khăn và các ứng dụng an sinh xã hội đã giúp thương hiệu Viettel gắn liền với giá trị nhân văn và trách nhiệm cộng đồng. Những thành tích kỷ lục này chính là "bàn



đạp" quan trọng, tạo niềm tin vững chắc cho các đối tác và Chính phủ sở tại, đồng thời truyền cảm hứng mạnh mẽ để đội ngũ cán bộ nhân viên tiếp tục chinh phục những đỉnh cao mới trong giai đoạn 2026 – 2030.

ĐỘT PHÁ VỀ TẦN SỐ THỂ HỆ MỚI, KHAI TRƯƠNG MẠNG 5G

Năm 2025 đánh dấu bước chuyển mình chiến

lược của Viettel Global khi có 4 công ty thị trường (Viettel tại Timor-Leste, Tanzania, Burundi và Campuchia) được cấp thêm tần số thể hệ mới. Đây là tiền đề quan trọng để triển khai hạ tầng công nghệ tiên tiến, mở rộng dư địa kinh doanh trong giai đoạn tới.

Bên cạnh đó, các thị trường cũng đồng loạt khai trương kinh doanh dịch vụ 5G sau khi triển khai thử nghiệm. Tính đến nay, Viettel Global đã có 4 thị trường chính thức kinh



doanh 5G là Viettel tại Lào, Timor-Leste, Burundi, Tanzania.

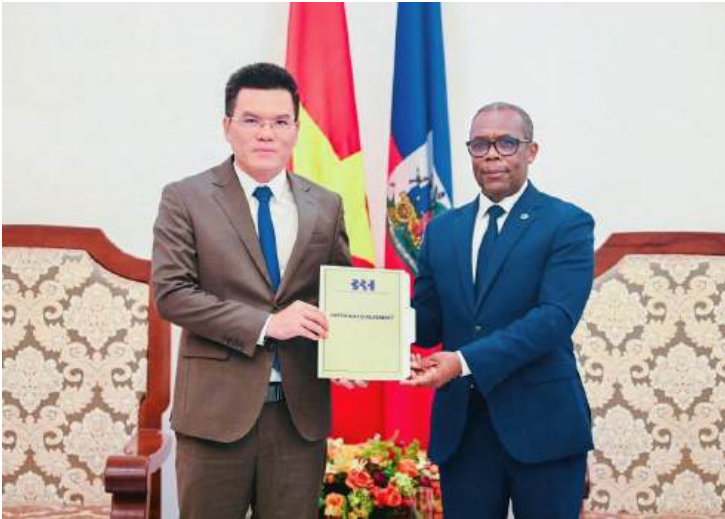
Những bước nhảy vọt trên là nền tảng để Viettel Global hướng tới tương lai. Bên cạnh đó, việc 100% các thị trường hoàn thành Quy hoạch kiến trúc công nghệ và Quy hoạch định cỡ giai đoạn 2026 – 2030 sẽ giúp các đơn vị thành viên từng bước khẳng định vai trò trụ cột trong nền kinh tế số nhờ hạ tầng công nghệ dẫn đầu.

KIẾN TẠO KHÔNG GIAN TĂNG TRƯỞNG MỚI: VIETTEL GLOBAL CHUYỂN MÌNH ĐA NGÀNH VÀ KHAI PHÁ THỊ TRƯỜNG MỚI

Năm 2025 mở ra một chương mới đầy triển vọng khi Viettel Global quyết liệt đa dạng hóa ngành nghề, vượt ra khỏi ranh giới viễn thông truyền thống để mở rộng không gian tăng trưởng. Đơn vị đã chính thức khai trương dịch vụ Logistics tại Lào, đồng thời nghiên cứu triển khai mô hình này tại các thị trường tiềm năng như Campuchia và Myanmar. Trong

lĩnh vực năng lượng tái tạo, Viettel Global đẩy mạnh khảo sát và tính toán các dự án điện mặt trời tại Mozambique và Myanmar nhằm tối ưu hóa nguồn lực hạ tầng sẵn có.

Đặc biệt, mảng dịch vụ số và tài chính ghi nhận những bước tiến đột phá với sự ra đời của NatTransfer tại Haiti. Đây là công ty chuyên doanh dịch vụ kiều hối đầu tiên trong toàn bộ các thị trường quốc tế của Viettel, đánh dấu bước đi chiến lược trong việc mở rộng hệ sinh thái tài chính số. Sự kết hợp giữa năng lực chuyển tiền quốc tế của NatTransfer





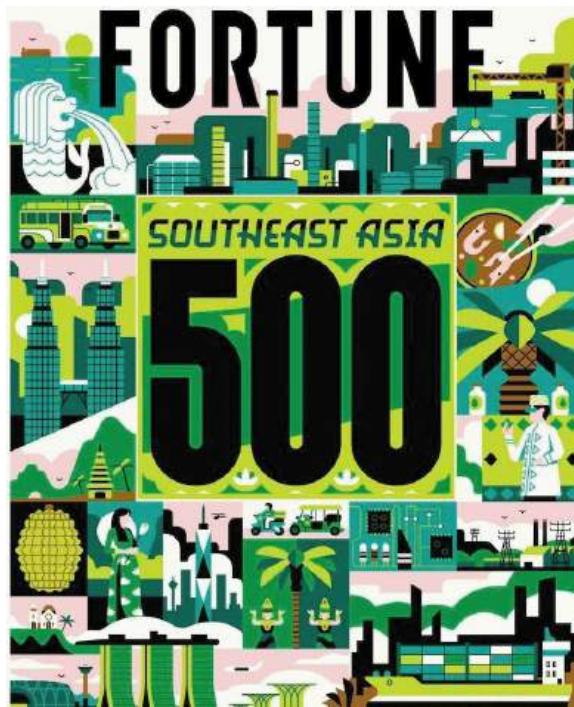
và mạng lưới thanh toán rộng khắp của ví điện tử Natcash không chỉ hiện thực hóa các mục tiêu tăng trưởng dài hạn mà còn khẳng định vị thế dẫn đầu của Natcom trong nền kinh tế số tại quốc đảo này. Song song đó, các phần mềm quản lý bán hàng (CukCuk) và dịch vụ chấm điểm tín dụng (Credit Score) cũng đang được thử nghiệm và triển khai tại các thị trường như Metfone, Mytel và Movitel. Bên cạnh đó, Viettel Global cũng chủ động tìm kiếm cơ hội đầu tư tại nhiều thị trường như Cộng hòa Dominica, Eswatini, Panama và Ecuador. Trong đó, tiến trình đàm phán và khảo sát tại Cộng hòa Dominica đã đạt được nhiều bước tiến quan trọng, hứa hẹn mở ra không gian tăng trưởng mới tại khu vực Mỹ Latinh.

Khép lại hành trình năm 2025, những nỗ lực của Viettel Global không chỉ dừng lại ở các con số tài chính mà còn xây dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển trong giai đoạn tiếp theo, chuyển dịch mạnh mẽ từ công ty Telco sang Techco. Việc chủ động kiến tạo hạ tầng đa ngành và thúc đẩy chuyển đổi số

toàn diện đã nâng tầm uy tín của doanh nghiệp Việt Nam trên trường quốc tế.

VIETTEL GLOBAL LỘT VÀO DANH SÁCH FORTUNE 500 ĐÔNG NAM Á.

Tháng 6/2025, Viettel Global được vinh danh



trong Bảng xếp hạng Fortune Southeast Asia 500 – danh sách 500 doanh nghiệp lớn nhất Đông Nam Á do Tạp chí Fortune công bố.

Bảng xếp hạng này được xây dựng dựa trên doanh thu năm tài khóa 2024, tỷ lệ tăng trưởng và mức độ đóng góp cho nền kinh tế khu vực. Viettel Global đã khẳng định tiềm năng bứt phá khi duy trì đà tăng trưởng doanh thu trên 20% trong nhiều năm liên tiếp, cao gấp 4-5 lần mức trung bình của ngành viễn thông toàn cầu (theo Gartner).

Trong chiến lược vươn tầm quốc tế của Tập đoàn Viettel, Viettel Global đóng vai trò trọng yếu. Sau gần 20 năm hoạt động, đơn vị đã mở rộng mạng lưới kinh doanh tới 9 quốc gia trên 3 châu lục, phục vụ hơn 90 triệu khách hàng và chiếm lĩnh vị trí số 1 về thị phần tại 7 thị trường. Những thành tựu này không chỉ

củng cố vị thế của đơn vị mà còn góp phần đưa Viettel trở thành thương hiệu viễn thông mạnh nhất thế giới. Với dấu ấn quốc tế sâu rộng, Viettel Global tự hào là cầu nối thương mại quan trọng, nâng tầm thương hiệu và vị thế của Việt Nam trên bản đồ kinh tế toàn cầu.

Song hành với thành công của tổ chức, cá nhân lãnh đạo đơn vị cũng được quốc tế ghi nhận. Bà Nguyễn Thị Hoa, Tổng Giám đốc Viettel Global, đã được Fortune vinh danh trong Top 100 phụ nữ quyền lực nhất châu Á. Bà đứng chung bảng xếp hạng với những nữ lãnh đạo tầm cỡ thế giới như bà Tan Su Shan (CEO Tập đoàn DBS), bà Grace Wang (Chủ tịch Luxshare Precision Industry) và bà Mạnh Văn Chu (Phó Chủ tịch kiêm CFO Huawei). Đây là minh chứng rõ nét cho tầm ảnh hưởng và uy tín ngày càng lớn của đội ngũ lãnh đạo Viettel Global trên trường quốc tế.





CÁC DANH HIỆU GIẢI THƯỞNG TRONG NĂM 2025



◆ 03 danh hiệu từ Việt Nam:

Danh hiệu Anh hùng Lao động;
Bằng khen của Bộ Quốc phòng và Bộ KH&CN

◆ 02 giải thưởng quốc tế danh giá



LUMITEL VIETTEL TẠI BURUNDI

- ◆ 02 danh hiệu từ Việt Nam: Huân chương Lao động Hạng Ba; Bằng khen của Bộ KH&CN
- ◆ 01 danh hiệu từ Burundi: Chứng nhận doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất năm của Cơ quan thuế
- ◆ 08 giải thưởng quốc tế

metfone VIETTEL TẠI CAMPUCHIA

- ◆ 02 danh hiệu từ Việt Nam: Danh hiệu Anh hùng Lao động; Bằng khen của Bộ KH&CN
- ◆ 07 giải thưởng quốc tế

movitel VIETTEL TẠI MOZAMBIQUE

- ◆ 02 danh hiệu từ Việt Nam: Huân chương Lao động Hạng Ba; Bằng khen của Bộ KH&CN
- ◆ 04 khen thưởng từ Mozambique: Bằng khen của Bộ Kinh tế; Bằng khen của Bộ Thể thao & Giới trẻ; Bằng khen của Bộ truyền thông và Chuyển đổi số; Chứng nhận doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất năm của Cơ quan thuế.
- ◆ 01 giải thưởng quốc tế

halotel VIETTEL TẠI TANZANIA

- ◆ 02 danh hiệu từ Việt Nam: Bằng khen của Bộ Quốc phòng và Bộ KH&CN
- ◆ 04 giải thưởng quốc tế

natcom VIETTEL TẠI HAITI

- ◆ 01 danh hiệu từ Việt Nam: Bằng khen của Bộ KH&CN
- ◆ 01 khen thưởng từ Haiti: Bằng khen của Bộ Tài chính (Chứng nhận doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất năm)
- ◆ 01 giải thưởng quốc tế

telemor VIETTEL TẠI TIMOR-LESTE

- ◆ 02 danh hiệu từ Việt Nam: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và Bộ KH&CN
- ◆ 03 giải thưởng quốc tế

mytel VIETTEL TẠI MYANMAR

- ◆ 02 danh hiệu từ Việt Nam: Bằng khen của Bộ Quốc phòng và Bộ KH&CN
- ◆ 03 giải thưởng quốc tế

unitel VIETTEL TẠI LÀO

- ◆ 01 danh hiệu từ Việt Nam: Bằng khen của Bộ KH&CN
- ◆ 03 giải thưởng quốc tế



TỔNG QUAN VỀ VIETTEL GLOBAL





1. THÔNG TIN CƠ BẢN

Tên Công ty	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL
Tên giao dịch quốc tế	VIETTEL GLOBAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	VIETTEL GLOBAL., JSC
Trụ sở chính	Tầng 39, 40 Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6 KĐT mới Cầu Giấy, Phường Yên Hoà, TP Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	84-24-62626868
Fax	84-24-62568686
Website	www.viettelglobal.com.vn
Logo	
Giấy chứng nhận ĐKDN số	0102409426 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Nội cấp lần đầu ngày 24/10/2007 và cấp thay đổi lần thứ 27 ngày 09/04/2025

Người đại diện theo pháp luật	Nguyễn Thị Hoa - Chức vụ: Tổng Giám đốc
Vốn điều lệ đăng ký	30.438.112.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	30.438.112.000.000 đồng
Năm trở thành công ty đại chúng	16/10/2009

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH:

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Sản xuất sản phẩm từ gốc; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, truyền tải điện;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bưu chính;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là đầu tư và vận hành các mạng viễn thông ở nước ngoài và cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin có liên quan.

2. THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Mã chứng khoán:	VGI
Sàn niêm yết:	UPCOM
Ngày bắt đầu niêm yết:	25/9/2018
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	3.043.811.200 (Ba tỷ không trăm bốn mươi ba triệu tám trăm mười một nghìn hai trăm) cổ phiếu

3. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Cổ đông lớn tính tới 31/12/2025

Tên:	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội
Số lượng:	3.014.205.300 cổ phần
Tỉ lệ:	99,028 %
Ngoài ra có:	13.821 Cổ đông (theo Danh sách chốt cổ đông ngày 09/09/2025)

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 09/09/2025

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
I	Cổ đông trong nước	13.726	3.043.200.103	99,98%
1	Tổ chức	23	3.016.231.901	99,094%
2	Cá nhân	13.703	26.968.202	0,886%
II	Cổ đông nước ngoài	96	611.097	0.02%
1	Tổ chức	0	00	0%
2	Cá nhân	96	611.097	0,02%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
	Tổng cộng	8.124	13.822	3.043.811.200

4. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel (Viettel Global) được thành lập vào ngày 24 tháng 10 năm 2007 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102409426 cấp bởi Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội. Mục tiêu kinh doanh chính của Viettel Global là đầu tư vào các dự án viễn thông tại thị trường nước ngoài, mở rộng phạm vi hoạt động; nâng cao năng lực cạnh tranh; mở rộng quy mô thị trường chuẩn bị cho hoạt động nghiên cứu, sản xuất.

Sau 20 năm hoạt động, vốn điều lệ của Viettel Global tăng từ 960 tỷ lên 30,43 nghìn tỷ đồng, là nhà đầu tư viễn thông quốc tế lớn nhất Việt Nam, nằm trong top 30 Công ty viễn thông có số lượng khách hàng lớn nhất thế giới.

5. CÁC MỐC PHÁT TRIỂN

- 24/3/2006: Thành lập Ban Dự án Đầu tư nước ngoài, tiền thân của Tổng Công ty.
- 05/2006: Thành lập công ty Viettel Cambodia Pte Ltd. và nhận giấy phép cung cấp dịch vụ VoIP tại Campuchia.

2006

- 24/10/2007: Thành lập Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel (Viettel Global).

2007

- 01/2008: Viettel Global nhận giấy phép đầu tư tại Campuchia.
- 02/2008: Thành lập công ty Star Telecom - liên doanh giữa Viettel và Công ty Lao Asia Telecom - nhà cung cấp dịch vụ viễn thông thứ tư tại Lào.

2008

- 19/02/2009: Khai trương mạng viễn thông tại Campuchia với tên thương hiệu Metfone, thương hiệu nước ngoài đầu tiên của Viettel.
- 16/10/2009: Khai trương mạng viễn thông tại Lào với tên thương hiệu Unitel.

2009

- 04/2010: Unitel chính thức cung cấp dịch vụ ADSL trên phạm vi toàn quốc và tạo ra sự bùng nổ về Internet tốc độ cao tại Lào.
- 04/2010: Nhận giấy phép viễn thông tại Haiti thông qua Công ty Natcom S.A.
- 07/2010: Metfone là nhà mạng đầu tiên tại Campuchia cung cấp dịch vụ 3G.
- 10/2010: Unitel là nhà mạng đầu tiên tại Lào cung cấp dịch vụ 3G trên toàn quốc.
- 11/2010: Thành lập công ty liên doanh Movitel S.A tại Mozambique, bước chân đầu tiên vào thị trường châu Phi.

2010

2011

- ◉ **01/2011:** Nhận giấy phép di động tại Mozambique.
- ◉ **07/09/2011:** Khai trương mạng viễn thông Natcom tại Haiti.
- ◉ Metfone và Unitel trở thành nhà mạng dẫn đầu tại Campuchia và Lào với lần lượt 46% và 44% thị phần di động.

2012

- ◉ **07/2012:** Nhận giấy phép đầu tư tại Timor-Leste.
- ◉ **15/05/2012:** Khai trương mạng viễn thông tại Mozambique với tên thương hiệu Movitel.
- ◉ **12/2012:** Nhận giấy phép đầu tư tại Cameroon.

2013

- ◉ **07/2013:** Chính thức kinh doanh bán hàng tại thị trường Timor-Leste với tên thương hiệu Telemor.
- ◉ **10/2013:** Chính thức đổi tên từ Công ty thành Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel, tên viết tắt là Viettel Global.
- ◉ **12/2013:** Nhận giấy phép viễn thông tại Burundi.
- ◉ Doanh thu từ hoạt động nước ngoài đạt gần 1 tỷ USD.

2014

- ◉ **06/2014:** Movitel vươn lên vị trí số 1 tại Mozambique về thị phần di động – chiếm 38%.
- ◉ **12/09/2014:** Bắt đầu cung cấp dịch vụ viễn thông tại Cameroon với tên thương hiệu Nexttel, là nhà mạng đầu tiên tại Cameroon cung cấp dịch vụ 3G.
- ◉ **10/2014:** Telemor vươn lên trở thành nhà mạng số 1 tại Timor-Leste chỉ sau 1 năm kinh doanh, với 420.000 khách hàng, độ phủ 95% dân số.
- ◉ **10/2014:** Nhận giấy phép viễn thông tại Tanzania.

2015

- ◉ **03/2015:** Bắt đầu cung cấp dịch vụ thử nghiệm tại Burundi với tên thương hiệu Lumitel.
- ◉ **06/2015:** Cung cấp dịch vụ 4G tại thị trường Lào
- ◉ **10/2015:** Khai trương mạng viễn thông Halotel tại Tanzania.

2016

- ◉ **10/2016:** Cán mốc 35 triệu khách hàng tại các thị trường nước ngoài, nâng tổng số khách hàng toàn cầu của Viettel lên 100 triệu, giúp Viettel lọt Top 30 tập đoàn viễn thông có số lượng khách hàng lớn nhất thế giới.
- ◉ Cung cấp dịch vụ ví điện tử tại 5/8 thị trường nước ngoài đang đầu tư với các tên gọi eMoney (Campuchia), E-Mola (Mozambique), Halopesa (Tanzania), Lumicash (Burundi), Possa (Cameroon).
- ◉ Cung cấp dịch vụ 4G tại các thị trường Lào, Burundi, Campuchia, Haiti, tiếp tục giữ vững thế tiên phong về công nghệ.

2017

- ◉ **01/2017:** Nhận giấy phép đầu tư tại Myanmar. Đây là thị trường nước ngoài thứ 10 và cũng là thị trường có quy mô và tiềm năng nhất của Viettel từ trước tới nay, sau 15 năm nỗ lực theo đuổi.
- ◉ **01/2017:** Triển khai gói cước Roaming 3 nước Đông Dương - bước đi tiên phong, đột phá của Viettel với chính sách viễn thông không biên giới.
- ◉ **07/2017:** Telemor trở thành nhà mạng đầu tiên tại Timor-Leste cung cấp 4G và cũng là thương hiệu thứ 7 của Viettel chính thức kinh doanh 4G trên tổng số 11 thị trường hiện có.

2018

- ◉ **05/2018:** Metfone trở thành nhà mạng đầu tiên trong số các thị trường quốc tế của Viettel cung cấp công nghệ 4,5G LTE.
- ◉ **06/2018:** Khai trương mạng viễn thông Mytel tại Myanmar

◉ **08/2018:** Telemor trở thành nhà mạng đầu tiên và duy nhất tại Timor-Leste cung cấp dịch vụ ví điện tử Mosan. Sự kiện được đánh giá là một trong 4 dấu ấn lớn của ngành ngân hàng Timor-Leste trong giai đoạn 2016-2018.

◉ **09/2018:** Viettel Global niêm yết trên sàn UPCOM với mã cổ phiếu VGI. Hơn 2,24 tỷ cổ phiếu được đưa vào giao dịch, định giá gần 1,5 tỷ USD.

◉ Ví điện tử Lumicash (Lumitel) lên ngôi số 1 sau 3 năm kinh doanh tại Burundi, chiếm 47% thị phần.

2018

2019

◉ **Năm 2019:** Phát sóng thử nghiệm 5G tại các thị trường Campuchia, Myanmar, Lào tiếp tục giữ vững thế tiên phong về công nghệ.

◉ **Năm 2019:** Chính thức cung cấp dịch vụ ví điện tử tại Myanmar (MytelPay) và Lào (u-money).

◉ Viettel Global đã góp phần đưa 4 thị trường nước ngoài đang đầu tư (Campuchia, Lào, Timor-Leste và Myanmar) góp mặt vào danh sách những nước có tiến bộ vượt bậc và tiên phong về viễn thông và CNTT trên thế giới.

2020

2021

◉ **12/2021:** Natcom ra mắt ví điện tử Natcash tại Haiti, nâng tổng số ví điện tử tại thị trường nước ngoài của Viettel Global lên 9/9.

◉ Lần đầu tiên cung cấp dịch vụ sàn thương mại điện tử và xổ số điện tử tại thị trường Burundi.

◉ Mytel (Viettel tại Myanmar) vươn lên vị trí số 1 với 32,8% thị phần thuê bao di động trở thành thị trường có tập khách hàng và doanh thu lớn nhất trong các thị trường Viettel Global đầu tư.

◉ Tổng doanh thu hợp nhất vượt 1 tỷ USD (27.329 tỷ đồng). Lần đầu tiên, quy mô doanh thu dịch vụ của khối viễn thông Viettel tại nước ngoài tương đương với viễn thông Viettel trong nước.

2022

2023

◉ Natcom (Viettel tại Haiti) vươn lên vị trí số 1 với 51,7% thị phần thuê bao di động. Hoàn vốn dự án 100% sau 12 năm kinh doanh (là thị trường thứ 5 của Viettel Global hoàn vốn dự án sau: Metfone, Unitel, Telemor và Lumitel).

◉ Movitel (Viettel tại Mozambique) vươn lên vị trí số 1 cả về thuê bao và doanh thu di động.

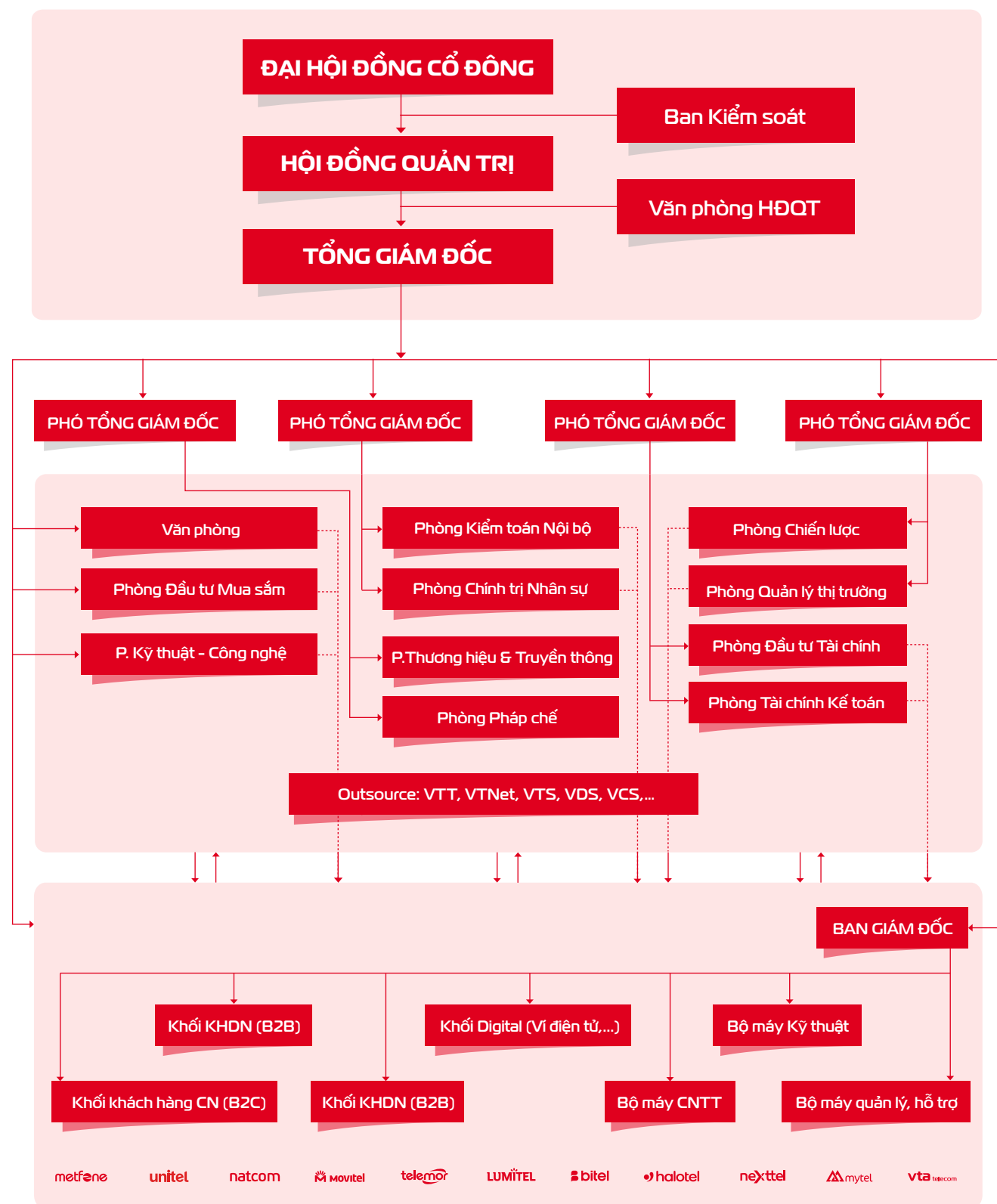
◉ Viettel Global đứng số 1 về thị phần di động tại 7 thị trường nước ngoài.

2024

2025

◉ Vinh dự nhận 02 danh hiệu Anh hùng Lao động cho Viettel Global và Viettel Campuchia.
◉ Doanh thu tăng trưởng 25%, cao nhất từ trước đến nay.
◉ Lợi nhuận sau thuế đạt 11.250 tỷ đồng, cao nhất từ trước đến nay.

6. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU QUẢN LÝ



7. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị (HĐQT) được bầu bởi Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) của Tổng Công ty, là cơ quan quản lý có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty mà không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT của Tổng Công ty Viettel Global gồm 7 thành viên và có các quyền hạn, trách nhiệm cơ bản sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty.
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty.
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty bao gồm Quy chế Quản lý tài chính, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế quản lý Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quy chế Lương, Quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.
- Trình Báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên ĐHĐCĐ.
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác được quy định bởi Pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và các nghị quyết của ĐHĐCĐ.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT



ÔNG

ĐÀO XUÂN VŨ

Chủ tịch Hội đồng quản trị



BÀ

NGUYỄN THỊ HOA

Thành viên Hội đồng quản trị



ÔNG

HOÀNG VĂN NGỌC

Thành viên Hội đồng quản trị



ÔNG

NGUYỄN ĐỨC QUANG

Thành viên Hội đồng quản trị



ÔNG

NGUYỄN CAO LỢI

Thành viên Hội đồng quản trị



BÀ

ĐOÀN THỊ THU NGÀ

Thành viên Hội đồng quản trị



ÔNG

VŨ SỸ MẠNH

Thành viên Hội đồng quản trị

8. BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát (BKS) được bầu bởi ĐHCĐ của Tổng Công ty và hiện có 3 thành viên, mỗi thành viên được bầu với nhiệm kỳ 5 năm.

TRÁCH NHIỆM CHÍNH CỦA BKS:

- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng Công ty.
- Kiến nghị HĐQT hoặc Đại hội Đồng Cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Điều lệ Tổng Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT



ÔNG

NGUYỄN HOÀI BẮC

Trưởng Ban Kiểm soát



BÀ

QUẢN THỊ THU HÀ

Thành viên Ban Kiểm soát



ÔNG

BÙI VĂN THẢO

Thành viên Ban Kiểm soát

9. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VIETTEL GLOBAL



BÀ

NGUYỄN THỊ HOA

Tổng Giám đốc



ÔNG

NGUYỄN ĐỨC QUANG

Phó Tổng Giám đốc



ÔNG

NGUYỄN CAO LỢI

Phó Tổng Giám đốc



ÔNG

HÀ THẾ DƯƠNG

Phó Tổng Giám đốc



BÀ

NGUYỄN THỊ TÂM

Phó Tổng Giám đốc



movitel
MOZAMBIQUE

- ▶ Diện tích: **785.000 km²**
- ▶ Dân số: **35.010.000 người**
- ▶ **#1** Thị phần di động: **54.5%**
- ▶ **#1** Hạ tầng mạng lưới: phủ sóng **89%** dân số

telemor
TIMOR - LESTE

- ▶ Diện tích: **15.000 km²**
- ▶ Dân số: **1.408.860 người**
- ▶ **#1** Thị phần di động: **51,9%**
- ▶ **#1** Hạ tầng mạng lưới: phủ sóng **99.6%** dân số

LUMITEL
BURUNDI

- ▶ Diện tích: **25.000 km²**
- ▶ Dân số: **14.127.978 người**
- ▶ **#1** Thị phần Di động: **68,6%**
- ▶ **#1** Hạ tầng mạng lưới: phủ sóng **95%** dân số

metfone
CAMBODIA

- ▶ Diện tích: **181.000 km²**
- ▶ Dân số: **17.376.803 người**
- ▶ **#1** Thị phần Di động: **45%**
- ▶ **#1** Hạ tầng mạng lưới: phủ sóng **96.5%** dân số

nexttel
CAMEROON

- ▶ Diện tích: **457.000 km²**
- ▶ Dân số: **30.135.000 người**
- ▶ **#4** Thị phần di động: **10%**

unitel
LAOS

- ▶ Diện tích: **236.000 km²**
- ▶ Dân số: **7.888.419 người**
- ▶ **#1** Thị phần Di động: **51.7%**
- ▶ **#1** Hạ tầng mạng lưới: phủ sóng **90.04%** dân số

halotel
TANZANIA

- ▶ Diện tích: **947.000 km²**
- ▶ Dân số: **72.445.135 người**
- ▶ **#4** Thị phần Di động: **15.2%**
- ▶ **#4** Hạ tầng mạng lưới: phủ sóng **87%** dân số

natcom
HAITI

- ▶ Diện tích: **27,750 km²**
- ▶ Dân số: **12.080.060 người**
- ▶ **#1** Thị phần Di động: **53.6%**
- ▶ **#1** Hạ tầng mạng lưới: phủ sóng **95%** dân số

mytel
MYANMAR

- ▶ Diện tích: **676.577 km²**
- ▶ Dân số: **55.516.385 người**
- ▶ **#1** Thị phần Di động: **38.4%**
- ▶ **#1** Hạ tầng mạng lưới: phủ sóng **91.2%** dân số



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2025



1. Đặc điểm, tình hình chung

Năm 2025 là năm Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel (Viettel Global) hoàn thành xuất sắc năm cuối của Chiến lược 2021-2025 trong một bối cảnh môi trường kinh doanh quốc tế đặt ra nhiều thử thách chưa từng có về cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Bối cảnh năm 2025 tác động đến hoạt động của Tổng Công ty theo hai chiều:

a) Bối cảnh thị trường và những thách thức chiến lược

- Về địa chính trị và bất ổn thị trường, năm 2025 là năm thử thách tổng lực đối với danh mục đầu tư của Viettel Global. Tại Myanmar, "thảm họa kép" từ trận động đất 7,7 độ Richter (tháng 3/2025) kết hợp với bất ổn chính trị kéo dài gây thiệt hại nặng nề về hạ tầng mạng

lưới và buộc Mytel phải tập trung nguồn lực khôi phục hoạt động. Tại Haiti, thủ đô bị kiểm soát phần lớn bởi các nhóm lực lượng, đã có hơn 1 triệu người tị nạn nội địa, Hội đồng chuyển tiếp liên tục hoãn bầu cử - tạo ra môi trường kinh doanh đặc biệt khó khăn. Tại Campuchia, xung đột biên giới với Thái Lan gây giao tranh, đóng cửa khẩu và cắt cáp quang quốc tế. Tại Tanzania, bầu cử dẫn đến bạo lực và cắt mạng internet. Đây là năm mà Viettel Global phải điều hành đồng thời nhiều thị trường trong tình trạng đặc biệt khó khăn, điều đó đã kiểm nghiệm thực sự về bản lĩnh và năng lực quản trị rủi ro toàn hệ thống.

- Về kinh tế vĩ mô và chi phí vận hành, chính sách thuế quan đối ứng của chính quyền Tổng thống Donald Trump áp lên các đối tác châu Á - trong đó có các thị trường Viettel Global đang đầu tư như Lào, Myanmar, Cam-



puchia gây biến động chuỗi cung ứng thiết bị và đẩy chi phí vốn tăng cao. Lạm phát tại Burundi, Myanmar và Haiti duy trì ở mức đặc biệt cao, trực tiếp bào mòn sức mua của khách hàng và đẩy chi phí vận hành lên mức khó kiểm soát. Biến động tỷ giá tiếp tục là gánh nặng cơ cấu khi phần lớn chi phí đầu tư phát sinh bằng USD trong khi doanh thu thu về bằng đồng bản tệ đang mất giá.

- Về môi trường và pháp lý, biến đổi khí hậu gây ra thiên tai liên tiếp, đặc biệt trận động đất tại Myanmar gây thiệt hại trực tiếp đến hạ tầng trạm BTS và buộc phải tái đầu tư ngoài kế hoạch. Cùng với đó, nhiều thị trường siết chặt quy định viễn thông - từ đăng ký thuê bao sinh trắc học, thuế mới đối với dịch vụ số đến yêu cầu an ninh mạng và lưu trữ dữ liệu nội địa - làm tăng gánh nặng tuân thủ và chi phí vận hành.

b) Cơ hội và các yếu tố thúc đẩy

- Bất chấp bề rộng của các thách thức, năm

2025 cũng hội tụ những yếu tố thuận lợi đặc thù cho mô hình kinh doanh của Viettel Global. Lạm phát toàn cầu cải thiện từ 5,9% (2024) xuống 4,2%, các ngân hàng trung ương lớn bắt đầu nới lỏng chính sách tiền tệ - tạo nền tảng kinh tế vĩ mô tích cực hơn cho hoạt động đầu tư. Timor-Leste chính thức gia nhập ASEAN tháng 10/2025, mở ra giai đoạn hội nhập kinh tế mới cho thị trường mà Viettel đang nắm giữ vị thế dẫn đầu. Tại Campuchia, hơn 1 triệu lao động hồi hương từ Thái Lan vô hình chung thúc đẩy tăng trưởng thuê bao Metfone đột biến.

- Về công nghệ và ngành nghề, làn sóng chuyển đổi số tiếp tục là động lực tăng trưởng bền vững tại tất cả thị trường Viettel đầu tư. Nhu cầu dữ liệu di động tăng mạnh, tài chính điện tử mở rộng sang dịch vụ cho vay và tiết kiệm, hệ sinh thái dịch vụ số ngày càng trở thành lựa chọn ưu tiên của người tiêu dùng - đặc biệt tại châu Phi và Đông Nam Á. Đây chính là nền tảng để doanh thu dịch vụ ngoài viễn thông truyền thống của Viettel Global lần

đầu tiên vượt ngưỡng 15%.

- Đánh giá tổng thể, HĐQT nhận định: năm 2025 là năm kiểm chứng thực sự năng lực phục hồi và thích ứng của hệ thống quản trị. Việc hoàn thành xuất sắc 8/8 chỉ tiêu kế hoạch với doanh thu dịch vụ tăng trưởng 21%, lợi nhuận trước thuế xấp xỉ 600 triệu USD và tỷ lệ hoàn vốn lũy kế đạt 91% - trong bối cảnh đa khủng hoảng đồng thời tại nhiều thị trường - là minh chứng rõ nét nhất cho sức mạnh của mô hình đầu tư đa thị trường và bản lĩnh của Ban điều hành. Đây là năm thứ 9 liên tiếp Viettel Global duy trì tăng trưởng hai con số tại các thị trường nước ngoài, và là nền tảng vững chắc nhất để bước vào giai đoạn chiến lược 2026-2030.

1. Bối cảnh ngành Viễn thông, Công nghệ thông tin:

- Năm 2025 là năm ngành viễn thông toàn cầu trải qua một bước ngoặt cơ cấu quan trọng: ranh giới giữa nhà mạng viễn thông và Công ty công nghệ ngày càng mờ đi. Dịch vụ viễn thông truyền thống chỉ tăng trưởng khoảng 3% toàn cầu trong khi các dịch vụ số (tài chính điện tử, hạ tầng số, nội dung và giải pháp doanh nghiệp) tăng trưởng 8-22%. Tỷ trọng doanh thu ngoài viễn thông truyền thống của các nhà mạng dẫn đầu thế giới đang tiệm cận mức 30%. Đây không còn là xu hướng dài hạn - đây là thực tế cạnh tranh hiện tại mà mọi nhà mạng toàn cầu, bao gồm Viettel Global buộc phải định vị lại mô hình kinh doanh của mình.

Chuyển dịch cơ cấu ngành: từ kết nối sang hệ sinh thái

- Xu hướng chi phối của ngành năm 2025 là quá trình chuyển đổi từ "nhà mạng cung cấp kết nối" sang "nền tảng công nghệ cung cấp

hệ sinh thái dịch vụ số". Các tập đoàn viễn thông lớn toàn cầu đang đẩy mạnh đầu tư vào Data Center, Cloud, tài chính số, Logistics và an ninh mạng đồng thời theo đuổi chiến lược "Asset light": thoái vốn khỏi hạ tầng thụ động, tập trung nguồn lực vào các dịch vụ và giải pháp có biên lợi nhuận cao hơn.

- Tài chính điện tử là mảng chuyển dịch nhanh và mạnh nhất. Tại châu Phi và Đông Nam Á - hai khu vực cốt lõi của Viettel Global - ví điện tử đang vượt qua giai đoạn giao dịch thanh toán đơn giản để tiến vào dịch vụ cho vay vi mô, tiết kiệm và bảo hiểm. Ngân hàng trung ương nhiều quốc gia chủ động thúc đẩy chuẩn hóa hệ thống thanh toán số quốc gia và thanh toán xuyên biên giới, tạo khung pháp lý thuận lợi cho việc mở rộng hệ sinh thái tài chính số. Đây chính là nền tảng để Viettel Global đẩy nhanh chiến lược phát triển tài chính điện tử toàn diện tại tất cả thị trường trong giai đoạn 2026-2030.

Cuộc đua công nghệ: 5G tại Đông Nam Á, 4G vẫn là động lực tại châu Phi

Năm 2025 đánh dấu giai đoạn triển khai thương mại 5G mạnh mẽ tại Đông Nam Á. Campuchia, Lào, và Tanzania đều được cấp thêm tần số C-Band trong năm, mở đường cho việc triển khai 5G quy mô lớn. Đây là tín hiệu rõ ràng: cuộc đua 5G tại các thị trường Viettel Global đầu tư đã bắt đầu và sẽ tăng mạnh trong năm 2026. Trong khi đó, châu Phi vẫn còn dư địa lớn cho 4G với tỷ lệ thuê bao di động 4G mới chỉ đạt khoảng 50,6% - thấp hơn đáng kể so với mức trung bình toàn cầu - cho thấy khu vực này đang ở giai đoạn tích lũy trước khi chuyển dịch mạnh sang dữ liệu và dịch vụ số.

Áp lực cạnh tranh: đối thủ đầu tư mạnh, tái cơ cấu quyết liệt

- Động thái cạnh tranh tại các thị trường Viettel Global đầu tư năm 2025 diễn ra sôi động theo hai hướng đồng thời: đầu tư hạ tầng và mở rộng hệ sinh thái số. Tại Myanmar, ATOM không chỉ đầu tư 5G mà còn đẩy mạnh nội dung số và fintech. Tại Campuchia, Smart Axiata và TrueMoney ký MoU tích hợp viễn thông, tài chính số, báo hiệu sự hội tụ dịch vụ ngày càng sâu hơn. Tại Burundi, Lyca Mobile được cấp phép khai thác mạng toàn quốc, làm gia tăng áp lực cạnh tranh lên Lumitel - thị trường đang ở đỉnh cao sau khi hoàn vốn sớm. Tại Timor-Leste, Telkomcel ra mắt Internet băng rộng hộ gia đình, tạo mặt trận cạnh tranh mới ngoài di động.

Đánh giá tổng thể, bối cảnh ngành năm 2025 xác nhận tính đúng đắn và cấp thiết của định hướng chiến lược chuyển đổi Viettel Global sang mô hình công ty công nghệ. Việc doanh thu dịch vụ ngoài viễn thông truyền thống của Viettel Global lần đầu tiên vượt ngưỡng 15% trong năm 2025 là tín hiệu tích cực, nhưng cũng cho thấy khoảng cách còn lớn so với các nhà mạng dẫn đầu toàn cầu. Việc rút ngắn khoảng cách này là nhiệm vụ chiến lược trọng tâm của giai đoạn 2026-2030.

2. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Trong năm 2025, mặc dù phải đối mặt với nhiều biến động kinh tế – chính trị toàn cầu, Ban điều hành Viettel Global đã thể hiện tinh thần chủ động, bám sát thực tiễn thị trường để điều chỉnh linh hoạt các phương án kinh doanh. Kết quả:

► **Tổng doanh thu hợp nhất:** 49.109 tỷ đồng, tăng trưởng 22,8% so với năm 2024, hoàn thành 127% kế hoạch đã đề ra (38.649 tỷ đồng);

► **Lợi nhuận trước thuế hợp nhất:** 15.176 tỷ

đồng, tăng 4.509 tỷ đồng (tăng 42,3%) so với năm 2024 (10.667 tỷ đồng), hoàn thành 200% kế hoạch (7.599 tỷ đồng).

- Tỷ lệ hoàn vốn lũy kế: Đạt 91%, 6/9 thị trường đã hoàn vốn đầu tư cho Viettel Global. Đóng góp nổi bật tại các thị trường:

► **Châu Á:** Metfone (Campuchia) phát triển đột phá về thuê bao với gần 700 nghìn thuê bao tăng thêm, cao nhất từ trước đến nay; Mytel (Myanmar) phục hồi nhanh sau động đất, đạt lợi nhuận kỷ lục 128 triệu USD, đứng số 1 lợi nhuận toàn VTG; Unitel (Lào) doanh thu tăng trưởng tốt; Telemor (Timor-Leste) hưởng lợi từ việc gia nhập ASEAN.

► **Châu Phi:** Movitel (Mozambique) đạt lợi nhuận ấn tượng là 117,3 triệu USD; Lumitel (Burundi) hoàn vốn Viettel sớm 10 tháng so với kế hoạch; Halotel (Tanzania) đạt 7 triệu thuê bao vào tháng 6/2025, sớm 4 tháng so với kế hoạch;

► **Châu Mỹ:** Natcom (Haiti) duy trì vị trí nhà mạng số 1 với hơn 51% thị phần.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm

- VTG đã tập trung mọi nguồn lực cần thiết, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu SXKD năm 2025 (doanh thu, lợi nhuận) vượt mức kế hoạch đề ra.

- Tiếp tục duy trì tốt hoạt động kinh doanh đối với các dịch vụ viễn thông truyền thống (di động, cố định băng rộng) bằng nhiều chiến lược trọng điểm như **đẩy mạnh chuyển dịch 4G và 5G**: Tiếp tục phát triển thuê bao 4G tại các thị trường có mức độ thâm nhập còn thấp như Châu Phi và Haiti. Đồng thời, thực hiện thương mại hóa và chuyển dịch kinh doanh sang công nghệ 5G tại các thị trường trọng



điểm như Unitel, Metfone, Lumitel, Halotel và Telemor. Đẩy mạnh dịch vụ FTTH (cáp quang tận nhà) để tăng tỷ lệ đóng góp tăng trưởng, kết hợp với dịch vụ truyền hình màn hình lớn và camera an ninh. Đồng thời mở rộng không gian, đẩy mạnh phát triển các dịch vụ mới (superapp, Ví điện tử, Logistics). Trong năm khai trương thành công dịch vụ Logistics tại Lào, đẩy mạnh phát triển hệ sinh thái Super-App và Dịch vụ nội dung tại các thị trường Châu Á và Châu Mỹ. Năm 2025 ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ của dịch vụ Ví điện tử tại nhiều thị trường, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng doanh thu.

- Hoàn thành xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 5 năm 2026-2030 cho tất cả các thị trường nước ngoài.

- VTG hoàn thành các chương trình xúc tiến trọng điểm mở rộng vị thế, hình ảnh Viettel nói chung tại các nước đang đầu tư; Đồng thời mở ra các cơ hội đầu tư kinh doanh, các chính sách ưu đãi cũng như tạo thuận lợi cho quá trình hoạt động của các Công ty thị trường.

Tiếp tục nghiên cứu, khảo sát và đánh giá cơ hội tại các thị trường tiềm năng mới khi có điều kiện thuận lợi về chính trị và kinh tế, nhằm gia tăng quy mô và tầm ảnh hưởng của Viettel trên toàn cầu.

- Thực hiện rà soát tổng thể mô hình tổ chức của các công ty thị trường hướng đến tối ưu bộ máy để giúp các công ty thị trường hoạt động tốt hơn, linh hoạt hơn và đảm bảo đạt được các mục tiêu chiến lược đến năm 2030.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2025



1. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2025, các cuộc họp và hoạt động của HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ của Tổng Công ty và pháp luật hiện hành. Các biên bản, nghị quyết phê duyệt, thông qua các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể, cá nhân các thành viên HĐQT trong các mặt hoạt động của Tổng Công ty đều đạt sự thống nhất cao của các thành viên, đảm bảo triển khai đúng quy định. HĐQT đã họp và ban hành 92 nghị quyết, quyết định chỉ đạo thuộc các lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty, tất cả đều kịp thời và vì lợi ích hợp pháp của Tổng Công ty. HĐQT đã quản trị, định hướng, giám sát để Viettel Global có những phát triển trong kinh doanh, đóng góp quan trọng vào thành công chung của Tập đoàn Viettel trong năm 2025, cụ thể:

Đột phá đầu tư tần số và công nghệ: HĐQT chỉ đạo đầu tư hiệu quả và quyết tâm vào tần số - công nghệ: được cấp thêm phổ tần 4G/5G tại

các thị trường (Burundi, Tanzania, Lào, Campuchia, Timor-Leste), nâng tổng số lên 6 thị trường có 5G. Đầu tư mạnh dạn cho Halotel 106 triệu USD, tạo cú hích bứt phá phát triển kinh doanh.

Tăng cường hoạt động đối ngoại cấp cao: HĐQT tích cực tham gia các hoạt động đối ngoại, tháo gỡ vướng mắc pháp lý và tạo thuận lợi cho kinh doanh tại các thị trường.

Phát triển tổ chức và nhân sự: Hoàn thành đào tạo Giám đốc Ví Công ty thị trường, chương trình đào tạo PTGD kỹ thuật; điều chỉnh chính sách tiền lương mới cho nhân sự nước ngoài.

Ghi nhận danh hiệu cao quý: Chính phủ Việt Nam đã trao tặng danh hiệu Anh hùng Lao động cho Viettel Global và Metfone, cùng huân chương Lao động hạng Ba cho Movitel và Lumitel. Trên trường quốc tế, chỉ tính riêng

năm 2025, các công ty tại nước ngoài đã khẳng định vị thế với 37 giải thưởng uy tín như World Communications Awards, Stevie Awards, ASEAN Digital Awards, Globe Awards... Tính đến nay, các Công ty Viettel Global đầu tư tại nước ngoài đã vinh dự nhận lũy kể 60 Huân chương, bằng khen từ Chính phủ Việt Nam cũng như các nước sở tại, cùng 130 giải thưởng quốc tế uy tín.

► **Thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao**

Trong năm 2025, HĐQT Viettel Global đã nghiêm túc triển khai các nội dung được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 thông qua tại Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ-VTG ngày 05/6/2025.

Bên cạnh đó, HĐQT tập trung tăng cường công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành (BĐH) thông qua các cuộc họp định kỳ và đột xuất nhằm theo dõi sát sao kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) và các lĩnh vực quan trọng khác.

Các hoạt động của HĐQT được tổ chức theo đúng Điều lệ Tổng Công ty và quy định pháp luật hiện hành. Các biên bản, nghị quyết được thông qua với sự thống nhất cao giữa các thành viên, đảm bảo tính pháp lý và khả năng triển khai hiệu quả.

Trong năm, HĐQT đã tổ chức họp và ban hành 92 nghị quyết, tập trung chỉ đạo nhiều nội dung trọng tâm, tiêu biểu như:

- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
- Thông qua, giao kế hoạch SXKD và đầu tư

năm 2025 cho Tổng Công ty và các Công ty thị trường.

- Chỉ đạo xây dựng Chiến lược VTNN 2026-2030.

- Định hướng chuyển đổi Viettel Global thành Công ty đầu tư toàn cầu theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Giám sát thường xuyên hoạt động của các Công ty thị trường.

- Kien toàn nhân sự HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

- Thông qua các hợp đồng, giao dịch với bên liên quan.

► **Công tác chỉ đạo, giám sát của HĐQT**

• Trong năm 2025, HĐQT trực tiếp định hướng, chỉ đạo Ban điều hành bằng 76 Nghị quyết và giao cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện các hoạt động bao gồm giám sát, kiểm soát đầu tư theo các mục tiêu tài chính đã được thông qua, sắp xếp lại và xây dựng chức năng quản lý của Tổng Công ty để hoạt động đạt hiệu quả cao nhất. Các báo cáo của Người đại diện vốn tại thị trường gửi về xin ý kiến được trả lời kịp thời. Hoạt động của Tổng Công ty tuân thủ theo quy định của pháp luật. Các giao dịch với bên có liên quan của Tổng Công ty hoặc giữa Tổng Công ty với người có liên quan của người nội bộ được kiểm soát minh bạch, rõ ràng (theo phụ lục 1 đính kèm); Danh sách về người có liên quan của Tổng Công ty (theo phụ lục 02 đính kèm).

• Trong năm 2025, Tổng Công ty đã thực hiện chi trả lương, thưởng, lợi ích khác của

Ban Tổng Giám đốc (bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc) đúng theo quy định với số tiền là: 27.391.148.972 đồng.

► **Cổ đông và cổ phiếu**

• Cổ đông: Trong năm 2025, Viettel Global đã thực hiện tốt công tác quản lý cổ đông, cụ thể: (i). Giải đáp thông tin và hỗ trợ thủ tục: Cung cấp thông tin kịp thời, chính xác; cấp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho cổ đông có yêu cầu hợp lệ; (ii). Cập nhật dữ liệu cổ đông: Phối hợp với các cơ quan chức năng để điều chỉnh thông tin cổ đông theo yêu cầu, với tổng số 117 lượt điều chỉnh đã được thực hiện.

• Cổ phiếu: Năm 2025 là năm Viettel Global ghi nhận doanh thu 49.109 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 15.176 tỷ đồng, cao nhất từ trước đến nay. Trong năm 2025, giá cổ phiếu VGI ghi nhận tích lũy ở quanh vùng giá 65.000-80.000 đồng/cổ phiếu; Hết năm 2025, vào đầu năm 2026, cổ phiếu VGI có tăng trưởng mạnh mẽ, có thời điểm đạt đỉnh mới với mức giá 142.800 đồng/cổ phiếu.

► **Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị**

• Văn phòng HĐQT hoạt động tích cực, tư vấn chuyên môn, cập nhật các quy định, thông lệ tốt về quản trị công ty đến các thành viên HĐQT. Theo dõi các công việc HĐQT thông qua, các ủy quyền. Giúp việc cho chủ tịch đánh giá các thành viên HĐQT thường kỳ. Chuẩn bị các cuộc họp bao gồm nội dung, điều kiện họp cho HĐQT đảm bảo. Cung cấp thông tin, công bố thông tin bằng song ngữ kịp thời, chính xác theo đúng thời hạn quy định.

► **Thù lao của HĐQT năm 2025**

• Thù lao chi trả cho HĐQT được thực hiện

đúng mức và đã được ĐHĐCĐ thông qua. Tổng thù lao chi trả cho các thành viên HĐQT và thư ký trong 12 tháng của năm 2025 là: 1.036.400.000 VNĐ.

► **Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Điều hành**

Hội đồng Quản trị đánh giá cao sự chủ động, ứng biến linh hoạt của Ban Điều hành (BĐH) trong việc tổ chức, điều hành triển khai các phương án kinh doanh, đồng thời thực hiện tốt công tác giám sát, hỗ trợ, giúp Tổng Công ty và thị trường đi đúng hướng chiến lược đề ra. Cụ thể:

• Thực thi chiến lược và kế hoạch kinh doanh: Triển khai sát với định hướng của ĐHĐCĐ và HĐQT; điều chỉnh linh hoạt theo thực tiễn

• Thực hiện nghị quyết và chỉ đạo: Tuân thủ đúng tiến độ, chất lượng các nhiệm vụ được HĐQT giao

• Bám nắm thị trường và xu thế: Cập nhật thường xuyên tình hình ngành, đưa ra quyết định dựa trên phân tích thực tiễn

• Thực hiện quản trị và tuân thủ: Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro toàn diện, tuân thủ đúng quy định pháp luật và nội bộ

• Hiệu quả vận hành: Doanh thu, lợi nhuận liên tục tăng trưởng; mở rộng thị phần; nâng cao uy tín và giá trị thương hiệu Viettel Global trên thị trường quốc tế.

• HĐQT tin tưởng rằng với sự chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm cao của BĐH, Viettel Global sẽ tiếp tục gặt hái nhiều thành công hơn nữa trong tương lai.



2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất để thảo luận, xem xét và thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Một số nội dung quan trọng đã được BKS thông qua bao gồm:

- Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát và tổ chức triển khai các chương trình giám sát theo kế hoạch;
- Thông qua các kết quả giám sát định kỳ và các báo cáo giám sát chuyên đề của Ban Kiểm soát;
- Thẩm định các nội dung tài liệu thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;
- Đánh giá chất lượng hoạt động của đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty;
- Xem xét, thông qua các kết luận kiểm tra,

giám sát chuyên đề và theo dõi việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát.

- Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của Tổng công ty theo chuẩn COSO 2013, qua đó nhận diện các điểm mạnh, các khoảng trống kiểm soát và kiến nghị các biện pháp hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ.

- Kinh phí hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025 được thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định hiện hành.

- Việc chi trả thù lao và lợi ích khác của BKS cao hơn so với ngân sách được phê duyệt, nguyên nhân:

- VTG thực hiện điều chỉnh Quy chế tiền lương từ ngày 01/11/2025 dẫn đến thay đổi nguyên tắc và cơ cấu chi trả tiền lương trong các tháng cuối năm.
- Theo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, tổng chi tiền lương thực tế cao hơn tương đương 01 tháng so với kế hoạch.

► Những nội dung giám sát đã được BKS kiểm tra trong năm 2025

- Giám sát hoạt động của HĐQT Tổng Công ty theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết phân cấp ủy quyền, Nghị quyết phân công nhiệm vụ cho các Thành viên HĐQT (“TV HĐQT”).

- Giám sát công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc (“BTGD”): đánh giá việc thực hiện theo các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ/HĐQT giao, đánh giá việc triển khai các giải pháp, kế hoạch hành động để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm đã báo cáo ĐHĐCĐ, đánh giá việc thận trọng, trung thực trong các quyết định điều hành theo sự phân cấp ủy quyền của HĐQT Tổng Công ty, việc thực hiện công bố thông tin theo quy định và thực hiện các quyết định điều hành khác trong việc đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông, công ty và người lao động...

- Giám sát việc áp dụng các nguyên tắc, chính sách kế toán tại Tổng Công ty, đánh giá việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (“BCTC”) định kỳ theo chế độ hiện hành, thẩm định BCTC 6 tháng/lần sau khi đã có các kết quả soát xét/kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập.

- Giám sát việc triển khai công tác Quản trị rủi ro, Kiểm toán nội bộ tại Tổng Công ty, đánh giá tính hiệu lực hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ đối với một số nội dung/lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty.

- Giám sát việc thực hiện các giao dịch giữa Tổng Công ty với các bên có liên quan.

- Giám sát các hoạt động về quản lý lao động, tiền lương; quản lý, sử dụng chi phí; quản lý theo dõi thu hồi công nợ; quản trị công ty cấp 4 tại thị trường; việc thực hiện các nhiệm vụ GSM của VTG theo các lĩnh vực đối với các Công ty thị trường...

- Giám sát công tác phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BTGD và các đơn vị liên quan với BKS; giám sát việc thực hiện đảm bảo các quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông, công ty và người lao động...

- Giám sát trực tiếp tại các thị trường Lào và Myanmar.

► Đánh giá giao dịch giữa công ty với người có liên quan

Theo quy định tại Khoản 4 – Điều 290 – ND 155/2020/NĐ-CP, BKS đã:

- Thực hiện giám sát việc kê khai người có liên quan và lợi ích liên quan của các cá nhân nội bộ tại Tổng Công ty, đồng thời theo dõi việc công bố thông tin đối với các giao dịch với người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Qua công tác giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy việc thực hiện các giao dịch giữa Tổng Công ty với các bên có liên quan cơ bản được thực hiện theo đúng trình tự, thẩm quyền và quy định nội bộ của Tổng Công ty. Các hợp đồng, giao dịch phát sinh trong kỳ đã được xem xét, phê duyệt theo đúng phân cấp thẩm quyền; giá trị và nội dung giao dịch nằm trong phạm vi danh mục giao dịch với bên liên quan đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.



- Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, xem xét và có ý kiến thẩm định trước khi Tổng Giám đốc Tổng Công ty thực hiện ký kết các hợp đồng theo phân cấp ủy quyền của Hội đồng quản trị; đồng thời giám sát việc tuân thủ các quy định về quản trị công ty nhằm bảo đảm tính minh bạch, tránh xung đột lợi ích và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông và Tổng Công ty.

► Kết quả giám sát công tác quản trị điều hành của HĐQT

- Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ của Tổng Công ty.
- Tổ chức các cuộc họp và ban hành nghị quyết theo đúng trình tự, thẩm quyền; các nội dung quyết nghị tập trung vào các vấn đề

trọng yếu như định hướng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, các giao dịch với bên liên quan và các quyết định quản trị quan trọng khác.

- Thực hiện đầy đủ chức năng quản trị và giám sát hoạt động điều hành; kịp thời định hướng, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai các mục tiêu và nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao.
- Ban TGDĐ đã thực hiện chế độ báo cáo định kỳ với Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành; trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã có các chỉ đạo phù hợp nhằm hỗ trợ Ban điều hành hoàn thành các mục tiêu kế hoạch. Các Thành viên HĐQT đã thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ nghiêm túc, cẩn trọng, phát huy tốt các hoạt động giám sát, định hướng đối với các lĩnh vực được phân công.

- Trong bối cảnh hoạt động đầu tư quốc tế của Tổng Công ty tiếp tục mở rộng và môi trường kinh doanh tại một số thị trường còn nhiều biến động, Ban Kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị tiếp tục tăng cường giám sát hiệu quả đầu tư, nâng cao chất lượng quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ nhằm bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực và phát triển bền vững của Tổng Công ty.

► Kết quả giám sát công tác quản trị điều hành Ban Giám đốc trong năm 2025

- Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong bối cảnh môi trường kinh doanh tại nhiều thị trường đầu tư còn tiềm ẩn nhiều khó khăn, như biến động kinh tế vĩ mô, rủi ro chính trị, biến động tỷ giá và thay đổi chính sách quản lý tại các quốc gia sở tại.
- Đã phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng

thành viên, duy trì cơ chế điều hành linh hoạt, thường xuyên báo cáo và tham mưu Hội đồng quản trị trong việc điều chỉnh các giải pháp điều hành nhằm bảo đảm thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

- Hoạt động quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ tiếp tục được quan tâm triển khai, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và hỗ trợ công tác điều hành trong toàn Tổng Công ty.

► Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông

- Trong năm 2025, Ban Kiểm soát duy trì sự phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chức năng giám sát theo quy định.
- Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và một số cuộc họp của Ban điều hành để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Tổng Công ty. Các đơn vị chức năng và Văn phòng Hội đồng quản trị cơ bản thực hiện đầy đủ việc cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ công tác giám sát của Ban Kiểm soát theo quy định.
- Các kiến nghị của Ban Kiểm soát trong quá trình giám sát đã được Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tiếp thu, chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện giải trình và khắc phục.
- Trong năm, không phát sinh nội dung lớn liên quan đến yêu cầu giám sát từ phía cổ đông; công tác quan hệ cổ đông được Tổng Công ty thực hiện theo quy định

► Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025

- Công tác lập và kiểm toán BCTC: BCTC năm 2025 (bao gồm BCTC Công ty mẹ và BCTC Hợp nhất) đã được Công ty Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán và phát hành Báo cáo kiểm toán ngày 31/03/2026, Báo cáo kiểm toán đã đánh giá đầy đủ, khách quan về công tác lập và trình bày BCTC năm 2025 của Tổng Công ty. Các ý kiến kiểm toán đã phản ánh chính xác tình hình tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025.

► **Thực hiện các nội dung đã được nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 phê duyệt**

Ban Kiểm soát đã theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai các nhiệm vụ và chỉ tiêu sản xuất kinh doanh phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các nhiệm vụ trọng tâm đã được triển khai theo kế hoạch; một số nội dung liên quan đến hoạt động đầu tư, mở rộng thị trường và các điều kiện khách quan tại một số thị trường còn gặp khó khăn, ảnh hưởng nhất định đến tiến độ thực hiện.

- Ban lãnh đạo Tổng Công ty đã chủ động rà soát, phân tích các nguyên nhân và có các giải pháp điều hành phù hợp nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và kiểm soát rủi ro trong quá trình triển khai các nhiệm vụ được giao.

- Hoạt động kiểm toán độc lập đối với Báo cáo tài chính của Tổng Công ty. Công tác kiểm toán được thực hiện bởi Công ty kiểm toán độc lập theo đúng hợp đồng đã ký kết và tuân thủ các quy định hiện hành.

- Tổng Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.

- Việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị được thực hiện theo đúng quy định. Đối với Ban Kiểm soát, mức chi trả thù lao trong năm 2025 cao hơn so với kế hoạch đã được phê duyệt, phù hợp với các nội dung giải trình nêu trên

► **Kế hoạch hành động trong năm 2025**

- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của BKS. Tập trung nâng cao hơn nữa hiệu quả giám sát đối với việc thực hiện các mục tiêu chính, các nhiệm vụ trọng tâm đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi có đề nghị, yêu cầu của cổ đông, HĐQT Tổng Công ty và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Tập trung giám sát các hoạt động trọng tâm như: việc thực hiện thu hồi công nợ, thu hồi vốn đầu tư; thực hiện sử dụng chi phí, ngân sách đầu tư; quản lý nguồn vốn; và thực thi các vấn đề liên quan đến tổ chức quản trị, điều hành của Tổng Công ty về quản lý tài chính kế toán, quản trị rủi ro; tổ chức đánh giá và đào tạo triển khai áp dụng bộ tiêu chí về mức độ trưởng thành hoạt động kiểm soát nội bộ tại Tổng Công ty; giám sát thực thi chiến lược dài hạn giai đoạn 2021-2025 và công tác tổ chức triển khai xây dựng chiến lược giai đoạn 2026-2030.

- Thực hiện kiểm tra trực tiếp 02-03 thị trường.



3. QUẢN TRỊ RỦI RO

► **Phương pháp xây dựng hệ thống Quản trị rủi ro**

Nhằm quản lý rủi ro và đảm bảo đạt được những mục tiêu chiến lược, Viettel Global đã và đang xây dựng hệ thống QTRR với cơ cấu tổ chức, chiến lược và chính sách QTRR theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 31000:2018 và COSO ERM 2017.

► **Kết quả chính của hoạt động QTRR trong năm 2025**

Kết quả hoạt động QTRR năm 2025

Trong năm 2025, công tác QTRR của VTG tiếp tục ghi nhận những bước phát triển rõ rệt. Mức độ trưởng thành của hệ thống QTRR tại VTG (theo các tiêu chí đánh giá của tư vấn EY) đã đạt 3.55/5, tương ứng với mức “hoàn thiện”, hoàn thành mục tiêu kế hoạch đặt ra và phản ánh hoạt động QTRR ngày càng bài bản, đồng bộ và tiệm cận các chuẩn mực quốc tế. Song song với đó, VTG cũng hoàn

thành mục tiêu nâng cao mức độ trưởng thành QTRR tại các công ty thị trường lên mức 2,0. Một số thị trường ghi nhận kết quả nổi bật, tiêu biểu như Metfone tại Campuchia đạt 2,97/5, Movitel tại Mozambique đạt 2,72/5 và Bitel tại Peru đạt 2,70/5, cho thấy năng lực QTRR tại VTG đang được nâng tầm đồng bộ trên phạm vi toàn hệ thống, góp phần củng cố nền tảng QTRR xuyên suốt và gia tăng khả năng thích ứng trước các biến động phức tạp hiện nay.

Kết quả trên đến từ một số công tác tiêu biểu như VTG đã hoàn thành xây dựng và ban hành khung tài liệu QTRR áp dụng cho toàn bộ các công ty thị trường, tạo sự chuẩn hóa trong phương pháp, quy trình và cơ chế vận hành. Đồng thời, VTG đã triển khai thành công phần mềm QTRR trên phạm vi toàn VTG và các công ty thị trường, số hóa toàn bộ hồ sơ rủi ro và đưa vào hệ thống theo dõi đảm bảo sự kết nối đồng bộ trong hoạt động QTRR giữa VTG và các thị trường, hoạt động



nhận diện rủi ro được triển khai ngay từ giai đoạn lập kế hoạch, theo dõi và ứng phó kịp thời xuyên suốt quá trình vận hành, qua đó thúc đẩy mạnh mẽ ứng dụng CNTT trong QTRR doanh nghiệp.

Trên nền tảng QTRR của VTG dần bài bản và tiên tiến, VTG tiếp tục duy trì cơ chế giá sát các rủi ro trọng yếu, bao gồm những rủi ro đặc thù gắn với bối cảnh hoạt động quốc tế và lĩnh vực viễn thông – công nghệ, nổi bật như: Rủi ro biến động chính trị và thiên tai, rủi ro sự cố an toàn – an ninh mạng, rủi ro trong quản trị và bảo vệ dữ liệu, rủi ro sự cố hạ tầng mạng viễn thông cùng rủi ro tỷ giá phát sinh từ hoạt động kinh doanh đa quốc gia

Rủi ro từ biến động chính trị và thiên tai

VTG hiện đang đầu tư và vận hành tại nhiều quốc gia với điều kiện kinh tế - chính trị và môi trường tự nhiên đa dạng. Điều này đồng nghĩa với việc VTG có thể đối mặt với các rủi ro phát sinh từ bất ổn chính trị, xung đột xã hội, thiên tai, dịch bệnh hoặc sự cố hạ tầng. Những yếu tố này có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, làm gián đoạn vận hành

mạng lưới, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, gây thiệt hại về tài sản và con người, cũng như ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển tại từng thị trường.

Thực tế trong thời gian qua, một số công ty thị trường của VTG đã gặp phải các thách thức đặc thù như: bất ổn chính trị tại Haiti, Myanmar; điều kiện tự nhiên không ổn định như thiên tai, bão lũ (như trận động đất tháng 03/2025 tại Myanmar, các đợt hạn hán kéo dài ở Đông Phi và lũ lụt bất thường ở Nam Phi,...) đã ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng vận hành liên tục của hệ thống mạng lưới, cơ sở hạ tầng và hệ thống công nghệ thông tin. Để ứng phó, VTG đã chủ động xây dựng và triển khai hệ thống quản lý kinh doanh liên tục (BCM), kế hoạch ứng phó khủng hoảng, cũng như nâng cao năng lực dự báo và phản ứng nhanh trong các tình huống bất thường tại từng thị trường.

Rủi ro sự cố an toàn, an ninh mạng

Năm 2025 chứng kiến sự dịch chuyển nguy hiểm trong phương thức tấn công mạng với sự can thiệp sâu của Trí tuệ nhân tạo

(AI). Các doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ, liên tục trở thành mục tiêu của các cuộc tấn công mạng với hình thức ngày càng tinh vi, đặc biệt là mã độc tống tiền (Ransomware) và lừa đảo tinh vi (Deepfake), nhằm đánh cắp dữ liệu, gián đoạn dịch vụ, làm tổn hại đến uy tín thương hiệu và ảnh hưởng đến niềm tin của khách hàng.

Tại VTG, với vai trò là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ, việc đảm bảo an toàn, an ninh mạng luôn được xác định là ưu tiên hàng đầu trong chiến lược quản trị rủi ro. Trong năm qua, VTG đã chủ động rà soát hiện trạng, đánh giá mức độ phù hợp của các quy trình, tiêu chuẩn liên quan đến quản trị dữ liệu và bảo mật thông tin do Tập đoàn và VTG ban hành; đồng thời bổ sung, cập nhật những hướng dẫn chưa phù hợp với thực tiễn triển khai. Bên cạnh đó, các chương trình đánh giá hiệu quả kiểm soát rủi ro an toàn thông tin, đặc biệt là đối với các mối đe dọa nội bộ, đã được triển khai tại

nhiều công ty thị trường. Song song, VTG xây dựng kế hoạch đảm bảo kinh doanh liên tục và phương án phục hồi sau sự cố, nhằm đảm bảo tính sẵn sàng và khả năng ứng phó nhanh chóng trong mọi tình huống phát sinh.

Rủi ro trong công tác quản trị dữ liệu

Với đặc thù quản lý khối lượng lớn dữ liệu liên quan đến khách hàng, vận hành mạng lưới, sản phẩm, dịch vụ và quản trị nội bộ, VTG đối mặt với các rủi ro đáng kể nếu công tác quản trị dữ liệu không được thực hiện một cách tập trung, bài bản và đồng bộ trên toàn hệ thống. Việc thiếu cơ chế quản trị dữ liệu thống nhất có thể dẫn đến tình trạng dữ liệu không đảm bảo tính toàn vẹn, chính xác, hoặc sử dụng sai mục đích; đồng thời tiềm ẩn nguy cơ rò rỉ dữ liệu, vi phạm các quy định pháp lý liên quan đến bảo mật và an toàn thông tin.. Các nhóm dữ liệu như dữ liệu vận hành mạng lưới, dữ liệu khách hàng và sản phẩm dịch vụ, ... được quản lý bởi các công ty thị trường hoặc các phòng ban tại Tổng công ty, nhưng mức





độ kiểm soát và tiêu chuẩn hóa chưa đồng đều. Việc này có thể ảnh hưởng đến khả năng khai thác dữ liệu phục vụ điều hành, giảm hiệu quả phối hợp giữa các đơn vị và tiềm ẩn rủi ro trong việc đảm bảo chất lượng và bảo vệ dữ liệu trên toàn hệ thống.

VTG đã lập kế hoạch triển khai xây dựng hệ thống data catalog cho các tập dữ liệu trong phạm vi quản trị tại VTG HO và các CTTT, nhằm cung cấp cái nhìn có hệ thống về dữ liệu trên toàn tổ chức phục vụ mục đích quản trị chung. Song song, VTG lập kế hoạch rà soát các quy trình, quy định liên quan đến quản trị dữ liệu, xác định rõ định hướng, phạm vi và mục tiêu dài hạn trong công tác này. Triển khai mô hình tổ chức quản trị dữ liệu theo "Quy định về Quản trị dữ liệu tại TCT CP Đầu tư Quốc tế Viettel".

Rủi ro sự cố mạng viễn thông

Là doanh nghiệp hoạt động cốt lõi trong lĩnh vực viễn thông, VTG xác định việc duy trì hoạt động ổn định và chất lượng cao của hệ thống mạng lưới là yếu tố quan trọng trong việc đảm bảo trải nghiệm khách hàng và bảo vệ uy tín thương hiệu. Rủi ro phát sinh từ các sự cố mạng viễn thông, bao gồm gián đoạn kết nối, suy giảm chất lượng dịch vụ, hoặc mất tín hiệu diện rộng, có thể gây ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ hài lòng của khách hàng, dẫn đến tình trạng rời mạng và giảm hiệu quả khai thác tại các thị trường.

Trong thực tế, các sự cố kỹ thuật có thể phát sinh từ nhiều nguyên nhân như hạ tầng mạng chưa đồng đều, hoặc từ các tác động ngoại lực như thiên tai, phá hoại, mất điện kéo dài. Rủi ro này nếu không được kiểm soát hiệu

quả có thể ảnh hưởng trực tiếp đến các mục tiêu về tăng trưởng thuê bao, doanh thu dịch vụ viễn thông, cũng như mục tiêu nâng cao chất lượng trải nghiệm khách hàng – một trong những trọng tâm chiến lược của VTG.

Trước thực trạng này, VTG đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm kiểm soát và giảm thiểu rủi ro sự cố mạng: VTG đã lập kế hoạch xây dựng Khung năng lực kỹ thuật cho đội ngũ nhân sự tại VTG và các CTTT, tổ chức các chương trình đào tạo định kỳ theo chu kỳ 6 tháng hoặc hàng năm, đảm bảo đội ngũ kỹ thuật luôn đáp ứng yêu cầu chuyên môn trong vận hành mạng lưới.

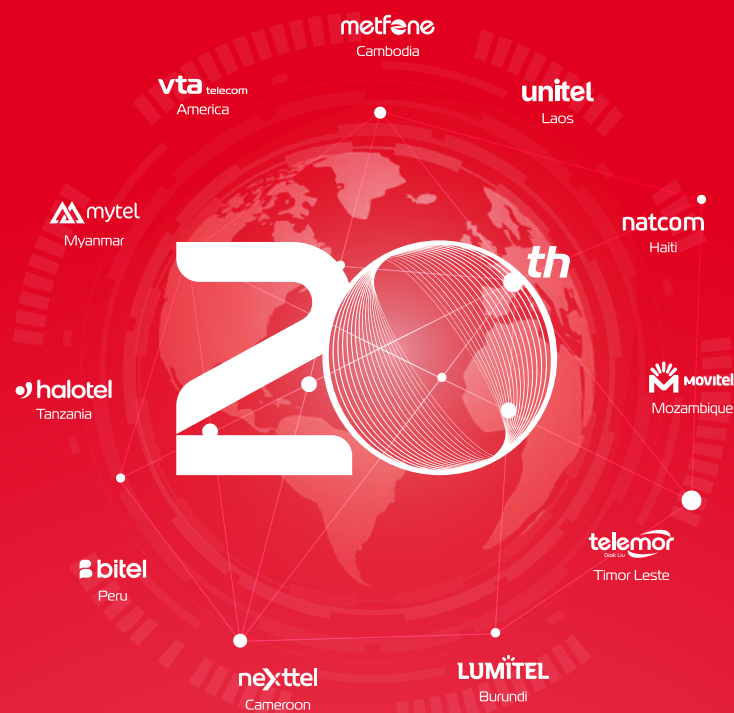
Rủi ro tỷ giá

Viettel Global đối mặt với rủi ro tỷ giá giống như nhiều nhà đầu tư toàn cầu khác có dự án đầu tư ra nước ngoài do chênh lệch tỷ

giá. Viettel Global chuyển vốn ra nước ngoài bằng ngoại tệ (USD, EUR) trong khi đồng tiền hạch toán và doanh thu tại các nước đầu tư là nội tệ của các quốc gia. Do đó, kết quả kinh doanh của Viettel Global bị ảnh hưởng bởi (1) rủi ro tỷ giá khi quy đổi doanh thu từ nội tệ sang USD và (2) rủi ro đánh giá lại tỷ giá các khoản công nợ ngoại tệ cuối kỳ (chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện).

Để giảm thiểu rủi ro tỷ giá, Viettel Global nghiên cứu và thực hiện nhiều giải pháp khác nhau như: (i) Ưu tiên vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán vật tư, thiết bị bằng đồng nội tệ để tránh tác động của lãi suất và biến động tỷ giá; (ii) sử dụng các hợp đồng kỳ hạn (forward) nhằm nâng cao tỷ lệ phòng vệ rủi ro (hedging ratio); (iii) Sử dụng các đồng ngoại tệ khác dễ sắp xếp hơn (CNY,...) để tránh việc phụ thuộc vào duy nhất một đồng ngoại tệ (USD)





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2026



1. DỰ BÁO ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2026 là năm đầu tiên Viettel Global triển khai Chiến lược 2026-2030 trong một bối cảnh thế giới có cả thuận lợi lẫn thách thức đan xen. HĐQT đánh giá môi trường kinh doanh năm 2026 theo hai chiều tác động trực tiếp đến định hướng điều hành của Tổng Công ty:

Những yếu tố tạo thuận lợi và cơ hội

Về kinh tế vĩ mô, lạm phát toàn cầu tiếp tục được cải thiện và Fed duy trì xu hướng cắt giảm lãi suất, giúp giảm áp lực tỷ giá và chi phí vốn tại các thị trường đầu tư. Đây là nền tảng hỗ trợ cho việc tối ưu hóa cơ cấu vốn và mở rộng đầu tư trong năm bản lề chiến lược. Tại một số thị trường quan trọng như Mozambique, Myanmar, Tanzania và Haiti, tăng trưởng kinh tế dự báo cải thiện so với năm 2025, tạo điều kiện thuận lợi để mở rộng nhu cầu dịch vụ viễn thông và dịch vụ số.

Về công nghệ và ngành nghề, làn sóng chuyển đổi công nghệ từ 2G/3G sang 4G và 5G toàn cầu đang tạo ra cơ hội đặc thù cho Viettel Global: châu Phi - khu vực cốt lõi của danh

mục đầu tư - vẫn còn dư địa tăng trưởng 4G rất lớn (tỷ lệ thuê bao 4G mới đạt 50,6%, so với trung bình thế giới 65,1%), trong khi Đông Nam Á và Mỹ Latinh bắt đầu chuyển dịch sang 5G với tốc độ nhanh. Đây là thời điểm lý tưởng để Viettel Global khai thác đồng thời hai làn sóng công nghệ, củng cố lợi thế hạ tầng trước đối thủ. Xu hướng các tập đoàn viễn thông châu Âu thoái vốn khỏi các thị trường không cốt lõi tiếp tục tạo ra khoảng trống M&A, mở ra cơ hội mở rộng địa lý phù hợp với thế mạnh và kinh nghiệm của Viettel Global - đặc biệt tại khu vực Mỹ Latinh.

Về chuyển đổi số tại các thị trường đầu tư, nhu cầu số hóa của cả chính phủ lẫn doanh nghiệp tại khu vực châu Á và châu Phi tiếp tục tăng mạnh, tạo dư địa lớn cho các dịch vụ tài chính số, hạ tầng số và giải pháp doanh nghiệp - đúng vào thời điểm Viettel Global chủ trương đầu tư mạnh vào các lĩnh vực này. Timor-Leste gia nhập ASEAN từ cuối năm 2025 cũng mở ra cơ hội kinh doanh mới cho Telemor trong bối cảnh hội nhập khu vực.



Những thách thức và rủi ro

Về địa chính trị, năm 2026 là năm có mật độ bầu cử cao nhất trong danh mục đầu tư của Viettel Global với các thị trường tổ chức bầu cử lớn: Burundi, Tanzania và Myanmar. Bộ máy quản lý thay đổi đồng nghĩa với việc có nhiều điều chỉnh chính sách, thay đổi cơ chế với doanh nghiệp nước ngoài. Tình hình bất ổn tại Haiti tiếp tục là rủi ro thường trực đối với hoạt động của Natcom, đòi hỏi năng lực quản trị khủng hoảng linh hoạt và nhất quán.

Về tài chính và chi phí vận hành, biến động tỷ giá tiếp tục là thách thức dai dẳng: 4/7 thị trường dự báo mức tăng tỷ giá cao hơn năm 2025, trong đó Lào, Burundi và Myanmar có mức rủi ro tỷ giá đặc biệt cao. Gánh nặng thuế ngành viễn thông tại nhiều thị trường gia tăng - điển hình là thuế 10% doanh thu nền tảng số tại Burundi (ước tính 8,4 triệu USD) - trực tiếp gây áp lực lên biên lợi nhuận và đòi hỏi Ban điều hành phải có giải pháp tối ưu chi phí vận hành thực chất.

Về cạnh tranh ngành, các đối thủ đang đẩy mạnh đầu tư 5G đồng thời mở rộng sang hệ

sinh thái dịch vụ số. Đây là hai lĩnh vực Viettel Global cũng đang tập trung chiến lược.

Đánh giá tổng thể, HĐQT nhận định: bối cảnh năm 2026 tuy nhiều thách thức nhưng không kém phần cơ hội - và điều quyết định thành công là khả năng của Ban điều hành trong việc khai thác đúng thời điểm các cơ hội công nghệ và thị trường, đồng thời quản trị chủ động các rủi ro địa chính trị và tài chính. Viettel Global bước vào năm 2026 từ một nền tảng vững chắc: tỷ lệ hoàn vốn đạt 91%, 10/10 thị trường hoàn thành kế hoạch và danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới - đây là lợi thế xuất phát quan trọng để tự tin triển khai chiến lược chuyển đổi trong năm bản lề 2026.

- Năm 2026 là năm "Khởi động chiến lược - Khai mở tăng trưởng - Chuẩn hóa toàn cầu" - năm đầu tiên triển khai Chiến lược Viễn thông nước ngoài 2026-2030. Với sự chuẩn bị kỹ lưỡng, năng lực điều hành linh hoạt và nền tảng vững chắc từ những thành công của năm 2025, Viettel Global kỳ vọng sẽ tiếp tục duy trì tăng trưởng ổn định, đồng thời chuyển đổi thành công sang mô hình công ty công nghệ kinh doanh toàn cầu đa lĩnh vực.

2. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Năm 2026 là năm Viettel Global chuyển đổi căn bản mô hình hoạt động từ công ty viễn thông đơn thuần sang công ty công nghệ kinh doanh toàn cầu, đa lĩnh vực. Theo đó, Tổng Công ty tập trung vào sáu nhóm định hướng chiến lược:

a) Duy trì tăng trưởng vượt trội, bứt phá sang dịch vụ số

Tiếp tục duy trì đà tăng trưởng hai con số về doanh thu dịch vụ (16,1%) và lợi nhuận (17,2%), đồng thời thực hiện bước chuyển dịch cơ cấu doanh thu có tính chiến lược: tỷ trọng doanh thu ngoài viễn thông truyền với giá trị tuyệt đối đạt 332 triệu USD. Dịch vụ viễn thông truyền thống tiếp tục giữ vai trò nền tảng tạo dòng tiền ổn định, trong khi dịch vụ số - bao gồm tài chính điện tử, nội dung số, hạ tầng số và giải pháp doanh nghiệp - phải trở thành động lực tăng trưởng mới, thực chất và đo lường được ngay từ năm đầu của chiến lược.

b) Hiện đại hóa hạ tầng công nghệ, đi trước đón đầu chu kỳ 5G

Chủ động triển khai thương mại 5G tại các thị trường đã được cấp phép tần số, đồng thời hoàn thiện phủ sóng 4G tại châu Phi - khu vực còn nhiều dư địa tăng trưởng thuê bao. Song song, hạ tầng số gồm Data Center đạt chuẩn quốc tế và nền tảng Cloud cần được khởi động xây dựng ngay trong năm 2026 để sẵn sàng kinh doanh từ năm 2027. Cần đầu tư theo nhu cầu kinh doanh và tín hiệu thị trường, đánh giá hiệu quả đầu tư theo cả giai đoạn 5 năm nhằm tạo không gian đủ rộng cho Ban điều hành nắm bắt cơ hội và đầu tư đúng thời điểm.

c) Tối ưu vốn, kiểm soát chi phí và nâng cao hiệu quả tài chính

Xác định tối ưu chi phí vận hành là nhiệm vụ bắt buộc, với mục tiêu tiết giảm 3-5% OPEX có thể tối ưu trong năm 2026. Bên cạnh đó, mô hình mua sắm tập trung toàn hệ thống cần được củng cố để nâng cao vị thế đàm phán, giảm chi phí đầu tư và kiểm soát chất lượng. Về quản lý rủi ro tài chính, Ban điều hành cần chủ động xây dựng các giải pháp phòng ngừa biến động tỷ giá tại các thị trường nhạy cảm, đồng thời nghiên cứu các công cụ đầu tư tài chính mới nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tiền nhàn rỗi. Mục tiêu dòng tiền về Việt Nam năm 2026 đạt 437 triệu USD, tăng 18% so với năm 2025, phản ánh cam kết tạo giá trị thực và bền vững cho Tập đoàn và cổ đông.

d) Khởi động đa dạng hóa ngành nghề và mở rộng thị trường mới

Năm 2026 là năm "khởi động" có kiểm soát đối với lĩnh vực mới: Logistics tại khu vực Đông Dương. Đây là bước đi có tính toán, tận dụng hạ tầng, thị trường, mạng lưới phân phối sẵn có, Viettel Global thực hiện đa dạng hóa nguồn thu dài hạn mà không phân tán nguồn lực cốt lõi. Về mở rộng thị trường, sau khi nghiên cứu thị trường Cộng hòa Dominicana, Viettel Global đánh giá thị trường còn nhiều tiềm năng (nền kinh tế lớn nhất khu vực Caribe, tình hình an ninh ổn định, nguồn tài nguyên sẵn có đủ cho nhà mạng mới, thị trường viễn thông ở thế độc quyền đôi và giá cước Data còn ở mức cao). Trong năm 2026, Viettel Global sẽ đẩy mạnh xúc tiến đầu tư mới tại thị trường Dominicana. Việc triển khai



các thủ tục xúc tiến đầu tư, bao gồm tham dự đấu thầu lấy giấy phép tại Dominican, các thủ tục đầu tư ra nước ngoài tại Việt Nam sẽ được thực hiện phù hợp với quy định pháp luật, quy định về thẩm quyền có liên quan. Đồng thời, Viettel Global duy trì nghiên cứu các cơ hội khác tại khu vực Mỹ Latinh - nơi xu hướng thoái vốn của các tập đoàn châu Âu đang tạo ra khoảng trống đầu tư phù hợp với thế mạnh và kinh nghiệm của Viettel Global.

e) Xây dựng tổ chức và nhân lực ngang tầm chiến lược

Thực thi chiến lược chuyển đổi đòi hỏi năng lực tổ chức và con người ở tầm mức mới. Ban điều hành cần ưu tiên hoàn thiện mô hình quản trị đầu tư toàn cầu theo chuẩn mực quốc tế, đẩy nhanh lộ trình áp dụng IFRS và xây dựng khung năng lực toàn cầu cho đội ngũ cán bộ chủ chốt. Công tác quy hoạch nhân sự kế cận phải đi trước nhu cầu kinh doanh, đặc biệt đảm bảo đủ nhân lực lãnh đạo cho các thị

trường hiện có và thị trường đầu tư mới. Chính sách đãi ngộ cần tiếp tục được cải thiện để thu hút và giữ chân nhân tài cạnh tranh trong môi trường quốc tế.

f) củng cố quản trị rủi ro, pháp chế và nâng tầm thương hiệu

HDQT xác định quản trị rủi ro và tuân thủ pháp luật không chỉ là yêu cầu nội bộ mà còn là nền tảng để Viettel Global xây dựng uy tín với nhà đầu tư quốc tế và chuẩn bị cho định hướng niêm yết. Hệ thống QTRR toàn hệ thống cần được nâng lên mức trưởng thành thực chất, gắn với văn hóa tuân thủ trong mọi quyết định kinh doanh. Về pháp chế, cần xử lý dứt điểm các vướng mắc còn tồn đọng tại một số thị trường. Đặc biệt, năm 2026 Viettel Global kỷ niệm 20 năm kinh doanh toàn cầu - HDQT định hướng tổ chức chuỗi sự kiện phù hợp, gắn với truyền thông về định hướng chuyển đổi chiến lược, tạo hiệu ứng tích cực với nhà đầu tư, đối tác và thị trường quốc tế.



3. ĐỊNH HƯỚNG THEO CÁC LĨNH VỰC

3.1. Về hoạt động chiến lược kinh doanh:

Năm 2026 tăng trưởng của Viettel Global dựa trên bốn động lực song song: viễn thông truyền thống, dịch vụ số, lĩnh vực mới và mở rộng thị trường.

Đối với dịch vụ viễn thông truyền thống, tiếp tục củng cố vai trò nền tảng tạo doanh thu và lợi nhuận, giữ vững vị trí dẫn đầu thị phần tại các thị trường chiến lược, đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi công nghệ sang 5G tại các thị trường đã được cấp phép tần số. Dịch vụ viễn thông truyền thống tuy tăng trưởng chậm lại so với năm 2025, nhưng vẫn là trụ cột tạo dòng tiền ổn định cho toàn hệ thống.

Đối với dịch vụ số là động lực tăng trưởng chiến lược giai đoạn 2026-2030, với mục tiêu doanh thu dịch vụ ngoài viễn thông truyền thống đạt 332 triệu USD trong năm 2026. Ban điều hành cần tập trung phát triển hệ sinh thái tài chính số toàn diện (từ ví điện tử đến dịch vụ cho vay, tiết kiệm), đẩy mạnh nội dung số, xổ số - betting tại các thị trường có tiềm năng, đồng thời khởi động kinh doanh dịch vụ hạ tầng số (Data Center, Cloud) để sẵn sàng cho giai đoạn tăng trưởng đột phá từ 2027.

Đối với các lĩnh vực mới, năm 2026 "khởi động" Logistics tại khu vực Đông Dương, lĩnh vực khai thác tối đa hạ tầng và quan hệ sẵn có của Viettel Global, tạo nền tảng cho đa dạng hóa nguồn thu giai đoạn sau.

Về mở rộng thị trường, hoàn tất các bước cần thiết để hiện thực hóa đầu tư tại Cộng hòa Dominican trong năm 2026, đồng thời tiếp

tục nghiên cứu, đánh giá các thị trường tiềm năng tại Mỹ Latinh và theo dõi cơ hội thoái vốn từ các tập đoàn châu Âu tại các thị trường phù hợp với định hướng chiến lược của Viettel Global.

3.2. Về hoạt động kỹ thuật, công nghệ:

- HDQT định hướng năm 2026 là năm triển khai hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật toàn hệ thống, hướng tới mục tiêu "Một Viettel - Một hạ tầng số - Chuẩn công nghệ thống nhất toàn cầu". Đây là nền tảng không thể thiếu để Viettel Global thực hiện thành công chiến lược chuyển đổi sang Công ty công nghệ.

- Về hạ tầng mạng lưới, đẩy mạnh triển khai thương mại 5G tại các thị trường đã được cấp phép tần số, đồng thời hoàn thiện phủ sóng 4G tương đương 2G tại tất cả các thị trường. Hạ tầng số - đặc biệt là Data Center đạt chuẩn quốc tế và nền tảng Cloud, cần được khẩn trương xây dựng để đáp ứng nhu cầu kinh doanh dịch vụ số từ năm 2027.

- Về ứng dụng công nghệ mới, đặt AI, tự động hóa và chuyển đổi số nội bộ vào trung tâm của kế hoạch vận hành, nhằm nâng cao năng suất, giảm chi phí vận hành và cải thiện trải nghiệm khách hàng. Năng lượng xanh - tái tạo cần được đẩy mạnh ứng dụng tại hạ tầng trạm BTS, vừa giảm chi phí vận hành, vừa đáp ứng cam kết phát triển bền vững của Tập đoàn.

3.3. Về hoạt động Quản lý vốn:

- HDQT định hướng xây dựng mô hình quản lý tài chính toàn cầu hóa, lấy hiệu quả sử dụng



vốn và kiểm soát rủi ro làm trung tâm. Năm 2026 là đầu chu kỳ đầu tư 5G nên HĐQT chủ trương đánh giá hiệu quả đầu tư theo cả giai đoạn 5 năm (2026-2030), không giới hạn cứng theo từng năm, nhằm tạo không gian đủ rộng cho Ban điều hành nắm bắt cơ hội và đầu tư đúng thời điểm.

- Về mua sắm và quản lý chi phí, đẩy mạnh mô hình mua sắm tập trung toàn hệ thống nhằm tối ưu chi phí đầu tư và nâng cao vị thế đàm phán với các nhà cung cấp. Mục tiêu tối ưu 3-5% chi phí OPEX trong năm 2026 cần được Ban điều hành coi là nhiệm vụ bắt buộc, góp phần bảo vệ và nâng cao lợi nhuận trong bối cảnh áp lực thuế và lạm phát tại nhiều thị trường.

- Về quản lý rủi ro tài chính, xây dựng chiến lược toàn diện đối phó biến động tỷ giá tại các thị trường nhạy cảm, đồng thời chủ động nghiên cứu triển khai các công cụ đầu tư tài

chính mới để tối ưu hóa dòng tiền nhàn rỗi và nâng cao tỷ suất lợi nhuận tổng thể.

3.4. Về hoạt động quản trị Nhân lực và đào tạo:

- Nhân lực chất lượng cao - đặc biệt là đội ngũ quản lý cấp cao am hiểu thị trường quốc tế - là yếu tố then chốt quyết định thành công của chiến lược chuyển đổi giai đoạn 2026-2030. Cần ưu tiên công tác quy hoạch và phát triển nhân sự kế cận, đảm bảo đủ nguồn lực lãnh đạo cho cả các thị trường hiện có lẫn thị trường đầu tư mới.

- Chính sách đãi ngộ cần tiếp tục được hoàn thiện theo hướng cạnh tranh, công bằng và gắn với hiệu quả kinh doanh từng thị trường, nhằm thu hút và giữ chân nhân tài. Song song đó cần chú trọng đào tạo chuyên sâu trong các lĩnh vực công nghệ mới và dịch vụ số, đảm bảo năng lực đội ngũ đi trước nhu cầu kinh doanh.

3.5. Về hoạt động Thương hiệu, Quản trị rủi ro và Pháp chế

- Năm 2026 là năm Viettel Global kỷ niệm 20 năm kinh doanh toàn cầu - một dấu mốc có ý nghĩa đặc biệt để khẳng định vị thế và định hình hình ảnh mới của Viettel Global trên trường quốc tế. HĐQT chỉ đạo tổ chức chuỗi sự kiện kỷ niệm phù hợp, gắn với truyền thông chiến lược chuyển đổi sang công ty công nghệ toàn cầu, tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực tới các nhà đầu tư, đối tác và thị trường.

- Về quản trị rủi ro, tiếp tục nâng cao mức độ trưởng thành của hệ thống quản trị rủi ro toàn hệ thống, xây dựng văn hóa tuân thủ đi

vào thực chất trong mọi quyết định kinh doanh. Đây không chỉ là yêu cầu quản trị nội bộ mà còn là điều kiện tiên quyết để Viettel Global đáp ứng kỳ vọng của nhà đầu tư quốc tế và chuẩn bị cho định hướng niêm yết trong tương lai.

- Về pháp chế, tiếp tục chuyên nghiệp hóa công tác pháp lý doanh nghiệp, xử lý các vướng mắc còn tồn đọng tại một số thị trường.

Viettel Global cần tiếp tục đầu tư vào các lĩnh vực này để duy trì vị thế là một nhà đầu tư viễn thông hiệu quả và phát triển.





BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



► Mục tiêu của báo cáo

- Đánh giá và trình bày các nỗ lực và hoạt động liên quan đến PTBV tại Viettel Global và các thị trường.
- Trình bày kết quả và thành tựu đã đạt được trong việc thực hiện các chiến lược và chính sách PTBV. Báo cáo này sẽ thể hiện cách các hoạt động này đã đóng góp vào việc giải quyết các vấn đề nguồn nhân lực, xã hội và kinh tế ở tại các cộng đồng địa phương.
- Định hướng chiến lược trong tương lai để cải thiện và mở rộng nỗ lực PTBV, bao gồm cả việc đặt ra các mục tiêu mới và thách thức để nâng cao bền vững trong hoạt động kinh doanh.
- Cung cấp thông tin rõ ràng và minh bạch về các hoạt động PTBV cho CBNV nội bộ, tạo dựng văn hóa tôn trọng con người, môi trường và trách nhiệm xã hội.

- Xây dựng hệ thống dữ liệu tích cực thể hiện vai trò dẫn đầu của một doanh nghiệp đại diện cho đầu tư quốc tế trong PTBV, để sử dụng khi phải đối phó với khủng hoảng.

- Cung cấp thông tin hữu ích để hỗ trợ quá trình đưa ra quyết định chiến lược của Viettel Global dựa trên các ảnh hưởng đối với môi trường và xã hội.

► Nguyên tắc xây dựng báo cáo:

Nội dung báo cáo được xây dựng trên cơ sở tham chiếu:

- Các nguyên tắc, hướng dẫn của khung tiêu chuẩn chung mới nhất do tổ chức GRI ban hành (Universal Standards 2021).

- Các tiêu chuẩn ngành do Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Bền vững (Sustainability Accounting Standards Board – SASB) ban hành.



- 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc (17 SDGs).

- Các số liệu và thông tin đưa vào báo cáo được các phòng ban chuyên môn chuẩn bị, soát xét trước khi cung cấp để đảm bảo tính chính xác, phù hợp.

► **Phạm vi báo cáo:** Báo cáo này bao gồm các hoạt động của công ty mẹ Viettel Global và các công ty con, công ty liên kết tại thị trường nước ngoài, bao gồm:

- Hoạt động kinh doanh cốt lõi, bao gồm cung cấp dịch vụ viễn thông như dịch vụ di động, dịch vụ Internet, dịch vụ truyền hình và các giải pháp, dịch vụ số như giải pháp CNTT, dịch vụ ví điện tử và các dịch vụ số liên quan.

- Các hoạt động quản trị và vận hành hướng tới PTBV, bao gồm quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro, tuân thủ pháp luật, an toàn thông tin và đảm bảo tính liên tục trong hoạt động kinh doanh.

- Các hoạt động liên quan đến con người và xã hội, bao gồm quản trị nguồn nhân lực, đào tạo và phát triển nhân sự, bảo đảm đa dạng, công bằng và hòa hợp, cũng như các chương trình gắn kết và phát triển cộng đồng tại các thị trường.

- Các hoạt động bảo vệ môi trường, bao gồm quản lý và sử dụng hiệu quả năng lượng, quản lý tài nguyên, giảm thiểu tác động môi trường từ hạ tầng viễn thông, trung tâm dữ liệu và các hoạt động vận hành khác.

► **Tầm nhìn và chiến lược phát triển bền vững:**

Tầm nhìn của Viettel Global là trở thành một doanh nghiệp công nghệ hàng đầu trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia nơi Viettel Global đầu tư. Chiến lược phát triển bền vững của Viettel Global được xây dựng dựa trên các nguyên tắc sau:

- Phát triển kinh doanh bền vững: Viettel Global cam kết phát triển kinh doanh hiệu quả, mang lại lợi ích cho các cổ đông, khách hàng, đối tác và xã hội.

- Bảo vệ môi trường: Viettel Global nỗ lực giảm thiểu tác động của các hoạt động kinh doanh đến môi trường.

- Trách nhiệm xã hội: Viettel Global cam kết đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia nơi Viettel Global đầu tư.

► **Khung định hướng và các vấn đề trọng yếu:**

Tập trung vào 3 trụ cột quan trọng Xã hội, Môi trường và Quản trị (ESG). Các trụ cột này thể hiện các nhóm chủ đề chiến lược:

- Phát triển nhân sự: chú trọng phát triển nguồn nhân lực toàn diện, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội.

- Kiến tạo xã hội số: những nỗ lực mang lại lợi ích cho toàn bộ cộng đồng, sử dụng công nghệ số để thúc đẩy sự phát triển toàn diện của xã hội.

- Bảo vệ môi trường: cam kết bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động của hoạt động kinh doanh đến môi trường và sức khỏe con người.

- Quản trị minh bạch và trách nhiệm: Cam kết minh bạch trong quá trình quản trị, chúng tôi đặt trách nhiệm và tính minh bạch làm nền tảng của mọi quyết định và hành động.

► **Tác động của các hoạt động kinh doanh đến cộng đồng**

Các hoạt động kinh doanh của Viettel Global đã và đang mang lại những tác động tích cực đến môi trường, xã hội và kinh tế của các quốc gia nơi Viettel Global đầu tư.

- Tác động tích cực đến môi trường: Bên cạnh những nội lực sẵn có, hoạt động kinh doanh của Viettel Global còn chịu tác động từ các yếu tố khách quan như điều kiện tự nhiên, quy định pháp luật và nhu cầu thị trường. Do đó, việc quản trị các tác động đến môi trường của Viettel Global là một thách thức. Tuy nhiên, Viettel Global luôn nỗ lực giảm thiểu tác động của các hoạt động kinh doanh đến môi trường như giảm thiểu rác thải, tiết kiệm năng lượng, triển khai các chương trình bảo vệ môi trường...

- Tác động tích cực đến xã hội: Viettel Global đã tạo ra hàng ngàn việc làm cho người dân tại các quốc gia nơi Viettel Global đầu tư. Viettel Global cũng đã đóng góp tích cực vào phát triển giáo dục và đào tạo, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Tác động tích cực đến kinh tế: Bên cạnh đóng góp cho ngân sách quốc gia, các hoạt động kinh doanh của Viettel Global tạo ra tác động kinh tế tích cực thông qua việc tạo việc làm cho lao động địa phương, thúc đẩy phát



triển chuỗi cung ứng và doanh nghiệp bản địa, đầu tư hạ tầng viễn thông và hạ tầng số... Những hoạt động này góp phần cải thiện môi trường kinh doanh vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

► **Mục tiêu phát triển bền vững**

- Mục tiêu xã hội

► **Đầu tư phát triển nguồn nhân sự chất lượng cao và toàn diện.** Để làm được điều này, Viettel Global đã và đang đầu tư vào chương trình đào tạo và phát triển kỹ năng, tạo điều kiện làm việc tích cực, và thúc đẩy sự sáng tạo và đổi mới trong công việc. Viettel Global cam kết giữ cho môi trường làm việc tích cực và hỗ trợ sự phát triển cá nhân và sự nghiệp của mỗi nhân viên.

► **Đóng góp vào sự phát triển cộng đồng địa phương.** Thông qua các dự án xã hội và giáo dục, Viettel Global đã triển khai nhiều sáng kiến như tài trợ học bổng, xây dựng cơ sở hạ tầng trường học, cung cấp đường truyền Internet miễn phí, và cải thiện điều kiện sống tại các khu vực khó khăn. Những nỗ lực này nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống và tạo động lực phát triển bền vững cho cộng đồng.

► **Đảm bảo tính đa dạng, công bằng và hòa nhập trong tổ chức và cộng đồng.** Viettel Global cam kết xây dựng một môi trường làm việc không phân biệt đối xử, nơi mọi cá nhân được tiếp cận cơ hội công bằng. Công ty không ngừng khuyến khích sự hòa nhập giữa các nền văn hóa, tôn trọng và khai thác sự khác biệt để tạo nên sức mạnh tập thể, góp phần xây dựng tổ chức ngày càng phát triển.

- Mục tiêu môi trường

► **Giảm thiểu tác động đến môi trường thông qua sử dụng năng lượng tái tạo, giảm phát thải khí nhà kính, và thúc đẩy kinh tế tuần hoàn.** Viettel Global cam kết triển khai các hạng mục năng lượng xanh như điện mặt trời, điện gió tại các thị trường có hạ tầng điện lưới hạn chế.

► **Đẩy mạnh các sáng kiến bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và giảm thiểu rác thải công nghiệp.** Chuyển đổi sang thẻ cào điện tử, khuyến khích nạp tiền qua các nền tảng số nhằm giảm rác thải từ thẻ SIM và thẻ cào giấy.

► **Phát triển các giải pháp công nghệ xanh, bao gồm trung tâm dữ liệu tiết kiệm năng lượng.** Nâng cấp thiết bị đạt hiệu suất cao, tự động tối ưu vận hành nhằm giảm phát thải và tăng độ bền vững của hệ thống viễn thông.

- Mục tiêu quản trị:

► **Minh bạch thông tin, đảm bảo tính minh bạch trong tất cả quy trình quản trị và công khai đầy đủ các báo cáo tài chính theo quy định pháp luật.** Xây dựng và duy trì niềm tin của khách hàng, nhà đầu tư, và các bên liên quan.

► **Quản lý rủi ro hiệu quả qua hệ thống an ninh**



mạng để bảo vệ thông tin và dữ liệu khỏi các nguy cơ tiềm tàng. Duy trì hoạt động liên tục và giám sát nghiêm ngặt trong tất cả các dự án công nghệ.

► **Hợp tác đối tác bền vững, thúc đẩy các hợp tác chiến lược với các bên liên quan,** chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo và cung cấp các giải pháp công nghệ số nhằm đạt được các mục tiêu SDGs.

► Dấu ấn phát triển bền vững 2025

- Lào trở thành thị trường đầu tiên triển khai kinh doanh Logistics, mở rộng chuỗi giá trị trên nền tảng hạ tầng viễn thông, góp phần thúc đẩy lưu thông hàng hóa, hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương và nâng cao hiệu quả vận hành xã hội số.

- Thị trường Timor-Leste hoàn thành tái định vị thương hiệu Telemor và chính thức khai trương 5G, tạo tiền đề cho tăng trưởng trung và dài hạn, mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ số, giáo dục số và các mô hình kinh tế mới tại quốc gia này.

- Trong năm 2025, hai thị trường Timor-Leste và Burundi khai trương 5G, nâng tổng số thị trường Viettel Global thương mại hóa 5G lên 4

thị trường gồm Lào, Peru, Timor-Leste và Burundi, góp phần thu hẹp khoảng cách số và thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

- Thị trường Tanzania đấu thầu thành công tần số 5G, triển khai swap 4G, mở rộng vùng phủ và cải thiện chất lượng mạng, đặc biệt tại các khu vực còn nhiều khó khăn, góp phần đảm bảo quyền tiếp cận dịch vụ viễn thông của người dân.

- Viettel Global và các công ty thị trường hoàn thành rà soát bộ máy và mô hình tổ chức theo định hướng tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, thực hiện chuyển giao nhiều vị trí lãnh đạo chủ chốt, tối ưu mô hình Khối Cơ quan và các công ty thị trường nhằm nâng cao năng lực điều hành dài hạn.

- Tăng cường đối ngoại: đón tiếp 32 đoàn khách quốc tế, góp phần duy trì và củng cố quan hệ với chính phủ và đối tác, nâng cao uy tín và tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư kinh doanh bền vững.

- Chủ động nghiên cứu và tìm kiếm cơ hội đầu tư tại các thị trường mới như Cộng hòa Dominica, Eswatini, Panama và Ecuador trên cơ sở đánh giá toàn diện về môi trường pháp lý, nhu cầu hạ tầng số và tác động kinh tế xã hội dài hạn. Trong đó thị trường Cộng hòa Dominica đạt được nhiều bước tiến quan trọng, mở ra tiềm năng hình thành các mô hình đầu tư bền vững, góp phần đa dạng hóa danh mục đầu tư, giảm thiểu rủi ro tập trung và mở rộng tác động tích cực của Viettel Global trong dài hạn.

- Năm 2025 tiếp tục đánh dấu những thành tựu nổi bật của Viettel Global và các thị trường với nhiều danh hiệu và giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế, bao gồm Danh hiệu Anh hùng Lao động, Huân chương Lao động và các bằng khen của Chính phủ, Bộ Quốc phòng, Bộ KH&CN. Toàn khối đạt 24 danh hiệu trong nước và 32 giải thưởng quốc tế, trong đó VTG lần đầu tiên được 2 giải bạc danh giá. Đây là số lượng giải thưởng cao nhất của Viettel Global trong 5 năm gần đây, khẳng định dấu ấn trên trường quốc tế, thể hiện năng lực công nghệ, sáng tạo và phát triển bền vững.





► **Niềm tin từ Lãnh đạo cấp cao các quốc gia dành cho Viettel Global và các thị trường**

- “Lumitel không chỉ là một doanh nghiệp viễn thông, mà còn là đối tác chiến lược trong hành trình hiện đại hóa đất nước. Chính phủ Burundi đánh giá cao những đóng góp của Lumitel và sẽ luôn đồng hành, tháo gỡ khó khăn để doanh nghiệp phát triển” - Thủ tướng Burundi Nestor Ntahontuye

- “Việt Nam rất giỏi! Tôi tin tưởng các bạn sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển các công nghệ mới, phổ cập dịch vụ số đến người dân, đất nước Lào.” - Tổng Bí thư, Chủ tịch nước CHDCND Lào Thongloun Sisoulith trong buổi khai mạc Tuần lễ Kỹ thuật số Lào 2025, tháng 4/2025.

- “Chiến lược của Lumitel hoàn toàn phù hợp với tầm nhìn phát triển quốc gia của Tổng thống Cộng hòa Burundi. Việc mở rộng mạng 4G và 5G, Lumitel khẳng định vai trò của mình

là đối tác chiến lược trong sự phát triển kỹ thuật số của Burundi và dự định đóng một vai trò trung tâm trong việc hình thành một xã hội kết nối tốt hơn, hòa nhập hơn và hướng về tương lai.” – Theo báo Afrique Media một trong những nền tảng báo chí uy tín hàng đầu châu Phi tháng 6/2025, đã đăng tải bài viết chính thức của Chính phủ Burundi, khẳng định sự ủng hộ toàn diện đối với kế hoạch phủ sóng internet toàn quốc do Lumitel thực hiện.

- “Lumitel chính là đại sứ của Việt Nam tại Burundi” - Tổng Bí thư Đảng CNDD–FDD Révérien Ndikuriyo chia sẻ trong buổi làm việc với đoàn công tác VTG, tháng 7/2025.

- “Chúng tôi tin tưởng dự án sẽ trở thành biểu tượng mới cho sự hợp tác hiện đại, ổn định và hiệu quả giữa Bộ Quốc phòng hai nước Lào và Việt Nam, là hình mẫu cho sự hợp tác kinh tế, quốc phòng trong kỷ nguyên số.” - Trung tướng Saichay Kommasithe, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng QĐND Lào

trong Lễ Khai trương Unitel Logisitcs tháng 10/2025.

- “Logistics là mạch máu của chuyển đổi số. Hạ tầng logistics tốt không chỉ phục vụ kinh tế mà còn giúp người dân vùng sâu, vùng xa tiếp

cận thương mại điện tử. Chúng tôi sẵn sàng đồng hành và hỗ trợ Uniel trong lĩnh vực này.” - Ông Boviengkham Vongdara, Bộ trưởng Bộ Công nghệ và Truyền thông Lào trong Lễ Khai trương Unitel Logisitcs tháng 10/2025.



Movitel không chỉ mang công nghệ đến với người dân Mozambique, mà còn mang lại cơ hội phát triển, kết nối và thịnh vượng. Đây là minh chứng sống động cho tình hữu nghị và hợp tác bền vững giữa hai quốc gia Việt Nam và Mozambique.

Ông **Chakil Felizardo Aboobacar**

Tổng Thư ký Đảng Frelimo

tháng 11/2025



Viettel luôn luôn lựa chọn làm việc mới, việc khó và rồi sau khi thành công, nó tiếp thêm niềm tin, sức mạnh cho mỗi CBNV. Hành trình đầu tư ra nước ngoài cũng như nghiên cứu sản xuất, công nghiệp công nghệ cao chính là những minh chứng cho điều đó. Vì vậy, Viettel Global phải tiếp tục đặt ra các mục tiêu vĩ đại, thiết thực để có động lực, và cũng là mở rộng không gian tăng trưởng.

Đồng chí **Nguyễn Mạnh Hùng**

Nguyên Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

tháng 01/2026



CHƯƠNG 1 – PHÁT TRIỂN NHÂN SỰ BỀN VỮNG

Viettel Global luôn xem nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi và là tài sản quý giá. Chính sách nhân sự của Viettel Global được xây dựng với mục đích biến nguồn nhân lực trở thành một ưu thế cạnh tranh hàng đầu.

1. Các chính sách quản trị nhân sự

Quản trị nguồn nhân lực là quá trình hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát các hoạt động liên quan đến con người trong một tổ chức. Mục tiêu của quản trị nguồn nhân lực là thu hút, phát triển và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của tổ chức.

Trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu ngày càng gay gắt, việc thu hút và giữ chân nhân tài trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Các doanh nghiệp cần có những chính sách và chương trình quản trị nguồn nhân lực hiệu quả để đảm bảo có được nguồn nhân lực chất lượng cao, sẵn sàng đáp ứng những thách thức của thị trường.

► Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: 8h/ngày, 40-48 tiếng/tuần tùy theo tính chất công của công việc.

- CBNV được hưởng chế độ nghỉ Lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng nguyên lương theo đúng quy định của Luật Lao động Việt Nam và các nước sở tại.

- Người lao động có 12 tháng làm việc tại công ty thì được nghỉ 12 ngày phép/năm hưởng nguyên lương. Cứ 5 năm làm việc tại Tổng Công ty, nhân viên sẽ được tăng thêm 1 ngày nghỉ phép. Nghỉ ốm, thai sản: CBNV khi nghỉ ốm và thai sản sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động.

- Điều kiện làm việc: Viettel Global luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể, trang bị đầy đủ trang thiết bị để

nhân viên làm việc. Ngoài ra, các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt.

► Chính sách đánh giá, thăng tiến và phát triển

- Mọi nhân viên phải tham gia đánh giá mức độ hoàn thành công việc của mình trong năm theo quy trình theo quy định của Viettel Global.

- Kết quả đánh giá là yếu tố quan trọng để xem xét việc tăng lương, thưởng, khả năng thăng tiến cũng như hạ cấp hoặc thôi việc của nhân viên.

- Chính sách thăng tiến và phát triển nghề nghiệp: Cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho mọi đối tượng được xác lập bằng kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực. Những nhân viên có khả năng làm việc tốt, có khả năng thích ứng và đầy đủ các tố chất và tiêu chuẩn phù hợp với nhu cầu hoạt động thực tế của doanh nghiệp đều có cơ hội thăng tiến theo cấp bậc nghề nghiệp hoặc cấp bậc quản lý.

► Chính sách lương, thưởng và đãi ngộ

- Chính sách tiền lương: Tổng Công ty có chế độ lương thưởng phù hợp với đặc trưng vị trí và công việc cụ thể, đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo đúng các quy định của pháp luật. Chính sách tiền lương Viettel Global xây dựng dựa trên tiêu chí công bằng, minh bạch và phù hợp với quy định của pháp luật nhằm mục tiêu khuyến khích người lao động không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng và tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao.

- Chính sách thưởng:

► **Thưởng quý và thưởng năm:** Để ghi nhận sự đóng góp của CBNV hàng quý, hàng năm, CBNV đều được nhận tiền thưởng tùy theo kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị.

► **Thưởng sáng kiến ý tưởng:** Vào ngày thành lập Tập đoàn hàng năm, Viettel Global sẽ tổ chức ngày hội sáng kiến ý tưởng để khuyến khích nhân viên luôn có sự sáng tạo và đầu tư trong công việc. Những ý tưởng xuất sắc, có sáng tạo, cải tiến mang lại lợi ích cho tổ chức sẽ được vinh danh và trao thưởng.

► **Thưởng khi có thành tích cao trong công việc:** Các CBNV Viettel Global có thành tích cao trong công việc và có đóng góp vào sự phát triển cho thương hiệu Viettel toàn cầu bên cạnh việc được tuyên dương khen thưởng bằng hiện vật hoặc tiền mặt sẽ được chọn để tham dự các hội thảo, hội nghị chuyên ngành viễn thông trên thế giới.

► **Đặc biệt, các cá nhân có thành tích còn được tôn vinh thường niên qua danh hiệu Viettel's Star cấp Tập đoàn.** Chính sách này đặc biệt ưu tiên cho CBNV người sở tại đang làm việc tại các công ty thị trường của Viettel Global. Đây là cơ hội tốt để CBNV được học hỏi kinh nghiệm, trau dồi kiến thức cũng như được sống trải nghiệm tại một quốc gia khác.

- Chính sách phúc lợi

► **Viettel Global có chính sách toàn diện** để tăng cường sự hài lòng và cam kết của nhân viên và tạo ra một môi trường làm việc tích cực, nơi mà nhân viên được đánh giá cao và được quan tâm đến cảm xúc và nhu cầu cá nhân. Trong đó, các chính sách dành cho người thân của CBNV là một trong những nét khác biệt của Viettel so với các doanh nghiệp khác, thể hiện một trong những giá trị cốt lõi 'Viettel là ngôi nhà chung'.

► **Chính sách phúc lợi** luôn được nghiên cứu và điều chỉnh hàng năm nhằm tạo mức phúc lợi tốt nhất cho CBNV, tạo động lực, khích lệ nhân viên đóng góp nhiều hơn cho sự phát

triển của Tổng Công ty. Một số chính sách phúc lợi chính như: Thưởng động viên vào các dịp lễ, Tết và các sự kiện quan trọng; Chăm sóc sức khỏe định kỳ và cung cấp bảo hiểm y tế toàn diện cho nhân viên; Khuyến khích các chương trình đào tạo nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn nhằm nâng cao năng lực; Tạo điều kiện tốt nhất để nhân viên làm việc hiệu quả trong môi trường công bằng, thân thiện và chuyên nghiệp.

- Chính sách chăm sóc sức khỏe: Ngoài việc đảm bảo các loại bảo hiểm theo quy định của nhà nước, Tổng Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CBNV, mua bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe cho CBNV. Ngoài ra, cán bộ nhân viên công tác ở nước ngoài sẽ được mua bảo hiểm toàn cầu. Mục tiêu là tạo ra một môi trường làm việc lành mạnh và cải thiện sức khỏe tổng thể, giảm thiểu rủi ro về sức khỏe, năng cao năng suất, tăng sự hài lòng của nhân viên.

- Chính sách du lịch nghỉ dưỡng: Toàn bộ CBNV được nghỉ 3 ngày, không tính trong thời gian nghỉ phép, được đăng ký nghỉ bất kỳ thời gian nào trong năm. Chính sách này được đưa ra nhằm chăm lo nâng cao đời sống tinh thần cho CBNV, tạo điều kiện để người lao động được nghỉ ngơi, tái tạo sức lao động.

- Chính sách đặc biệt dành cho người thân của CBNV: Để động viên CBNV khắc phục khó khăn và yên tâm công tác, Viettel Global luôn có các chế độ, chính sách kịp thời hỗ trợ đến người thân của CBNV khi ốm đau, điều trị tại bệnh viện; bị thiệt hại do thiên tai, lũ lụt; gặp bệnh hiểm nghèo, hiểm muộn...; Hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cho người thân; Tặng quà Tết nguyên đán cho gia đình; Khuyến khích học tập qua thưởng thành tích cho con em CBNV đạt học sinh giỏi cùng các hoạt động ý nghĩa khác nhân ngày Gia đình Việt Nam, Trung thu, ...

► Chính sách tuyển dụng, đào tạo

- Chính sách tuyển dụng:

Mục tiêu tuyển dụng của Viettel Global là thu hút nhân tài, ưu tiên người lao động có kinh nghiệm, năng lực, đáp ứng được yêu cầu công việc và góp phần vào chiến lược phát triển lâu dài của Tổng Công ty.

► Việc tuyển dụng được dựa trên nhu cầu lao động. Viettel Global tiến hành thi tuyển với những tiêu chuẩn nhất định mà Tổng Công ty đã đặt ra. Tiêu chí tuyển dụng dựa trên tố chất, tiềm năng và thiện chí của mỗi ứng viên.

- Chính sách đào tạo:

► Về năng lực chuyên môn: Viettel Global luôn chú trọng vào việc đào tạo chuyên sâu cho CBNV để nâng cao kỹ năng, trình độ chuyên môn, hỗ trợ nhân viên phát triển nghề nghiệp cá nhân cũng như tăng hiệu quả trong công việc. Không chỉ đào tạo CBNV người Việt, chúng tôi còn chú trọng đến việc đào tạo, chuyển giao kiến thức cho CBNV người sở tại.

► Hàng năm, Viettel Global đều tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn 3-6 tháng cho nhân sự nước ngoài được học tập và trải nghiệm công việc tại Việt Nam. Nhờ đó, hiện nay toàn bộ công ty tại thị trường đã có nhân sự sở tại được chuyển giao các vị trí quan trọng tại các Công ty thị trường sau khi được đào tạo: Phó Tổng Giám đốc, Trưởng phòng Công ty, Giám đốc Chi nhánh tỉnh...

► Về kinh nghiệm thực tiễn: Viettel Global luôn có các buổi hội thảo về bài học thành công, thất bại đã được đúc kết qua thực tiễn triển khai công việc, từ đó CBNV có thể tích lũy thêm được rất nhiều kinh nghiệm khi xử lý các vấn đề phát sinh.



2. Hoạt động phát triển văn hóa "One Viettel"

Sự đa dạng chỉ thực sự tạo ra sức mạnh khi đạt được sự hòa hợp. Tại Viettel Global, chúng tôi xây dựng văn hóa "One Viettel" (Một Viettel), nơi những khác biệt về ngôn ngữ, màu da được xóa nhòa bởi một hệ gen văn hóa chung:

Ngôn ngữ chung của sự Kỷ luật, Sáng tạo và Tinh thần phụng sự. Dù ở Peru, Mozambique hay Việt Nam, người Viettel Global đều chia sẻ cùng một bộ giá trị cốt lõi.

► Các hoạt động giao lưu văn hóa được tổ chức thường xuyên. Nhân viên người Việt học ngôn ngữ địa phương, nhân viên bản địa tìm hiểu văn hóa Việt, cùng nhau tổ chức các lễ hội truyền thống của cả hai dân tộc.

► Mọi thành viên đều nhìn về một hướng, cùng chia sẻ niềm tự hào khi kiến tạo hạ tầng số cho quốc gia mình đang làm việc. Sự hòa hợp này chính là "chất keo" gắn kết bền vững nhất của tổ chức.

Viettel Global ban hành Bộ Quy tắc ứng xử như kim chỉ nam hướng dẫn CBNV trong công việc và các mối quan hệ xã hội. Bộ quy tắc định hình cách ứng xử với đồng nghiệp, khách hàng, đối tác và đối thủ, dựa trên sự tôn trọng, chính trực và tuân thủ pháp luật. Bộ Quy tắc không chỉ là công cụ định hướng hành vi mà còn góp phần quan trọng trong việc xây dựng một văn hóa doanh nghiệp bền vững, gắn kết và đáng tự hào tại Viettel Global.

3. Hoạt động đảm bảo sức khỏe

► Nâng cao sức khỏe người lao động

Viettel Global cam kết đảm bảo rằng người lao động tại Công ty mẹ và Công ty thị trường có điều kiện tiếp cận các dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe phi nghề nghiệp đầy đủ và hiệu quả.

- Bảo hiểm y tế (bắt buộc/tự nguyện/toàn cầu): Tất cả nhân viên đều được đăng ký vào các chương trình bảo hiểm y tế, đảm bảo họ có quyền tiếp cận dịch vụ y tế cơ bản và cần thiết.

BỘ 8 GIÁ TRỊ CỐT LÕI CHUNG

Giúp nhân viên có chung mục tiêu, định hướng và hành động, từ đó tăng cường sự đoàn kết trong tập thể

- 01

Thực tiễn là tiêu chuẩn kiểm nghiệm chân lý

Đề cao sự cân bằng giữa lý thuyết và thực tiễn, nhấn mạnh rằng thực tiễn là cách duy nhất để kiểm chứng tính đúng đắn của lý thuyết và dự đoán.
- 02

Trưởng thành qua những thách thức và thất bại

Xem khó khăn, sai lầm là một phần tất yếu của quá trình phát triển, từ đó học hỏi, điều chỉnh và không ngừng hoàn thiện tổ chức cũng như mỗi cá nhân.
- 03

Thích ứng nhanh là sức mạnh cạnh tranh

Khuyến khích tư duy linh hoạt, sẵn sàng thay đổi để thích ứng với biến động của môi trường kinh doanh, công nghệ và nhu cầu xã hội.
- 04

Sáng tạo là sức sống

Coi đổi mới sáng tạo là động lực cốt lõi cho sự phát triển bền vững, thúc đẩy tìm tòi giải pháp mới, cách làm mới và mô hình mới tạo ra giá trị dài hạn.
- 05

Tư duy hệ thống

Nhìn nhận vấn đề một cách tổng thể, có liên kết, đảm bảo các quyết định và hành động hài hòa giữa mục tiêu kinh doanh, con người và xã hội.
- 06

Kết hợp Đông Tây

Kết hợp tư duy logic, hệ thống của phương Tây với tư duy trực quan, nhân văn của phương Đông, tôn trọng sự đa dạng, nhìn nhận vấn đề đa chiều để tạo ra sức mạnh cộng hưởng bền vững.
- 07

Truyền thống và cách làm người lính

Đề cao kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, sự kiên cường và sẵn sàng nhận nhiệm vụ khó, tạo nền tảng cho sự bền bỉ và đáng tin cậy của Viettel ở mọi thị trường.
- 08

Viettel là ngôi nhà chung

Xây dựng môi trường làm việc đoàn kết, tôn trọng và gắn bó lâu dài, nơi mỗi cá nhân được phát triển, được ghi nhận và cùng đóng góp cho mục tiêu chung.

Viettel Global cung cấp các chính sách bảo hiểm toàn diện, bao gồm chi phí khám chữa bệnh, điều trị, và các dịch vụ hỗ trợ khác.

- Mở rộng chính sách bảo hiểm sức khỏe để bao gồm cả người thân của nhân viên, giúp mọi thành viên trong gia đình có quyền lợi y tế. Vì một số lý do về nguồn lực, hiện tại chính sách này chỉ áp dụng cho nhóm đối tượng làm việc tại công ty mẹ.
- Tổ chức các chương trình kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm cho 100% nhân viên, trong đó có kiểm tra tầm soát ung thư, để đảm bảo phát hiện sớm các nguy cơ bệnh lý không xuất phát từ môi trường làm việc.

4. Hoạt động đào tạo

Là doanh nghiệp viễn thông công nghệ đa quốc gia hoạt động tại hơn 10 thị trường, Viettel Global xác định năng lực nhân sự là động lực tăng trưởng bền vững. Chúng tôi cam kết cung cấp các chương trình giáo dục và đào tạo chất lượng cao nhằm nâng cao năng lực của nhân viên, đáp ứng nhu cầu phát triển của doanh nghiệp.

Năm 2025, chúng tôi tổ chức đào tạo 45 khóa cho 1.076 lượt người. Số giờ đào tạo bình quân đạt 51,3 giờ/người/năm (so với KPI 42 giờ/người/năm), vượt xa mức khuyến nghị tối thiểu 24 giờ/năm của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và nằm trong nhóm dẫn đầu khi so sánh với mặt bằng chung các doanh nghiệp tại Việt Nam (dao động từ 21-38 giờ/nhân viên theo khảo sát của HRD Academy).

Các chương trình đào tạo nội bộ được thiết kế theo nhu cầu thực tế và nhóm đối tượng: Phối hợp với Học viện Viettel triển khai đào tạo cán bộ lần đầu làm quản lý; Chương trình Global Mobility đưa cán bộ người sở tại về Việt Nam

đào tạo; Phối hợp với Tổng Công ty Mạng lưới Viettel (Viettel Networks) đào tạo nguồn Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật cho các công ty thị trường; Phối hợp với Tổng Công ty Viễn thông Viettel (Viettel Telecom) đào tạo nguồn Giám đốc chi nhánh tỉnh; Các khóa đào tạo, cấp chứng chỉ chuyên môn như CIA và chứng nhận đánh giá trưởng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001; Các khóa đào tạo nghiệp vụ đấu thầu, quản trị rủi ro, nhận thức về pháp luật, ứng dụng AI trong công việc, và các chương trình nâng cao năng lực chuyên môn khác.

► Chương trình Global Mobility - Luân chuyển toàn cầu

Tại Viettel Global, chúng tôi tin rằng biên giới quốc gia không phải là giới hạn của tài năng. Chương trình Global Mobility là sáng kiến chiến lược nhằm hiện thực hóa cam kết này, tập trung ươm mầm và phát triển nhân sự sở tại tại các thị trường. Nhân sự được luân chuyển qua đơn vị khác nhau trong Tập đoàn Viettel và được đào tạo trực tiếp trong quá trình làm việc thực tế (on-job training).

Chương trình không chỉ mang lại nhiều lợi ích cho nhân viên, bao gồm tăng cường kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm, mà còn giúp họ hiểu biết sâu sắc về văn hóa và môi trường làm việc quốc tế. Đồng thời, chương trình còn nâng cao khả năng thích ứng và giải quyết vấn đề trong môi trường làm việc đa văn hóa

Năm 2025, tổ chức 2 khóa đào tạo luân chuyển với sự tham gia của 33 nhân sự người sở tại từ 9 thị trường, lũy kế, đã triển khai thành công 5 đợt cho 68 nhân sự nòng cốt người sở tại. Đây là nền tảng để Viettel Global hình thành thế hệ nhân sự có tư duy toàn cầu nhưng am hiểu sâu sắc địa phương (glocal mindset), sẵn sàng dẫn dắt tổ chức trong kỷ nguyên số.



► Chương trình Welcome on Board (hội nhập nhân viên mới)

Chương trình được triển khai đồng bộ từ Tổng Công ty đến các thị trường nước ngoài, đóng vai trò là "cầu nối" văn hóa đầu tiên cho mỗi thành viên gia nhập ngôi nhà chung Viettel. Chương trình được thiết kế giúp nhân viên mới làm quen với môi trường làm việc, thấu hiểu sứ mệnh của tổ chức và nắm bắt các thông tin cần thiết để nhanh chóng hòa nhập.

► Đào tạo năng lực lãnh đạo

Các chương trình được thiết kế chuyên sâu, kết hợp giữa lý thuyết quản trị hiện đại và các bài toán thực tiễn tại thị trường quốc tế. Năm 2025, Viettel Global triển khai 04 khóa đào tạo cán bộ nguồn khối kinh doanh và kỹ thuật, với 69 học viên tham gia. Kết quả sau đào tạo góp phần bảo đảm nguồn nhân sự cho các công ty thị trường, đồng thời nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Đa dạng, công bằng, hòa hợp

Viettel Global cam kết xây dựng môi trường làm việc đa dạng, công bằng, và hòa hợp, nơi mọi người được tôn trọng và đối xử bình đẳng, bất kể chủng tộc, tôn giáo, giới tính, tuổi tác, hay hoàn cảnh xã hội. Chúng tôi tôn trọng quyền con người của tất cả nhân viên, khách hàng, và đối tác, và cam kết không phân biệt đối xử, kỳ thị, hoặc xâm hại quyền con người của bất kỳ cá nhân hay nhóm nào. Chúng tôi tin rằng, sự đa dạng không chỉ là một mục tiêu đạo đức mà là động lực cốt lõi của đổi mới sáng tạo.

Theo báo cáo của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) năm 2023, các doanh nghiệp sở hữu đội ngũ nhân viên đa dạng có khả năng sáng tạo và đổi mới cao hơn, có hiệu suất cao hơn và có khả năng thu hút và giữ chân nhân tài tốt hơn. Là một doanh nghiệp hoạt động xuyên quốc gia, Viettel Global tự hào về sự đa dạng trong môi trường làm việc, đặc biệt ở cách khía cạnh sau:

- Đa dạng văn hóa: Sự giao thoa giữa văn hóa Việt Nam và bản sắc của các quốc gia sở tại tạo nên một môi trường làm việc phong phú về ngôn ngữ và giá trị sống.
- Đa dạng về kỹ năng và kinh nghiệm: Kết hợp giữa sức trẻ, sự sáng tạo của thế hệ Gen Z và kinh nghiệm dày dặn của các chuyên gia lâu năm.
- Đa dạng về địa lý: Nhân viên của Viettel Global đến từ nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau, giúp tạo ra một tầm nhìn toàn cầu và sự hiểu biết đa chiều về thị trường và văn hóa.

► Sự đa dạng trong cơ cấu lao động

Viettel Global hiện có tổng số 9863 nhân viên, trong đó 27,5% là nữ giới (~2.709 người), tham gia và đóng góp tích cực trên tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh. Đặc biệt, nữ giới cũng giữ vai trò ngày càng rõ nét trong bộ máy quản lý: 02/5 thành viên Ban Tổng Giám đốc và 06/11 lãnh đạo các phòng ban chuyên môn tại công ty mẹ là nữ. Cơ cấu này phản ánh cam kết của Viettel Global trong việc thúc đẩy bình đẳng giới và tạo cơ hội phát triển dựa trên năng lực, phù hợp với Mục tiêu Phát triển Bền vững số 5 (SDG 5 – Gender Equality).

Về độ tuổi, với định hướng chuyển dịch thành công ty công nghệ, chúng tôi ưu tiên trẻ hóa đội ngũ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Tỷ lệ nhân sự trẻ (dưới 30 tuổi) chiếm 30,7%. Sự kết hợp giữa năng lượng của người trẻ và bản lĩnh của thế hệ đi trước tạo nên sức mạnh cộng hưởng cho tổ chức.

► Công bằng và bình đẳng trong quá trình tuyển dụng

Viettel Global phát triển nguồn nhân lực gắn với cộng đồng bản địa tại các thị trường đầu tư, chú trọng khai thác lợi thế về hiểu biết văn hóa, xã hội và đặc thù thị trường của lao động địa phương. Thông qua việc tạo cơ hội việc làm, đào tạo và phát triển năng lực cho nhân sự bản địa, Viettel Global không chỉ bảo đảm hiệu quả vận hành tại thị trường sở tại mà còn đóng góp vào mục tiêu phát triển kinh tế xã hội bền vững của các quốc gia tiếp nhận đầu tư.

Viettel Global cam kết tuyển dụng mọi đối tượng, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, giới tính, tuổi tác, hay hoàn cảnh xã hội; thu hút và phát triển nhân tài từ cộng đồng địa phương.

Viettel Global thực hiện công tác tuyển dụng một cách công khai, minh bạch và bình đẳng. Thông tin về các vị trí tuyển dụng được quảng bá rộng rãi và khuyến khích tất cả các ứng viên có tài năng và đam mê. Mọi ứng viên đều được đánh giá dựa trên năng lực, kinh nghiệm, và đối với một số vị trí, các bài kiểm tra kiến thức và kỹ năng cụ thể.

► Dấu ấn lãnh đạo từ cộng đồng địa phương:

Viettel Global đảm bảo thành viên ban lãnh đạo có nhân sự từ cộng đồng địa phương. Mục tiêu của chính sách này là đảm bảo rằng quan điểm và giá trị của cộng đồng được đại diện trong quyết định lãnh đạo, tạo ra một sự liên kết mạnh mẽ và tương tác tích cực với cộng đồng, xây dựng mối quan hệ lâu dài và bền vững giữa doanh nghiệp và cộng đồng địa phương thông qua đội ngũ lãnh đạo có nguồn gốc từ cộng đồng, và xây dựng hình ảnh tích cực trong cộng đồng.

► Chính sách đối với nhân viên làm việc tại quốc gia khác quốc tịch

Viettel Global tập trung vào việc khuyến khích sự luân chuyển linh hoạt và đảm bảo một môi trường làm việc thuận lợi cho nhân viên làm việc tại quốc gia khác quốc tịch, đa số là nhân sự người Việt Nam làm việc tại các thị trường nước ngoài. Các chế độ hấp dẫn được cung cấp nhằm giúp nhân viên có trải nghiệm làm việc tích cực và thoải mái, bao gồm hỗ trợ nhà ở, chi phí đi lại bằng máy bay, bảo hiểm toàn cầu,... Mức phụ cấp chênh lệch mức sống được đánh giá và điều chỉnh linh hoạt dựa trên từng thị trường cụ thể để đảm bảo sự công bằng và hài lòng của nhân viên.

¹ Số liệu nhân sự được tổng hợp trên phạm vi toàn cầu, bao gồm lực lượng người lao động tại công ty mẹ và các công ty thị trường, không giới hạn ở người lao động ký hợp đồng trực tiếp với Viettel Global với tư cách người sử dụng lao động.



CHƯƠNG 2 – KIẾN TẠO XÃ HỘI SỐ

Viettel Global kiên định với chiến lược chuyển dịch từ nhà cung cấp dịch vụ viễn thông truyền thống sang vai trò “kiến tạo cuộc sống số”. Chúng tôi cam kết thúc đẩy sự thịnh vượng tại các quốc gia đầu tư thông qua việc phổ cập kết nối bằng các giải pháp công nghệ mang tính bao trùm, đảm bảo mọi người dân đều được hưởng lợi từ thành quả của kỷ nguyên số.

1. Trách nhiệm với khách hàng và chất lượng dịch vụ

Với sứ mệnh mang lại giá trị tốt nhất cho khách hàng, Viettel Global đặt trách nhiệm với khách hàng và chất lượng dịch vụ là ưu tiên hàng đầu, không ngừng nỗ lực để đảm bảo sự công bằng trong tiếp cận dịch vụ và truy cập Internet cho mọi nhóm đối tượng.

► **Chất lượng dịch vụ và cam kết đa dạng hóa**

Viettel Global tự hào phục vụ 90 triệu khách hàng trên toàn cầu. Chúng tôi cam kết đáp ứng đa dạng nhu cầu của khách hàng cũng như mang dịch vụ đến cho mọi đối tượng, bất kể hoàn cảnh hay thu nhập.

Đặc biệt, Viettel Global đã thiết kế các chính sách, gói cước ưu đãi dành riêng cho các nhóm đối tượng yếu thế như mua SIM miễn phí, gói cước ưu đãi về giá, tốc độ, dung lượng, v.v... nhằm tối đa hóa khả năng tiếp cận. Năm 2025, đã có hơn 13,4 triệu triệu thuê bao đang được hưởng lợi từ các chính sách giá ưu đãi này. Con số này không chỉ phản ánh nỗ lực kinh doanh mà còn là minh chứng cho trách nhiệm xã hội của Viettel Global trong việc duy trì kết nối cho hàng triệu người dân, bất kể điều kiện tài chính.

Viettel Global cam kết đảm bảo chất lượng dịch vụ viễn thông hàng đầu, với mạng lưới hơn 38.600 trạm viễn thông trạm viễn thông, 217.000 km cáp quang, phủ 90-95 % diện tích lãnh thổ các quốc gia đầu tư. Chúng tôi không ngừng nỗ lực mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ và mang cơ hội tiếp cận dịch vụ viễn thông - CNTT đến mọi người dân, bao gồm cả những vùng sâu, vùng xa, kém ưu tiên.

Song hành cùng các mục tiêu phát triển, Viettel Global đã bắt đầu chuyển dịch lên công nghệ viễn thông thế hệ mới, tắt công nghệ cũ 3G tại các thị trường như Campuchia, Lào, Haiti, Timor Leste, Myanmar, Peru và triển khai mạng 5G tại toàn bộ các thị trường. Việc ra mắt 5G thể hiện cam kết của Viettel Global trong việc tiên phong ứng dụng công nghệ hiện đại, bắt nhịp xu thế toàn cầu và cung cấp các giải pháp viễn thông tiên tiến trên thế giới.

Để đảm bảo chất lượng dịch vụ, Viettel Global cũng áp dụng CNTT trong việc giám sát và quản lý mạng lưới. Với việc áp dụng các phần mềm thông minh không chỉ giúp giám sát các thông tin chi tiết về các cảnh báo nguy cơ, sự cố mà còn đánh giá được xu hướng và hiệu suất của mạng lưới. Điều này giúp Viettel Global xác định và ứng cứu nhanh các sự cố, đồng thời đưa ra các giải pháp để cải thiện chất lượng dịch vụ.

► **Triển khai sản phẩm, dịch vụ công nghệ hiện đại**

Việc triển khai các sản phẩm, dịch vụ công nghệ hiện đại là một trong những cách thức quan trọng để thể hiện trách nhiệm với khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ của Viettel Global. Các sản phẩm, dịch vụ công nghệ hiện đại có thể mang lại cho

khách hàng nhiều lợi ích, bao gồm trải nghiệm dịch vụ tốt hơn, giá trị gia tăng cao hơn, đồng thời tạo lợi thế cạnh tranh, thu hút giữ chân khách hàng.

Sản phẩm Super App (Siêu ứng dụng) là một minh chứng cho quan điểm trên. Super App là một nền tảng tích hợp đa dịch vụ trong hệ sinh thái SPDV của nhà mạng, từ self-care đến ví điện tử, giải trí, mạng xã hội, v.v.. Sản phẩm này được xây dựng trên nền tảng công nghệ hiện đại, đảm bảo tính bảo mật và an toàn thông tin; có tính tương tác cao, giúp khách hàng dễ dàng liên hệ với Viettel Global để được hỗ trợ khi cần thiết. Đặc biệt, Super App có khả năng cá nhân hóa trải nghiệm của khách hàng, giúp khách hàng có thể sử dụng dịch vụ một cách phù hợp với nhu cầu của mình.

Viettel Global đã triển khai thành công sản phẩm Super App (Siêu ứng dụng) tại nhiều thị trường, trong đó có MyID tại Myanmar, CamID tại Campuchia, Kakoak tại Timor-Leste, Movitel tại Mozambique, LaoApp tại Lào, và NatcomID tại Haiti. Đây đều là những sản phẩm dịch vụ đi đầu, tiên phong tại thị trường, mang lại cho khách hàng nhiều lợi ích như:

- **Tiện lợi, nhanh chóng:** Super App tích hợp nhiều dịch vụ khác nhau trong hệ sinh thái SPDV của nhà mạng, giúp khách hàng có thể dễ dàng sử dụng các dịch vụ mà không cần phải truy cập nhiều ứng dụng khác nhau.
- **Tiết kiệm thời gian và chi phí:** Super App giúp khách hàng tiết kiệm thời gian và chi phí cho các giao dịch, thanh toán.
- **Cải thiện trải nghiệm khách hàng:** Super App được thiết kế với giao diện thân thiện, dễ sử dụng, giúp khách hàng có trải nghiệm tốt hơn khi sử dụng dịch vụ.

► **Hoạt động chăm sóc khách hàng**

Chăm sóc khách hàng là một trong những yếu tố quan trọng để tạo dựng và duy trì lòng trung thành của khách hàng. Viettel Global không chỉ tập trung phát triển các sản phẩm và dịch vụ chất lượng mà còn đặc biệt chú trọng đến trải nghiệm khách hàng thông qua các hệ thống chăm sóc hiện đại, toàn diện, và đồng bộ.

Viettel Global đã hoàn thiện triển khai các hệ thống đo lường trải nghiệm khách hàng bao gồm: CSAT (Customer Satisfaction Score) đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng, NPS (Net Promoter Score) đánh giá khả năng khách hàng giới thiệu dịch vụ, CES (Customer Effort Score) đánh giá mức độ dễ dàng khi sử dụng dịch vụ. Các hệ thống này được áp dụng đồng loạt tại các công ty thị trường, tạo tiền đề để cải thiện chất lượng dịch vụ một cách liên tục.

Chiến lược chăm sóc khách hàng của Viettel Global bao gồm các hoạt động chính sau

- Quản lý tập trung các kênh tương tác khách hàng thông qua MyCC, bao gồm các kênh thoại (Voice), ứng dụng (super app, app self-care), mạng xã hội và các nền tảng khác.
- Duy trì hệ thống cửa hàng trực tiếp rộng khắp ở các thị trường hoạt động. Nhân viên tại cửa hàng được đào tạo để giao diện và giải đáp mọi thắc mắc và hỗ trợ khách hàng.
- Xây dựng chương trình loyalty dựa trên tiêu dùng, cho phép khách hàng xếp hạng hội viên và đổi điểm tích lũy để nhận ưu đãi viên thông và phi viên thông. Đồng thời, phát triển hệ sinh thái liên kết với các đối tác ngoài ngành viễn thông.

- Triển khai các chương trình CSKH, ưu đãi đặc biệt cho cộng đồng, đặc biệt là các nhóm yếu thế.

- Sử dụng các công cụ tự động hóa như chatbot, hệ thống smart IVR, callbot để hỗ trợ khách hàng tự giải quyết các vấn đề nhanh chóng.

- Đánh giá chất lượng phục vụ: Sử dụng khảo sát qua IVR, app, SMS để đánh giá trải nghiệm khách hàng, đảm bảo chất lượng dịch vụ luôn được nâng cao.

2. Thương hiệu bền vững góp phần kiến tạo xã hội số

Trong bối cảnh chuyển đổi số là xu hướng tăng trưởng bền vững, Viettel Global cam kết làm cho thương hiệu trở thành động lực trung tâm trong việc kiến tạo xã hội số. Sự phát triển thương hiệu bền vững đã được lồng ghép vào chiến lược số hóa toàn diện, từ đó mang lại những lợi ích lâu dài cho các bên liên quan.

Viettel Global có cách tiếp cận xây dựng thương hiệu tại các thị trường quốc tế độc đáo và khác biệt so với các tập đoàn viễn thông khác. Mặc dù hiện diện tại 10 quốc gia, Viettel Global không sử dụng chung một tên gọi tại tất cả các thị trường mà thay vào đó, ở mỗi quốc gia, chúng tôi phát triển một thương hiệu di động với tên gọi, logo và định vị riêng phù hợp với văn hóa và nhu cầu của từng đất nước. Ví dụ, Metfone tại Campuchia, Unitel tại Lào, Bitel tại Peru, Lumitel tại Burundi, Telemor tại Timor-Leste, Mytel tại Myanmar, Natcom tại Haiti, Movitel tại Mozambique, và Halotel tại Tanzania. Cách tiếp cận này không chỉ tạo ra sự gần gũi với người dân địa phương mà còn nhấn mạnh cam kết của chúng tôi trong việc phát



triển vì lợi ích của cộng đồng và đất nước sở tại, với mỗi thương hiệu mang một phần bản sắc của quốc gia nơi thương hiệu hoạt động.

► **Vai trò của thương hiệu trong xã hội số**

- Thương hiệu là công cụ định hướng nhận thức và hành vi trong xã hội số. Thông qua triết lý “Công nghệ từ trái tim”, thương hiệu đóng vai trò dẫn dắt cách Viettel Global tiếp cận người dân, khách hàng và cộng đồng, bảo đảm các giải pháp số được triển khai theo hướng lấy con người làm trung tâm, phù hợp với bối cảnh văn hóa và nhu cầu phát triển của từng quốc gia. Các thương hiệu của Viettel Global tại thị trường, dù mang tên gọi và màu sắc khác nhau, đều được xây dựng trên ba giá trị cốt lõi Quan tâm - Đặt con người làm trọng tâm trong mọi hoạt động; Sáng tạo - Không ngừng đổi mới để đáp ứng và vượt qua kỳ vọng của khách hàng; Khát khao - Luôn hướng đến những

mục tiêu lớn lao, thúc đẩy sự phát triển không ngừng.

- Thương hiệu là công cụ quản trị và theo dõi tác động bền vững. Việc đánh giá sức khỏe thương hiệu với các chỉ số như "Mức độ nhận biết," "Top of Mind (TOM)," "Liên tưởng giá trị," và "Sức mạnh thương hiệu" phản ánh hiệu quả trong việc gắn kết chiến lược thương hiệu với phát triển bền vững. Những chỉ số này không chỉ đo lường giá trị thương hiệu mà còn thể hiện sự quan tâm của doanh nghiệp đến nhận thức xã hội và uy tín thương hiệu bền vững.

- Thương hiệu là công cụ định hướng ưu tiên trong phát triển dịch vụ số. Thông qua hệ giá trị cốt lõi Quan tâm, Sáng tạo và Khát khao, thương hiệu giúp doanh nghiệp không chỉ trả lời câu hỏi “làm gì”, mà quan trọng hơn là “làm gì trước”, theo hướng cân bằng giữa mục tiêu kinh doanh và nhu cầu xã hội.



Chẳng hạn, việc ưu tiên các dịch vụ số thiết yếu, dễ tiếp cận và có khả năng mở rộng trên diện rộng phù hợp với định vị thương hiệu gắn với trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững.

► Tác động của thương hiệu đối với phát triển bền vững và kiến tạo xã hội số

Năm 2025, Viettel Global ghi nhận kết quả nổi bật trong công tác quản trị thương hiệu, với các chỉ số sức khỏe thương hiệu đều vượt mục tiêu và đạt mức rất cao. Kết quả này không chỉ phản ánh hiệu quả hoạt động truyền thông, mà còn cho thấy thương hiệu đã trở thành một công cụ quan trọng trong việc dẫn dắt nhận thức xã hội, tạo nền tảng niềm tin và thúc đẩy quá trình kiến tạo xã hội số tại các quốc gia Viettel Global đầu tư.

Thương hiệu làm tốt vai trò định hướng nhận thức xã hội số. Mức độ nhận biết thương hiệu Viettel Global đạt 100% và hầu hết thương hiệu thị trường tiệm cận 100%,

TOM vượt trội so với đối thủ tại nhiều thị trường cho thấy Viettel Global và các thương hiệu thị trường đã thiết lập được độ phủ thương hiệu cao và sự hiện diện nhất quán trong nhận thức công chúng. Trong bối cảnh chuyển đổi số, mức độ nhận biết cao không chỉ mang ý nghĩa về truyền thông, mà còn đóng vai trò là điều kiện nền tảng để người dân sẵn sàng tiếp cận, thử nghiệm và sử dụng các dịch vụ số mới. Việc thương hiệu Viettel Global được nhận diện rộng khắp giúp giảm rào cản tâm lý đối với công nghệ, đặc biệt tại các thị trường đang phát triển, nơi niềm tin là yếu tố then chốt quyết định hành vi sử dụng dịch vụ số.

Hai giá trị liên tưởng cốt lõi “Sáng tạo” và “Quan tâm” đạt mức rất cao, lần lượt 97,2% và 99%, phản ánh rõ nét định vị thương hiệu gắn với đổi mới công nghệ và trách nhiệm xã hội. Sự cải thiện mạnh mẽ của liên tưởng “Sáng tạo”, tăng từ 93,7% lên 97,2%, cho thấy các hoạt động công nghệ trọng điểm trong năm (như Telemor ra mắt 5G và DX, Unitel

triển khai dịch vụ Logistics, Lumitel khai trương 5G...) đã tạo ra nhận thức thực chất về năng lực công nghệ, qua đó củng cố vai trò của Viettel Global và các thị trường như một doanh nghiệp công nghệ tiên phong, sẵn sàng dẫn dắt quá trình số hóa tại các quốc gia sở tại.

Thương hiệu thúc đẩy hòa nhập số. Liên tưởng “Quan tâm” đạt mức 99% phản ánh việc thương hiệu đã xây dựng được nền tảng cảm xúc bền vững thông qua các chương trình xã hội và năng lực hỗ trợ cộng đồng. Trong năm 2025, khoảng 250 hoạt động CSR được triển khai tại các công ty thị trường, kết hợp với các hoạt động truyền thông rộng khắp tại Việt Nam và nước sở tại, đã góp phần củng cố hình ảnh Viettel Global là doanh nghiệp gắn bó lâu dài với cộng đồng địa phương.

Nền tảng cảm xúc này đóng vai trò quan trọng trong phát triển bền vững, giúp thương hiệu được nhìn nhận như đối tác đồng hành trong các chương trình giáo dục số, tài chính số, y tế số và các sáng kiến vì cộng đồng. Qua đó, thương hiệu hỗ trợ tăng khả năng tiếp cận dịch vụ số của các nhóm khách hàng khác nhau, đặc biệt là các nhóm yếu thế và khu vực kém ưu tiên.

Thương hiệu hỗ trợ mở rộng hệ sinh thái số, chuyển dịch sang doanh nghiệp công nghệ. Tại các công ty thị trường, nền tảng sức khỏe thương hiệu tiếp tục được duy trì ở mức cao, với mức độ nhận biết và Top of Mind vượt trội so với đối thủ tại nhiều quốc gia. Đồng thời, các liên tưởng thương hiệu ngày càng gắn chặt với công nghệ, đổi mới và trách nhiệm xã hội, phù hợp với định hướng chiến lược chuyển dịch từ doanh nghiệp viễn thông hàng đầu sang doanh nghiệp công nghệ hàng đầu.

Tác động này thể hiện rõ tại các thị trường đã mở rộng mạnh mẽ hệ sinh thái số như Metfone, Mytel, Unitel, Movitel, Lumitel và Bitel. Việc triển khai các dịch vụ ví điện tử, nền tảng truyền hình số, superapp tạo điều kiện để người dân tiếp cận các dịch vụ số thiết yếu trong đời sống hằng ngày, từ thanh toán, giải trí đến quản lý thông tin và kết nối kinh tế.

3. Trách nhiệm với xã hội

Về mặt kinh tế, Viettel Global đã tạo ra hàng nghìn việc làm cho người dân địa phương, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống của họ. Các Công ty thị trường luôn lọt top các doanh nghiệp đóng thuế nhiều nhất cho ngân sách quốc gia sở tại: Movitel – Top 1 tại Mozambique, Unitel – Top 2 tại Lào, Natcom – Top 3 tại Haiti, Metfone, Lumitel – Top 5 tại Campuchia và Burundi.

Viettel Global cũng đầu tư vào hạ tầng viễn thông hiện đại, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại các quốc gia. Chẳng hạn như tại Lào, hạ tầng mạng lưới của Unitel, phủ sóng 90% dân số, vươn tới 100% các phường và 86% các bản, đồng thời giữ vai trò cửa ngõ kết nối quốc tế với 556 Gbps băng thông và 12 hướng kết nối xuyên biên giới. Tại Myanmar, Mytel bảo đảm vùng phủ 4G đạt





75,2% dân số, góp phần giảm chênh lệch tiếp cận giữa đô thị và nông thôn. Tại Peru, Bitel được cấp khối tần số chiến lược 3.5 GHz, đẩy nhanh triển khai 5G và cam kết phủ sóng thêm 218 khu dân cư, chính thức cung cấp 5G trên 100% tỉnh thành từ năm 2025.

Về mặt xã hội, Viettel Global đã triển khai nhiều chương trình, dự án vì cộng đồng, như:

- Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội cho cộng đồng địa phương: Viettel Global đã triển khai các chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội cho cộng đồng địa phương, khởi nghiệp, ươm mầm tài năng trẻ, v.v.
- Chương trình bảo vệ môi trường và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng địa phương: Viettel Global đã triển khai các chương trình bảo vệ môi trường và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng địa phương, như trồng cây xanh, thu gom rác thải, làm sạch bãi biển v.v.
- Tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện, an sinh xã hội để hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, người dân tại vùng

sâu vùng xa, có thu nhập thấp, nhóm đối tượng yếu thế (người già neo đơn, trẻ em mồ côi, mắc bệnh hiểm nghèo, người khuyết tật v.v...)

Quan điểm đầu tư của Viettel Global là giúp nâng tầm nền viễn thông của nước bạn, đem tới sự phát triển bền vững của một quốc gia. Theo đó, Viettel Global đầu tư vào công nghệ hiện đại, đầu tư vào hạ tầng bền vững, chuyển giao và đào tạo cho người sở tại, và đặc biệt, xây dựng những thương hiệu riêng cho mỗi thị trường. Điều này đã góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ viễn thông tại các quốc gia và vùng lãnh thổ mà Viettel Global đang hoạt động, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các nước.

Với triết lý kinh doanh gắn liền trách nhiệm xã hội, Viettel Global luôn hài hòa lợi ích doanh nghiệp với lợi ích xã hội. Công ty luôn đặt nhu cầu của khách hàng lên trên hết, không ngừng nghiên cứu và phát triển để cống hiến cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất về cả chất lượng và giá cả. Tổng Công ty cũng triển khai nhiều chương trình xã hội mang lại lợi ích và đóng góp cho sự phát triển của quốc gia đầu tư.



CHƯƠNG 3 – BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Viettel Global luôn xác định rõ tầm quan trọng của môi trường trong lĩnh vực kinh doanh của mình. Chúng tôi luôn nỗ lực hết sức để gìn giữ và cải thiện môi trường tại mỗi thị trường đang đầu tư. Đồng thời, luôn thúc đẩy ý thức bảo vệ môi trường tới từng đơn vị và sau đó tới các bên liên quan như khách hàng, nhà cung cấp và cộng đồng xung quanh. Đối với hoạt động nội bộ, chúng tôi chú trọng vào việc nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

► Giảm thiểu rác thải số

Chúng tôi đẩy mạnh việc thay thế SIM vật lý bằng e-SIM và khuyến khích nạp thẻ điện tử (qua Ví, App ngân hàng) thay cho thẻ cào giấy truyền thống. Nỗ lực này không chỉ mang lại sự tiện lợi cho khách hàng mà còn giúp giảm thiểu rác thải nhựa và giấy in mỗi năm, giảm chi phí Logistics và lượng phát thải carbon liên quan đến vận chuyển.

► Kiến tạo khu làm việc xanh

Viettel Global đã đẩy mạnh việc tiết kiệm điện năng tại trụ sở văn phòng của mình cũng như tại các thị trường nước ngoài đang đầu tư. Chúng tôi đã tiến hành nhiều biện pháp nhằm nâng cao ý thức tiết kiệm điện, kiểm soát tốt nguồn năng lượng và tài nguyên từ những hành động nhỏ bé nhất như: tắt điện, tắt đèn, tắt máy tính sau giờ làm/khi không sử dụng, tăng cường các nguồn ánh sáng tự nhiên v.v...

Văn phòng của Viettel Global và các công ty thị trường được thiết kế với mục đích “xanh hóa” không gian làm việc, nâng cao sự kết nối giữa con người với thiên nhiên hướng tới nâng cao ý thức và thói quen “sống xanh” của nhân viên.

► Chuyển dịch năng lượng

Vận hành trạm thu phát sóng và cơ sở hạ



hành, bao gồm từng bước tắt các thiết bị 3G tại những khu vực đã được bảo đảm phủ sóng 4G thay thế, điều chỉnh giảm số lượng thiết bị phát sóng trong các khung giờ thấp điểm, và đẩy mạnh tự động hóa hoạt động của máy phát điện. Song song, nâng cấp và thay thế các thiết bị nguồn và thiết bị vô tuyến thế hệ mới có hiệu suất cao, đạt mức 96–99% công suất, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và giảm tổn hao điện năng.

► Hạ tầng bền vững, thích ứng với thiên tai

tầng CNTT đòi hỏi một lượng lớn năng lượng. Theo một báo cáo của Tổ chức Năng lượng Quốc tế (IEA) công bố năm 2022, ngành viễn thông tiêu thụ khoảng 2,2% tổng lượng điện năng toàn cầu, tương đương với 1.100 TWh. Mức tiêu thụ này được dự kiến sẽ tăng lên 2,7% vào năm 2030, tương đương với 1.400 TWh. Điều này có thể tạo ra ảnh hưởng đến tài nguyên năng lượng và môi trường.

Nhận thức rõ thách thức này, Viettel Global đã chủ động triển khai các giải pháp xanh nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực, bao gồm:

- Đẩy mạnh sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo như điện mặt trời và điện gió tại các thị trường có hệ thống điện lưới chưa ổn định. Tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo hiện đạt 40,3% tại Myanmar, 23,8% tại Tanzania, 21,5% tại Mozambique, 52,6% tại Haiti và 53,1% tại Burundi. Tại Lào, nguồn điện sử dụng chủ yếu là điện lưới từ các nhà máy thủy điện, chiếm khoảng 99%, phần còn lại đã được chuyển đổi sang điện mặt trời. Trên cơ sở kết quả đạt được, Viettel Global tiếp tục đặt mục tiêu mở rộng tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo trong giai đoạn tới.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp tối ưu vận

Do vận hành mạng lưới tại nhiều quốc gia thường xuyên chịu tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai như bão lũ tại Mozambique, động đất tại Haiti và Myanmar, chúng tôi chú trọng đầu tư xây dựng hạ tầng viễn thông có khả năng chống chịu cao, bảo đảm tính liên tục và an toàn của dịch vụ.

Các trạm phát sóng được thiết kế và xây dựng phù hợp với điều kiện địa hình và khí hậu đặc thù của từng khu vực, bao gồm vùng gió mạnh và vùng thường xuyên ngập lụt. Hệ thống hạ tầng được tích hợp các giải pháp công nghệ nhằm giám sát, cảnh báo sớm và chủ động ứng phó với rủi ro thiên tai.

Một số giải pháp nổi bật: Hệ thống cơ điện thông minh IMES quản lý tập trung tài nguyên và các tham số cơ điện mạng lưới; Hệ thống quản lý năng lượng EMS tối ưu tiêu thụ năng lượng; Hệ thống SON tự động tối ưu các tham số vô tuyến và cơ điện, góp phần nâng cao khả năng thích ứng của mạng lưới trong các điều kiện bất thường;...

Từ năm 2026, Viettel Global đặt mục tiêu 100% các trung tâm dữ liệu xây mới tại các thị trường đầu tư sẽ tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế Tier IV về độ sẵn sàng và khả năng chống chịu.



CHƯƠNG 4 – QUẢN TRỊ MINH BẠCH

Quản trị minh bạch là một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu đối với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Minh bạch trong hoạt động kinh doanh giúp doanh nghiệp xây dựng và duy trì niềm tin của các bên liên quan, bao gồm khách hàng, cổ đông, nhà đầu tư, đối tác kinh doanh, và cộng đồng. Quản trị minh bạch đồng nghĩa với sự giảm rủi ro pháp lý, tăng cường hiệu quả hoạt động và xây dựng hình ảnh doanh nghiệp đáng tin cậy, từ đó thúc đẩy phát triển bền vững.

1. Tuân thủ pháp luật và cạnh tranh bình đẳng

Là doanh nghiệp viễn thông và công nghệ có hoạt động đầu tư tại nhiều quốc gia, Viettel Global xác định nguyên tắc thượng tôn pháp luật là nền tảng trong công tác quản trị doanh nghiệp.

Trong năm 2025, Viettel Global đã triển khai

các hoạt động nhằm từng bước chuẩn hóa và chuyên nghiệp hóa công tác quản lý tuân thủ pháp luật tại Tổng Công ty và các công ty thị trường. Theo đó, hệ thống quy chế, quy trình và hướng dẫn nội bộ liên quan đến quản lý tuân thủ được xây dựng, ban hành và cập nhật; công tác tự kiểm, rà soát tuân thủ pháp luật định kỳ được thực hiện theo kế hoạch.

Trong lĩnh vực cạnh tranh, hoạt động kinh doanh của Viettel Global và các công ty thị trường được triển khai trên cơ sở thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh và phù hợp với các quy định pháp luật về cạnh tranh, chống độc quyền. Tổng thể, trong kỳ báo cáo, hoạt động của Viettel Global và các công ty thị trường được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật của Việt Nam và các quốc gia thị trường, qua đó góp phần đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định và bền vững.

³ Tiêu chuẩn trung tâm dữ liệu cao nhất theo [Uptime Institute](https://uptimeinstitute.com/tiers), với mức độ sẵn sàng đạt 99,995%, cho phép hệ thống vận hành liên tục ngay cả khi xảy ra sự cố đơn lẻ hoặc trong quá trình bảo trì. <https://uptimeinstitute.com/tiers>

2. Trách nhiệm tài khóa

Viettel Global cam kết tuân thủ tất cả các chính sách, quy định thuế ở Việt Nam và các quốc gia Viettel Global đầu tư. Chúng tôi đặt tính chính xác và minh bạch làm ưu tiên hàng đầu trong việc ghi nhận, kê khai và báo cáo các thông tin thuế. Công tác quản lý thuế được triển khai bền vững, không chỉ bảo toàn năng lực tài chính và kiểm soát rủi ro tuân thủ của doanh nghiệp mà còn đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội tại các quốc gia Viettel Global đầu tư.

► Các nỗ lực cụ thể:

- Hệ thống quản lý và nhân sự chuyên trách: Tại Tổng Công ty, Ban Lãnh Đạo phân công nhân sự lãnh đạo phụ trách lĩnh vực tài chính, chịu trách nhiệm định hướng chiến lược tổng thể về tiếp cận và quản lý thuế. Phòng Tài chính Kế toán thực hiện chức năng giám sát và quản lý công tác thuế tại công ty mẹ. Tại các thị trường, bố trí nhân sự chuyên trách theo dõi trực tiếp các hoạt động kiểm soát thuế, phí, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật của quốc gia sở tại.

- Quy trình minh bạch và giám sát định kỳ: Thông tin và báo cáo liên quan đến thuế được chia sẻ minh bạch giữa công ty mẹ và các công ty thị trường. Các chính sách thuế, phí tại thị trường được giám sát chặt chẽ thông qua việc rà soát chính sách định kỳ 3 tháng/lần từ công ty mẹ. Báo cáo tài chính và hồ sơ thuế tại các thị trường được các đơn vị kiểm toán và tư vấn thuế độc lập, uy tín rà soát hằng năm nhằm bảo đảm tính khách quan và tuân thủ pháp luật. Đồng thời, công tác chuẩn bị hồ sơ chuyển giá tại các công ty thị trường được rà soát và đánh giá định kỳ hằng năm.

- Duy trì cơ chế đối thoại thường xuyên với cơ quan thuế sở tại để đảm bảo sự đồng thuận và tuân thủ đúng các quy định mới.

- Xây dựng hệ thống quy trình, quy định quản lý thuế chặt chẽ, phù hợp với pháp luật của Việt Nam và các quốc gia đầu tư; thường xuyên rà soát, cập nhật các thay đổi của quy định pháp luật để đảm bảo tuân thủ.

- Các thương hiệu của Viettel Global tự hào là những đơn vị đóng góp quan trọng cho ngân

sách nhà nước tại Việt Nam và các quốc gia sở tại, qua đó góp phần phát triển hạ tầng công và phúc lợi xã hội. Trong 9 tháng đầu năm 2025, Tổng Công ty và các công ty thị trường, bao gồm công ty con và công ty liên kết, đã nộp 10.202 tỷ đồng vào ngân sách nhà nước Việt Nam và sở tại.

3. Minh bạch thông tin và Quan hệ nhà đầu tư Viettel Global cam kết cung cấp thông tin kịp thời, chính xác và bình đẳng cho mọi cổ đông và nhà đầu tư:

- Các báo cáo tài chính (Quý, Bán niên, Năm) được lập và công bố đúng thời hạn quy định, đảm bảo tính trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu (doanh thu, lợi nhuận trước thuế, tổng thuế TNDN đã thực nộp, tổng thuế TNDN xác định theo lợi nhuận trước thuế và luật thuế nước sở tại,...); Thông tin về doanh thu từ bên thứ ba và doanh thu từ các thành viên khác trong Tập đoàn...)

- Cổ đông có thể tiếp cận mọi thông tin quản trị và tài chính công khai trên website chính thức của Tổng Công ty và hệ thống của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Quản trị rủi ro

Trong bối cảnh môi trường kinh doanh toàn cầu có nhiều biến động, chúng tôi xác định quản trị rủi ro (QTRR) không chỉ là lá chắn bảo vệ mà còn là công cụ đắc lực để tối ưu hóa hiệu quả ra quyết định.

Năm 2025, chúng tôi đã triển khai và đưa vào vận hành hệ thống CNTT vào hoạt động QTRR, áp dụng thống nhất tại Viettel Global và các công ty thị trường. Việc chuyển đổi từ theo dõi thủ công sang quản lý dữ liệu tập trung giúp tối ưu tự động hóa quy trình, nâng cao hiệu quả hoạt động, hướng tới mục tiêu quản

trị rủi ro chủ động và xuyên suốt toàn tổ chức. Nhờ các nỗ lực đồng bộ hóa khung quản trị, mức độ trưởng thành hệ thống QTRR của Viettel Global đã đạt điểm 3.5/5 (theo chuẩn đánh giá quốc tế).

Chúng tôi đã hoàn thành triển khai dự án tư vấn quản trị rủi ro với EY, đưa ra danh mục 21 rủi ro trọng yếu dựa trên đánh giá của cấp quản lý khối phòng ban Viettel Global và CEO các công ty thị trường, từ đó lựa chọn 11 rủi ro ưu tiên xử lý của Viettel Global và các công ty thị trường, gồm 03 rủi ro chiến lược, 05 rủi ro tuân thủ và 03 rủi ro hoạt động.

Quan trọng hơn, chúng tôi đang từng bước chuyển hóa những quy định quản trị định tính thành “Văn hóa tuân thủ” sâu rộng, để sự tự giác trở thành kim chỉ nam trong mọi quyết định của mỗi cán bộ nhân viên.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

◆ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Đào Xuân Vũ	Chủ tịch
Ông Phùng Văn Cường	Thành viên (miễn nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Cao Lợi	Thành viên
Bà Đoàn Thị Thu Nga	Thành viên (bổ nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2025)
Ông Hoàng Văn Ngọc	Thành viên (bổ nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2025)
Ông Vũ Sỹ Mạnh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2025)
Ông Lê Xuân Hùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2025)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Nguyễn Thị Hoa	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 06 tháng 02 năm 2025)
Ông Phùng Văn Cường	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 06 tháng 02 năm 2025)
Ông Nguyễn Đức Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Lợi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Thế Dương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tâm	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2025)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác. Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Cao Lợi
Phó Tổng Giám đốc

(Căn cứ theo Giấy ủy quyền số 330/GUQ-VTG
ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty)

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel và các công ty con (gọi chung là “Tổng Công ty”), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty đã trình bày khoản đầu tư vào Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L (“VCR”) trên khoản mục Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vì chưa thu thập được số liệu tài chính từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 của VCR. Do đó, Tổng Công ty đã không thực hiện hợp nhất số liệu tài chính

của VCR trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp liên quan đến thời điểm và các ảnh hưởng của việc không hợp nhất số liệu tài chính của VCR ở niên độ trước, điều này đã dẫn đến việc chúng tôi phải đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp liên quan đến vấn đề này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày



Trần Xuân Ánh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0723-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2026
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

31 tháng 12 năm 2025 của Tổng Công ty hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Đinh Văn Điền
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1961-2023-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		58.015.996.839.126	48.680.623.561.824
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	18.198.061.053.654	13.376.218.513.228
1.	Tiền	111			
				16.176.521.246.928	12.468.854.037.736
2.	Các khoản tương đương tiền	112		2.021.539.806.726	907.364.475.492
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	26.862.132.616.831	23.487.420.000.000
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		26.862.132.616.831	23.487.420.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.493.875.504.868	7.912.322.436.754
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	5.998.640.588.386	6.295.953.035.306
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	975.359.190.894	433.524.484.613
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	11.969.695.223.206	12.761.017.707.327
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	10	6.727.535.678.091	5.770.101.576.060
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(19.177.355.175.709)	(17.348.274.366.552)
IV.	Hàng tồn kho	140	12	5.161.470.525.873	2.793.581.942.837
1.	Hàng tồn kho	141		5.387.640.877.024	3.023.914.444.893
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(226.170.351.151)	(230.332.502.056)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.300.457.137.900	1.111.080.669.005
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	443.822.280.666	323.295.344.939
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	14	820.206.871.731	714.871.134.248
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21	36.427.985.503	72.914.189.818

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.494.554.017.015	14.758.089.879.704
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		127.406.893.061	140.209.484.619
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	27.665.625.320	70.506.213.552
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	8	-	129.452.418
3. Phải thu dài hạn khác	216	10	99.741.267.741	69.573.818.649
II. Tài sản cố định	220		16.032.868.126.839	11.489.559.260.465
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	10.532.647.350.577	8.135.391.719.251
- Nguyên giá	222		43.667.796.857.273	38.018.781.543.746
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.135.149.506.696)	(29.883.389.824.495)
2. Tài sản cố định vô hình	227	16	5.500.220.776.262	3.354.167.541.214
- Nguyên giá	228		8.946.476.833.002	6.152.276.994.328
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.446.256.056.740)	(2.798.109.453.114)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	17	1.983.862.318.421	1.473.203.771.415
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.983.862.318.421	1.473.203.771.415
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.359.188.851.859	642.508.471.583
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	18	558.188.851.859	642.508.471.583
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	583.660.000	583.660.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6	(583.660.000)	(583.660.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6	3.801.000.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		991.227.826.835	1.012.608.891.622
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	282.663.972.750	303.565.638.746
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	657.037.861.545	652.003.387.111
3. Tài sản dài hạn khác	268		51.525.992.540	57.039.865.765
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		81.510.550.856.141	63.438.713.441.528

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		38.672.356.541.926	27.606.678.855.315
I. Nợ ngắn hạn	310		32.499.159.856.529	22.599.149.241.674
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	7.485.738.489.537	3.884.932.725.129
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		32.609.599.000	35.342.737.771
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	2.098.052.748.471	2.128.608.893.854
4. Phải trả người lao động	314		244.674.974.089	175.217.629.223
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	5.260.944.915.535	3.613.981.279.699
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	23	4.896.070.633.988	3.668.466.872.462
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	24	9.662.152.734.137	7.153.985.467.287
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	25	2.769.849.291.550	1.748.168.979.708
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		6.907.500.403	125.174.992.136
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		42.158.969.819	65.269.664.405
II. Nợ dài hạn	330		6.173.196.685.397	5.007.529.613.641
1. Phải trả người bán dài hạn	331	20	368.687.422.365	409.511.382.167
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	22	156.072.500.925	560.694.132.009
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	23	493.896.200.644	561.773.864.312
4. Phải trả dài hạn khác	337	24	6.991.413.497	7.612.980.135
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	26	2.257.253.410.203	974.640.235.160
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	2.702.372.041.898	2.327.872.238.650
7. Dự phòng phải trả dài hạn	342		187.923.695.865	165.424.781.208
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		42.838.194.314.215	35.832.034.586.213
I. Vốn chủ sở hữu	410	27	42.838.194.314.215	35.832.034.586.213
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.438.112.000.000	30.438.112.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.438.112.000.000	30.438.112.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(2.288.941.478.832)	(1.753.507.497.493)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.551.160.804.288	3.551.039.169.524
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		177.653.377.833	74.874.943.744
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.130.339.150.617	2.284.008.125.895
-(Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(169.651.708.625)	(3.333.785.333.130)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		9.299.990.859.242	5.617.793.459.025
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		1.829.870.460.309	1.237.507.844.543
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		81.510.550.856.141	63.438.713.441.528



Vũ Thị Thu Trang
Người lập biểu



Trương Bạch Dương
Kế toán trưởng



Nguyễn Cao Lợi
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		44.271.363.552.131	35.367.654.090.238
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	30	44.271.363.552.131	35.367.654.090.238
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	21.559.991.583.813	17.462.321.010.589
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		22.711.371.968.318	17.905.333.079.649
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	3.865.433.179.558	4.245.976.194.427
6. Chi phí tài chính	22	34	1.780.863.517.883	1.779.361.229.299
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		331.952.973.873	315.164.324.066
7. Phần lãi trong công ty liên kết	24		505.999.542.485	408.694.655.902
8. Chi phí bán hàng	25	35	4.848.475.050.402	3.532.615.601.214
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	6.123.189.987.133	6.883.494.513.890
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22+24)-(25+26))	30		14.330.276.134.943	10.364.532.585.575
11. Thu nhập khác	31	36	971.735.435.026	386.069.846.636
12. Chi phí khác	32	36	126.431.047.128	83.798.567.311
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		845.304.387.898	302.271.279.325
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		15.175.580.522.841	10.666.803.864.900
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	37	3.548.268.286.428	2.783.260.287.488
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	37	376.689.095.484	710.494.119.270
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		11.250.623.140.929	7.173.049.458.142
Trong đó:				
17.1 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		9.302.665.692.177	5.626.174.333.290
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.947.957.448.752	1.546.875.124.852
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	3.028	1.848



Vũ Thị Thu Trang
Người lập biểu



Trương Bạch Dương
Kế toán trưởng



Nguyễn Cao Lợi
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Trình bày theo phương pháp gián tiếp)Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.175.580.522.841	10.666.803.864.900
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.435.888.184.713	3.175.196.867.999
Các khoản dự phòng	03	1.626.804.810.811	3.637.645.212.220
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.074.277.204.035)	(2.422.948.652.015)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.810.564.684.218)	(1.818.537.926.019)
Chi phí lãi vay	06	331.952.973.873	315.164.324.066
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.685.384.603.985	13.553.323.691.151
Thay đổi các khoản phải thu	09	290.919.723.725	947.917.143.831
Thay đổi hàng tồn kho	10	(2.363.726.432.131)	(231.172.609.825)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.034.354.562.096	4.028.548.215.657
Thay đổi chi phí trả trước	12	(99.625.269.731)	45.654.972.059
Tiền lãi vay đã trả	14	(361.541.263.263)	(352.474.071.302)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.190.888.799.963)	(1.644.314.678.717)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(31.181.858.908)	(18.093.037.495)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	16.963.695.265.810	16.329.389.625.359
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.435.035.605.389)	(3.158.758.562.956)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	11.178.296.725	16.037.798.543
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(31.338.107.907.047)	(24.337.321.832.418)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	25.392.075.728.917	15.136.104.534.636
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	163.354.191.126	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.638.560.611.352	1.646.535.161.861
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.567.974.684.316)	(10.697.402.900.334)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Trình bày theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	17.291.802.262	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	5.802.901.843.450	4.633.138.162.825
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.630.223.641.771)	(4.977.811.716.370)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông không kiểm soát	36	(4.034.487.950.061)	(1.154.974.900.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.844.517.946.120)	(1.499.648.454.195)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	4.551.202.635.374	4.132.338.270.830
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	13.376.218.513.228	8.874.330.678.371
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	270.639.905.052	369.549.564.027
Trong đó:			
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm		(54.653.532.363)	(39.710.428.349)
- Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo tài chính		325.293.437.415	409.259.992.376
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	18.198.061.053.654	13.376.218.513.228



Vũ Thị Thu Trang
Người lập biểu



Trương Bạch Dương
Kế toán trưởng



Nguyễn Cao Lợi
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel, gọi tắt là “Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103020282 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 10 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh. Tổng Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất là lần thứ 27 số 0102409426 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) thành phố Hà Nội cấp ngày 09 tháng 4 năm 2025.

Tổng Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn UPCOM với mã chứng khoán VGI từ ngày 25 tháng 9 năm 2018.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (gọi tắt là “Tập đoàn”). Tổng Công ty có trụ sở đăng ký tại Tầng 39, 40 Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6 KĐT mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 5.790 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 5.929 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Sản xuất sản phẩm từ gốc; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, truyền tải điện;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bưu chính;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; và
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là đầu tư và vận hành các mạng viễn thông ở nước ngoài, kinh doanh dịch vụ ví điện tử và cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin có liên quan.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Tên công ty Công ty con	Nơi thành lập và đăng ký hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Viettel Timor Leste Unipessoal LDA ("VTL")	Đông Timor	100	100	Sở hữu và vận hành mạng viễn thông Telemor tại thị trường Đông Timor.
Công ty Viettel (Cambodia) Pte. Ltd. ("VTC")	Campuchia	90	90	Sở hữu và vận hành mạng viễn thông Metfone tại thị trường Campuchia.
Công ty Movitel S.A. ("Movitel")	Mozambique	70	70	Sở hữu và vận hành mạng viễn thông Movitel tại thị trường Mozambique.
Công ty National Telecom S.A. ("Natcom")	Haiti	60	60	Sở hữu và vận hành mạng viễn thông Natcom tại thị trường Haiti.
Công ty Viettel Burundi S.A. ("VTB")	Burundi	85	85	Sở hữu và vận hành mạng viễn thông Lumitel tại thị trường Burundi.
Công ty Viettel Tanzania Limited ("VTZ")	Tanzania	99,99	99,99	Sở hữu và vận hành mạng viễn thông Halotel tại thị trường Tanzania.
Công ty E-Mola S.A. (i)	Mozambique	67,2	96	Kinh doanh dịch vụ ví điện tử tại thị trường Mozambique.
Công ty Viettel E-commerce Tanzania ("VTE") (ii)	Tanzania	99,99	100	Kinh doanh dịch vụ ví điện tử tại thị trường Tanzania.
Công ty Lumicash SU (iii)	Burundi	85	100	Kinh doanh dịch vụ ví điện tử tại thị trường Burundi.
Công ty Telemor Fintech Unipessoal LDA. ("TFU") (iv)	Đông Timor	100	100	Kinh doanh dịch vụ ví điện tử tại thị trường Đông Timor.
Công ty E-money Payment Solutions Public Limited ("E-money") (v)	Campuchia	89,1	99	Kinh doanh dịch vụ ví điện tử tại thị trường Campuchia.
Công ty Mạng lưới Metfone ("MNET") (v)	Campuchia	90	100	Kinh doanh dịch vụ xây dựng, lắp đặt, vận hành mạng lưới tại thị trường Campuchia

Tên công ty Công ty con	Nơi thành lập và đăng ký hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Metfone Tower Solutions ("MTO") (v)	Campuchia	90	100	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh và cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông (cột ăng-ten, nhà trạm, nguồn điện) tại thị trường Campuchia

Công ty Cổ phần Chuyển tiền Nattransfer ("NATTRANSFER") (vi)	Haiti	60	99,99	Dịch vụ tài chính và ngân hàng
--	-------	----	-------	--------------------------------

Công ty liên kết

Công ty Star Telecom Co., Ltd ("STL")	Lào	49	49	Sở hữu và vận hành mạng viễn thông Unitel tại thị trường Lào.
Công ty Telecom International Myanmar Co., Ltd ("Mytel")	Myanmar	49	49	Đầu tư mạng viễn thông tại thị trường Myanmar.

- (i) Công ty E-Mola S.A. là công ty con của Công ty Movitel S.A.
- (ii) Công ty Viettel E-commerce Tanzania là công ty con của Công ty Viettel Tanzania Limited.
- (iii) Công ty Lumicash SU là công ty con của Công ty Viettel Burundi S.A.
- (iv) Công ty Telemor Fintech Unipessoal, LDA ("TFU") là công ty con của Công ty Viettel Timor Leste, Unipessoal LDA.
- (v) Công ty E-money Payment Solutions Public Limited, Công ty Mạng lưới Metfone ("MNET") và Công ty Metfone Tower Solutions ("MTO") là các công ty con của Công ty Viettel Cambodia Pte. Ltd. Trong đó, MNET được thành lập ngày 01 tháng 8 năm 2025 và MTO được thành lập ngày 06 tháng 8 năm 2025.
- (vi) Công ty Cổ phần Chuyển tiền Nattransfer Maison De Transfert, S.A. ("NATTRANSFER") là công ty con của Công ty National Telecom S.A. ("Natcom") được thành lập ngày 27 tháng 11 năm 2025.

Trong năm 2025, Công ty Metcom Co., Ltd là công ty liên kết của Công ty Viettel (Cambodia) Pte. Ltd. đã hoàn tất thủ tục giải thể.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty trình bày khoản đầu tư vào Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L ("VCR") (tỷ lệ lợi ích 70%) trên khoản mục Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do chưa thu thập được số liệu tài chính của VCR từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 (xem chi tiết tại Thuyết minh số 06).

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tổng Công ty được lập trên cơ sở báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Riêng đối với Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L (“VCR”), tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty trình bày khoản đầu tư vào VCR trên khoản mục Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do chưa thu thập được số liệu tài chính từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 của VCR và không hợp nhất số liệu tài chính của VCR.

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, Tổng Công ty đã thực hiện việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được lập bằng các đồng tiền nội tệ của các thị trường ở nước ngoài sang đồng tiền báo cáo của công ty mẹ được lập bằng Đồng Việt Nam (VND) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo nguyên tắc sau:

- Tài sản được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế chéo cuối năm được xác định dựa

trên tỷ giá mua vào USD trên VND và tỷ giá bán ra USD trên đồng nội tệ tại thị trường công ty con tại ngân hàng Tổng Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch;

- Nợ phải trả được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế chéo cuối năm được xác định dựa trên tỷ giá bán ra USD trên VND và tỷ giá mua vào USD trên đồng nội tệ tại thị trường công ty con tại ngân hàng Tổng Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch;

- Trường hợp tỷ giá bán và tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo chênh lệch không quá 0,2% thì được áp dụng tỷ giá mua - bán bình quân;

- Giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua;

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức;

- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân. Trường hợp biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối năm trên 20% thì áp dụng tỷ giá cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào

báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Tổng Công ty.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước),
 - Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
 - Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200, và
 - Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.
- Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được

Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong

Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư và được phân bổ đều vào chi phí trong thời gian 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát

hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và khó có khả năng thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho sử dụng cho mục đích xây dựng trạm viễn thông được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước, giá xuất kho của các loại hàng tồn kho khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng đối với Công ty mẹ, giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá gốc hàng tồn kho thương mại bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công

ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên định mức hoạt động được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Ngoại trừ thiết bị viễn thông, phương tiện vận tải, truyền dẫn và thiết bị dụng cụ quản lý tại VTC, tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc, thiết bị	02 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	02 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 10

Thiết bị viễn thông, phương tiện vận tải, truyền dẫn và thiết bị dụng cụ quản lý tại VTC được khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần phù hợp với yêu cầu của chế độ kế toán nước sở tại.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần dotừ thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tổng Công ty không trích khấu hao quyền sử dụng đất do đây là quyền sử dụng đất vô thời hạn.

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Giấy phép kinh doanh viễn thông

Phí đăng ký kinh doanh trả cho chính phủ các nước nhằm được phép thực hiện hoạt động kinh doanh viễn thông trong một giai đoạn xác định và khấu hao theo thời hạn của giấy phép.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí thuê trả trước, giá trị công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và chi phí khác.

Chi phí thuê trả trước

Chi phí thuê trả trước bao gồm tiền thuê trả trước liên quan đến thuê mặt bằng, trạm BTS, tiền thuê kho số, đầu số, tần số trả trước, tiền thuê vị trí, kênh, cột, đường truyền trả trước, tiền thuê kho và thuê văn phòng, cửa hàng trả trước. Các chi phí này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê thực tế.

Công cụ và dụng cụ

Giá trị công cụ và dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn tối đa 3 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí tư vấn, quảng cáo trả trước, chi phí trả trước liên quan đến trạm BTS, chi phí hỗ trợ dịch vụ kỹ thuật SLA trả trước và các khoản chi phí trả trước khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích trong tương lai cho Tổng Công ty. Các khoản chi phí

này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm tài chính thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm tài chính đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trong đó:

- Doanh thu dịch vụ viễn thông trả sau: được ghi nhận trên cơ sở thời gian gọi nếu tính phí theo thời gian hoặc theo kỳ nếu tính phí cố định theo kỳ.
- Doanh thu dịch vụ viễn thông trả trước được ghi nhận trên cơ sở dung lượng thực tế mà khách hàng đã sử dụng trong năm theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 7370/BTC-QLKT ngày 18 tháng 6 năm 2020 và Công văn số 686/BTC-QLKT ngày 19 tháng 01 năm 2022.
- Đối với hợp đồng kinh tế bao gồm nhiều giao dịch, Tổng Công ty ghi nhận riêng doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ; doanh thu được ghi nhận tương ứng với nghĩa vụ hiện tại đã thực hiện và nghĩa vụ trong tương lai chưa thực hiện được hoãn lại cho đến khi được thực hiện. Trường hợp hợp đồng kinh tế quy định việc bán hàng và cung cấp dịch vụ sau bán hàng (ngoài điều khoản bảo hành thông thường), Tổng Công ty ghi nhận riêng doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ; trường hợp hợp đồng quy định bên bán hàng chịu trách nhiệm lắp đặt sản phẩm, hàng hóa cho người mua thì doanh thu chỉ được ghi nhận sau khi việc lắp đặt được thực hiện xong.
- Doanh thu cước kết nối được ghi nhận ban đầu trên cơ sở biên bản đối soát và hóa đơn thực tế. Trường hợp chưa có đối soát cước với các đối tác, doanh thu cước kết nối được ghi nhận trên cơ sở cước kết nối tạm tính, mức cước tạm tính thông thường dựa trên lưu lượng cước phát sinh trong tháng. Số liệu này được điều chỉnh vào tháng sau theo biên bản đối soát giữa các bên.
- Doanh thu cho thuê đường truyền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay và lãi chậm trả được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, cho vay, phải thu và lãi suất áp dụng.

Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được thanh toán cổ tức được thiết lập.

Ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 1168/VP-CP-KTTH ngày 24 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 805/BTC/BTC-TCĐN ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính cũng như văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 01 năm 2017 đồng ý với ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số 18608/BTC-TCĐN ngày 28 tháng 12 năm 2016, kể từ năm 2015, Tổng Công ty được phân bổ trong thời gian không quá 3 năm chi phí chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trong báo cáo tài chính các công ty con có dự án đầu tư nước ngoài trước khi lập báo cáo tài chính hợp nhất

của Tổng Công ty. Hiện tại, Tổng Công ty không thực hiện phân bổ mà ghi nhận toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Công ty tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ báo cáo trừ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”. Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Công ty.

Lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh khi Tổng Công ty thực hiện hoạt động tại nước ngoài được kế toán như tài sản và nợ phải trả liên quan đến hoạt động tại nước ngoài và được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử

dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam và các nước sở tại.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là một phần riêng biệt của Tổng Công ty

và các công ty con, cung cấp các sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận kinh doanh), hoặc là cung cấp các sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (khu vực địa lý), trong đó các rủi ro và kết quả thu được độc lập với các bộ phận khác. Tổng Công ty và các công ty con hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh viễn thông, bao gồm vận hành mạng viễn thông, cung cấp các dịch vụ viễn thông và mua bán các thiết bị viễn thông. Báo cáo bộ phận chính yếu của Tổng Công ty và các công ty con được lập theo khu vực địa lý, với các bộ phận được chia như sau:

- Thị trường Châu Phi: phản ánh hoạt động vận hành mạng viễn thông, cung cấp các dịch vụ viễn thông và ví điện tử tại các thị trường Mozambique (Movitel, E-Mola), thị trường Burundi (VTB, Lumicash) và thị trường Tanzania (VTZ, VTE);
- Thị trường Châu Mỹ La-tinh: phản ánh hoạt động vận hành mạng viễn thông, cung cấp các dịch vụ viễn thông và ví điện tử tại thị trường Haiti (Natcom);
- Thị trường Đông Nam Á: phản ánh hoạt động vận hành mạng viễn thông, cung cấp các dịch vụ viễn thông và ví điện tử tại các thị trường Campuchia (VTC, E-money, MNET, MTO), thị trường Đông Timor (VTL, TFU) và hoạt động khác của VTG được thành lập tại Việt Nam, trong đó hoạt động chủ yếu của VTG là bán các thiết bị viễn thông cho các thị trường nước ngoài.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	12.149.532.074	10.954.485.832
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	15.982.828.154.379	12.258.440.190.726
Tiền đang chuyển	181.543.560.464	199.459.361.178
Các khoản tương đương tiền (ii)	2.021.539.806.737	907.364.475.492
	18.198.061.053.654	13.376.218.513.228

(i) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm khoản tiền gửi 165.055.113.076 BIF tương đương 1.438.225.650.325 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 167.690.991.563 BIF tương đương 1.443.314.453.578 VND) tại Ngân hàng KCB Bank Kenya, Ngân hàng CRDB Bank, Ngân hàng Eco Bank và Ngân hàng Bancobu dùng để đảm bảo cho khoản vay tại các ngân hàng này.

Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm số tiền gửi của khách hàng tại các công ty ví điện tử là 8.134.433.797.465 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 5.768.999.966.527 VND). Số tiền này bị hạn chế sử dụng và việc giao dịch phụ thuộc theo yêu cầu của khách hàng tại các công ty ví điện tử này.

(ii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất từ 1,2%/năm – 6,75%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là từ 1,3%/năm – 8,1%/năm).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	26.862.132.616.831	26.862.132.616.831	23.487.420.000.000	23.487.420.000.000
Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	3.801.000.000.000	3.801.000.000.000	-	-

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L (“VCR”) (iii)	583.660.000	583.660.000	583.660.000	583.660.000

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo với lãi suất từ 2%/năm – 6,75%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là từ 3,5%/năm – 6,2%/năm).

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm khoản tiền gửi 585.000.000 MZN tương đương 236.474.511.931 VND tại Ngân hàng Access Bank dùng để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng này.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 thể hiện các khoản tiền

gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo với lãi suất từ 6,8%/năm – 7,8%/năm.

(iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty trình bày khoản đầu tư vào Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L (“VCR”) trên khoản mục Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do chưa thu thập được số liệu tài chính của VCR từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L (“VCR”) (i)	4.675.262.116.138	4.460.036.304.012
Công ty Cổ phần Viễn thông Đầu tư và Thương mại Quốc tế	402.749.294.573	-
Công ty Star Telecom Co., Ltd	258.762.765.292	128.943.801.661
Công ty Telecom International Myanmar Co., Ltd	86.172.124.014	803.205.231.736
Phải thu các đối tượng khác	575.694.288.369	903.767.697.897
	5.998.640.588.386	6.295.953.035.306
b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Viễn thông Đầu tư và Thương mại Quốc tế	27.665.625.320	-
Công ty Telecom International Myanmar Co., Ltd	-	70.506.213.552
	27.665.625.320	70.506.213.552
Trong đó:		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 40)	385.235.979.083	1.379.385.376.104

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Burundi Business Telecommunication (BBT)	298.151.763.662	-
N&N General Trading	143.588.975.026	-
Aura High Security (Burundi)	63.722.800.434	43.830.458.950
Công ty TNHH Joy's Creative Enterprises	41.208.899.419	40.202.600.443
Công ty TNHH Huawei International	12.029.100.295	44.082.009.634
Trả trước cho các đối tượng khác	416.657.652.058	305.409.415.586
	975.359.190.894	433.524.484.613
b. Trả trước cho người bán dài hạn		
Agro-Negocio para o Desenvolvimento de Mozambique, Lda	-	129.452.418
	-	129.452.418
Trong đó:		
Trả trước cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 40)	6.879.089.436	3.160.689.480

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Telecom International Myanmar Co., Ltd (i)	7.978.808.715.206	8.892.355.827.327
Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L (ii)	3.990.886.508.000	3.868.661.880.000
	11.969.695.223.206	12.761.017.707.327
Trong đó:		
Phải thu về cho vay các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 40)	7.978.808.715.206	8.892.355.827.327

(i) Phản ánh khoản cho Công ty Telecom International Myanmar Co., Ltd ("Mytel" - công ty liên kết của Tổng Công ty) vay bằng Đô la Mỹ ("USD") để thực hiện các dự án viễn thông tại thị trường Myanmar theo giấy phép đầu tư viễn thông được cấp bởi cơ quan nhà nước sở tại. Lãi suất cho vay từ 7,5% đến 10,04%/năm với thời hạn từ 36 tháng đến 60 tháng.

(ii) Phản ánh khoản cho Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L vay bằng Đô la Mỹ ("USD") để thực hiện các dự án viễn thông tại thị trường Cameroon theo giấy phép đầu tư viễn thông được cấp bởi cơ quan nhà nước sở tại. Lãi suất cho vay từ 2% đến 3%/năm với thời hạn từ 30 tháng đến 60 tháng.

Số dư phải thu cho Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L vay thay đổi trong năm do ảnh hưởng của việc đánh giá lại tỷ giá cuối năm.

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Dự thu lãi cho vay (i)	3.189.307.708.231	2.610.245.078.686
Phải thu lãi quá hạn thanh toán (ii)	1.367.821.675.374	1.326.933.647.147
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn (iii)	768.544.018.536	565.131.640.539
Các khoản phải thu về chi hộ (iv)	348.024.823.741	342.539.677.265
Tạm ứng	232.714.361.673	240.556.938.703
Phải thu về tiền bán hàng tại các kênh phân phối và các khoản khác có liên quan	120.530.685.830	154.346.848.198
Các khoản ký cược, ký quỹ	117.176.642.712	41.689.603.276
Phải thu cơ quan thuế Tanzania (v)	106.028.083.356	103.438.935.061
Phải thu từ cung cấp dịch vụ cước kết nối	88.480.296.992	98.423.543.683
Phải thu về lợi nhuận được chia	61.777.301.301	21.442.800.320
Các khoản phải thu khác	327.130.080.345	265.352.863.182
	6.727.535.678.091	5.770.101.576.060
b. Dài hạn		
Các khoản ký cược, ký quỹ	99.741.267.741	69.573.818.649
	99.741.267.741	69.573.818.649
Trong đó:		
Phải thu khác từ các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 40)	4.170.399.446.205	3.538.929.260.068

(i) Phản ánh lãi từ các khoản cho Công ty Telecom International Myanmar Co., Ltd ("Mytel") và Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L ("VCR") vay.

(ii) Phản ánh khoản lãi phạt chậm trả của công ty liên kết, công ty trong cùng Tập đoàn và Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L ("VCR") do quá hạn thanh toán theo thỏa thuận tại các hợp đồng mua bán hàng hóa, vật tư thiết bị.

(iii)Phản ánh khoản phải thu lãi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng (Xem Thuyết minh số 5 và số 6).

(iv)Phản ánh khoản phải thu về việc trả hộ khoản bảo lãnh vay vốn của Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L với số tiền 327,8 tỷ VND (tương ứng với khoản phải trả các ngân hàng được ghi nhận trên khoản mục phải trả khác, chi tiết tại Thuyết minh số 24) và các khoản trả hộ khác.

(v) Phản ánh số tiền thuế giá trị gia tăng Công ty Viettel Tanzania Limited ("VTZ" - Công ty con của Tổng Công ty) đã nộp theo yêu cầu của cơ quan thuế Tanzania.

Số dư phải thu khác VCR (dự thu lãi cho vay và phải thu lãi quá hạn thanh toán) thay đổi trong năm do ảnh hưởng của việc đánh giá lại tỷ giá cuối năm.

11. NỢ XẤU

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Dự phòng
Phải thu cho vay	11.969.695.223.205	1.164.030.847.309	10.805.664.375.896	12.548.382.055.929
Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L	3.990.886.508.000	-	3.990.886.508.000	3.868.661.880.000
Công ty TNHH Telecom International Myanmar	7.978.808.715.205	1.164.030.847.309	6.814.777.867.896	8.679.720.175.929
Phải thu khách hàng	4.875.228.568.022	77.078.987.717	4.798.149.580.305	4.589.922.350.514
Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L	4.670.717.838.813	-	4.670.717.838.813	4.455.631.199.426
Đối tượng khác	204.510.729.209	77.078.987.717	127.431.741.492	134.291.151.088
Phải thu khác	4.226.261.194.322	652.719.974.814	3.573.541.219.508	3.464.924.166.383
Công ty TNHH Telecom International Myanmar	2.776.920.246.033	343.626.105.234	2.433.294.140.799	2.232.264.202.912
Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L	807.203.913.495	-	807.203.913.495	745.721.698.111
Phải thu cơ quan thuế Tanzania	106.028.083.356	-	106.028.083.356	103.438.935.061
Các khoản phải thu đối tượng khác	536.108.951.438	309.093.869.580	227.015.081.858	383.499.330.299
	21.071.184.985.549	1.893.829.809.840	19.177.355.175.709	20.603.228.572.826

Tổng Công ty trích lập dự phòng cho các khoản nợ xấu căn cứ theo đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu. Giá gốc là giá trị các khoản công nợ đã quá hạn từ 6 tháng trở lên và khó có khả năng thu hồi, dự phòng được xác định bằng giá gốc của các khoản công nợ trừ đi giá trị có thể thu hồi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, một số khoản phải thu đối với Công ty Viettel Cameroun S.A.R.L và Công ty TNHH Telecom International Myanmar đã quá hạn thanh toán và phải trích lập dự phòng, do đó Tổng Công ty không tiếp tục ghi nhận lãi cho vay và lãi chậm thanh toán từ thời điểm trích lập dự phòng đối với mỗi khoản phải thu theo hướng dẫn tại Điều 80, Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, số tiền lãi lũy kế không ghi nhận theo hướng dẫn này tương đương 5.330 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: tương đương 3.304 tỷ VND).

12. HÀNG TỒN KHO

		Số cuối năm		Số đầu năm	
		VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Hàng mua đang đi đường	1.641.543.131.430	-	754.663.651.272	-	
Nguyên liệu, vật liệu	3.381.064.892.659	(41.063.733.586)	1.780.941.019.770	(49.987.835.419)	
Công cụ, dụng cụ	85.603.758.708	-	80.853.097.243	-	
Hàng hoá	279.429.094.227	(185.106.617.565)	407.456.676.608	(180.344.666.637)	
	5.387.640.877.024	(226.170.351.151)	3.023.914.444.893	(230.332.502.056)	

Trong năm 2025, dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã được Tổng Công ty và các công ty con trích lập với số tiền là 12.991.914.694 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 53.433.855.726 VND) do giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho này thấp hơn giá trị ghi sổ.

Đồng thời, trong năm Tổng Công ty và các công ty con đã sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 17.154.065.599 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 827.118.979 VND) do Công ty đã tiêu thụ hàng tồn kho đã trích lập dự phòng đầu năm.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 26, Tổng Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho luân chuyển với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là khoảng 388 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: khoảng 379 tỷ VND) để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Trả trước chi phí liên quan trạm BTS	171.655.816.419	105.659.170.992
Trả trước chi phí đầu số, kho số, tần số	135.659.681.676	108.250.545.138
Trả trước thuê kho, văn phòng, cửa hàng	37.375.050.514	34.979.419.944
Chi phí tư vấn, quảng cáo	25.569.804.172	25.842.450.562
Chi phí thuê kênh, thuê cột, đường truyền	6.033.961.093	6.248.558.982
Công cụ và dụng cụ	23.293.550.012	10.030.366.639
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	44.234.416.780	32.284.832.682
	443.822.280.666	323.295.344.939
b. Dài hạn		
Trả trước thuê kho, văn phòng, cửa hàng	217.160.067.298	202.147.441.621
Chi phí thuê kênh, cột, đường truyền	19.631.070.748	35.657.048.572
Trả trước chi phí liên quan trạm BTS	31.887.575.381	21.131.872.590
Chi phí hỗ trợ dịch vụ kỹ thuật SLA	-	21.356.000.141
Chi phí tư vấn, quảng cáo	9.112.990.380	16.432.435.906
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.872.268.943	6.840.839.916
	282.663.972.750	303.565.638.746

14. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản thuế giá trị gia tăng được khấu trừ chủ yếu phát sinh từ việc Tổng Công ty mua hàng hóa, thiết bị để bán cho các công ty con, công ty liên kết ở nước ngoài.

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUỒN GIÁ					
Số dư đầu năm	569.544.630.639	35.959.732.747.062	405.080.915.689	1.084.423.250.356	38.018.781.543.746
Chênh lệch do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài	18.371.384.999	1.057.926.786.954	8.792.708.886	31.894.092.856	1.116.984.973.695
Tăng trong năm	338.423.500.740	4.571.110.276.633	43.705.942.182	32.285.055.149	4.985.524.774.704
Phân loại lại	-	(199.875.542.406)	190.953.301.348	44.741.332.551	35.819.091.493
Thanh lý, nhượng bán, tháo dỡ	(36.547.749.399)	(449.370.883.591)	(3.394.893.375)	-	(489.313.526.365)
Số dư cuối năm	889.791.766.979	40.939.523.384.652	645.137.974.730	1.193.343.730.912	43.667.796.857.273
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	225.614.687.337	28.346.889.911.481	370.708.510.549	940.176.715.128	29.883.389.824.495
Chênh lệch do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài	6.756.292.895	819.728.937.692	7.883.329.889	27.682.799.351	862.051.359.827
Khấu hao trong năm	47.252.592.286	2.713.422.614.492	17.338.622.930	68.045.481.532	2.846.059.311.240
Phân loại lại	-	(194.649.709.526)	190.361.676.986	15.294.884.675	11.006.852.135
Thanh lý, nhượng bán, tháo dỡ	(15.712.347.623)	(448.264.631.042)	(3.380.862.336)	-	(467.357.841.001)
Số dư cuối năm	263.911.224.895	31.237.127.123.097	582.911.278.018	1.051.199.880.686	33.135.149.506.696
Tại ngày đầu năm	343.929.943.302	7.612.842.835.581	34.372.405.140	144.246.535.228	8.135.391.719.251
Tại ngày cuối năm	625.880.542.084	9.702.396.261.555	62.226.696.712	142.143.850.226	10.532.647.350.577

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là khoảng 20.221 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là khoảng 15.756 tỷ VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 25 và 26, Tổng Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là khoảng 431 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là khoảng 501 tỷ VND) để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.

16. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Giấy phép kinh doanh viễn thông VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	2.644.970.697	1.733.648.378.092	4.415.983.645.539	6.152.276.994.328
Chênh lệch do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài	8.545.053	40.380.581.697	161.977.421.127	202.366.547.877
Mua trong năm	812.152.563	207.509.154.997	2.418.909.237.519	2.627.230.545.079
Phân loại lại	1.061.094.979	(36.458.349.261)	-	(35.397.254.282)
Số dư cuối năm	4.526.763.292	1.945.079.765.525	6.996.870.304.185	8.946.476.833.002
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	-	1.309.986.185.220	1.488.123.267.894	2.798.109.453.114
Chênh lệch do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài	-	23.876.342.950	45.026.268.705	68.902.611.655
Khấu hao trong năm	-	208.284.909.013	381.543.964.460	589.828.873.473
Phân loại lại	-	(10.584.881.502)	-	(10.584.881.502)
Số dư cuối năm	-	1.531.562.555.681	1.914.693.501.059	3.446.256.056.740
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	2.64 4.970.697	423.662.192.872	2.927.860.377.645	3.354.167.541.214
Tại ngày cuối năm	4.526.763.292	413.517.209.844	5.082.176.803.126	5.500.220.776.262

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là khoảng 1.166 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là khoảng 1.045 tỷ VND).

17. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Mua sắm	58.838.176.400	6.966.684.184
- Xây dựng cơ bản (i)	1.925.024.142.021	1.466.237.087.231
	1.983.862.318.421	1.473.203.771.415
(i) Trong đó:		
Nhà trạm	1.773.550.198.425	1.332.006.251.373
Tuyến cáp	149.528.608.863	133.276.632.283
Khác	1.945.334.733	954.203.575

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	4.407.312.508.394	4.551.906.064.307
Phần lợi nhuận lũy kế phát sinh sau ngày đầu tư	3.645.259.079.031	3.143.629.948.677
Cổ tức công bố	(6.815.786.165.942)	(6.351.402.948.565)
Chênh lệch do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài	(678.596.569.624)	(701.624.592.836)
	558.188.851.859	642.508.471.583
Trong đó:		
- Đầu tư vào Công ty Star Telecom Co., Ltd ("STL")	558.188.851.859	520.152.611.105
- Đầu tư vào Công ty Metcom Co., Ltd ("Metcom") (ii)	-	122.355.860.478
- Đầu tư vào Công ty Telecom International Myanmar Co., Ltd ("Mytel") (i)	-	-
	558.188.851.859	642.508.471.583

(i) Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào Mytel được ghi nhận bằng 0 VND chủ yếu do ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá dẫn đến âm vốn chủ sở hữu của Mytel tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

(ii) Khoản đầu tư vào công ty liên kết Metcom ghi giảm so với đầu nămu kỳ do Công ty Metcom đã giải thể vào ngày 16 tháng 12 năm 2025. Ngày 20 tháng 11 năm 2025, các cổ đông tại Công ty Metcom đã phê duyệt phân phối toàn bộ lợi nhuận và hoàn trả khoản đầu tư của Công ty cho các cổ đông.

19. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	0% - 30%	0% - 30%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	876.212.015.856	850.404.553.097
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(219.174.154.311)	(198.401.165.986)
	657.037.861.545	652.003.387.111
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0% - 30%	0% - 30%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	2.921.546.196.209	2.526.273.404.636
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(219.174.154.311)	(198.401.165.986)
	2.702.372.041.898	2.327.872.238.650

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				Lợi nhuận/Thu nhập chưa thực hiện		Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả		Tổng cộng
				VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm trước				744.765.658.506	(224.839.341.769)			660.079.437.104
Chênh lệch do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài				5.684.825.872	-			10.935.266.002
Tăng trong năm				451.710.892.728	-			470.218.233.415
Hoàn nhập trong năm				(434.892.821.261)	-			(515.667.725.193)
Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả				-	26.438.175.783			26.438.175.783
Tại ngày đầu năm nay				767.268.555.845	(198.401.165.986)			652.003.387.111
Chênh lệch do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài				4.485.253.378	-			5.987.612.273
Tăng trong năm				496.531.019.581	-			498.561.046.400
Hoàn nhập trong năm				(466.965.261.468)	-			(478.741.195.914)
Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả				-	(20.772.988.325)			(20.772.988.325)
Tại ngày cuối năm nay				801.319.567.336	(219.174.154.311)			657.037.861.545

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế do không chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty và các công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục này.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		Thu nhập từ hoạt động ở nước ngoài	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Các khoản dự phòng	Chênh lệch chi phí khấu hao	Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Tổng cộng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm trước		206.963.191.379	477.725.931.090	927.660.159.099	245.377.168.756	(224.839.341.769)	1.632.887.108.555
Chênh lệch do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài		-	-	685.154.802	2.817.171.914	-	3.502.326.716
Tăng trong năm		282.180.564.298	137.369.678.285	408.372.562.477	81.994.370	-	828.004.799.430
Hoàn nhập trong năm		(65.690.085.204)	(66.151.072.778)	(249.941.532)	(30.869.072.320)	-	(162.960.171.834)
Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-	-	-	26.438.175.783	26.438.175.783
Tại ngày đầu năm nay		423.453.670.473	548.944.536.597	1.336.467.934.846	217.407.262.720	(198.401.165.986)	2.327.872.238.650
Chênh lệch do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài		-	-	-	(1.236.154.397)	-	(1.236.154.397)
Tăng trong năm		351.729.592.054	78.618.634.106	212.298.260.592	39.764.105.090	-	682.410.591.842
Hoàn nhập trong năm		224.701.506.551)	(61.025.798.565)	-	(174.340.756)	-	(285.901.645.872)
Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-	-	-	(20.772.988.325)	(20.772.988.325)
Tại ngày cuối năm nay		550.481.755.976	566.537.372.138	1.548.766.195.438	255.760.872.657	(219.174.154.311)	2.702.372.041.898

a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		Giá trị
Công ty TNHH Huawei International		1.459.969.977.728
Tanzania Communications Regulatory Authority		868.080.503.026
Công ty Cổ phần Viễn thông Đầu tư và Thương mại Quốc tế		749.002.194.035
Tập đoàn ZTE		482.115.343.903
Tổng Công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel		425.128.945.165
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Sản xuất Thiết bị Viettel		290.059.037.320
Instituto Nacional Das Comunicacoes de Mocambique (INCM)		203.586.718.649
Công ty Cổ phần Tư vấn Chuyển giao Công nghệ ITC		189.756.549.166
Công ty TNHH MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel		146.315.650.509
Tổng Công ty Viễn thông Viettel		124.314.836.804
Phải trả cho các đối tượng khác (i)		2.547.408.733.232
		7.485.738.489.537
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn		
Conatel		212.544.910.533
Công ty TNHH Huawei International		65.588.902.124
Tập đoàn ZTE		43.722.197.595
Autoridade Nacional de Comunicacoes (ANC) de Timor-Leste (Cơ quan Truyền thông Quốc gia Đông Timor)		4.423.874.738
Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel		-
Phải trả cho các đối tượng khác (i)		42.407.537.375
		368.687.422.365
Trong đó:		
Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 40)		1.281.321.625.499

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	VND	VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Huawei International	1.459.969.977.728	1.459.969.977.728	823.675.648.568	823.675.648.568
Tanzania Communications Regulatory Authority	868.080.503.026	868.080.503.026	20.397.572.011	20.397.572.011
Công ty Cổ phần Viễn thông Đầu tư và Thương mại Quốc tế	749.002.194.035	749.002.194.035	-	-
Tập đoàn ZTE	482.115.343.903	482.115.343.903	176.941.643.559	176.941.643.559
Tổng Công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel	425.128.945.165	425.128.945.165	324.056.224.850	324.056.224.850
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Sản xuất Thiết bị Viettel	290.059.037.320	290.059.037.320	199.037.215.613	199.037.215.613
Instituto Nacional Das Comunicacoes de Mocambique (INCM)	203.586.718.649	203.586.718.649	53.135.288.343	53.135.288.343
Công ty Cổ phần Tư vấn Chuyển giao Công nghệ ITC Công ty TNHH MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	189.756.549.166	189.756.549.166	46.959.061.440	46.959.061.440
Tổng Công ty Viễn thông Viettel	146.315.650.509	146.315.650.509	47.050.184.758	47.050.184.758
Phải trả cho các đối tượng khác (i)	124.314.836.804	124.314.836.804	206.993.877.922	206.993.877.922
	2.547.408.733.232	2.547.408.733.232	1.986.686.008.065	1.986.686.008.065
	7.485.738.489.537	7.485.738.489.537	3.884.932.725.129	3.884.932.725.129

b. Các khoản phải trả người bán dài hạn

Conatel	212.544.910.533	212.544.910.533	230.694.338.125	230.694.338.125
Công ty TNHH Huawei International	65.588.902.124	65.588.902.124	87.649.359.788	87.649.359.788
Tập đoàn ZTE	43.722.197.595	43.722.197.595	8.875.740.120	8.875.740.120
Autoridade Nacional de Comunicacoes (ANC) de Timor-Leste	4.423.874.738	4.423.874.738	19.401.561.622	19.401.561.622
(Cơ quan Truyền thông Quốc gia Đông Timor)	-	-	11.921.784.162	11.921.784.162
Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel	42.407.537.375	42.407.537.375	50.968.598.350	50.968.598.350
Phải trả cho các đối tượng khác (i)				
	368.687.422.365	368.687.422.365	409.511.382.167	409.511.382.167

Trong đó:

<i>Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 40)</i>	<i>1.281.321.625.499</i>	<i>1.281.321.625.499</i>	<i>1.007.020.229.297</i>	<i>1.007.020.229.297</i>
--	--------------------------	--------------------------	--------------------------	--------------------------

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số bù trừ/phải nộp		Số đã thực nộp		Ảnh hưởng của		Số cuối năm	
	VND	trong năm	VND	trong năm	VND	trong năm	chênh lệch tỷ giá	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu										
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	9.242.386.467	33.656.004.834	31.111.783.252	305.525.200	7.003.690.085					
Thuế xuất, nhập khẩu	13.394.882.744	28.887.205.521	19.514.664.515	455.489.985	4.477.831.723					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.806.775.569	1.876.349.733	-	69.574.164	-					
Thuế thu nhập cá nhân	1.716.008.239	6.306.825.868	6.307.020.188	21.258.059	1.737.460.618					
Thuế nhà thầu	15.900.613.657	57.331.135.392	56.179.919.997	462.140.991	15.211.539.253					
Các loại thuế khác và các khoản phí, lệ phí và các khoản phải thu khác (i)	30.853.523.142	191.874.300.800	168.523.514.143	494.727.339	7.997.463.824					
	72.914.189.818	319.931.822.148	281.636.902.095	1.808.715.738	36.427.985.503					

b. Các khoản phải trả

Thuế giá trị gia tăng	270.026.162.582	3.840.032.794.992	3.780.668.976.297	8.310.827.650	337.700.808.927					
Thuế xuất, nhập khẩu	879.961.906	99.663.439.480	96.885.058.995	55.616.729	3.713.959.120					
Thuế tiêu thụ đặc biệt	95.237.167.544	1.194.117.154.874	1.171.096.085.870	3.330.471.568	121.588.708.116					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.452.568.516.039	2.973.703.566.807	3.190.888.799.963	31.253.640.812	1.266.636.923.695					
Thuế thu nhập cá nhân	102.879.278.246	995.091.521.608	969.802.450.790	3.473.037.473	131.641.386.537					
Thuế nhà thầu	136.046.659.741	823.541.921.665	823.029.107.698	5.055.761.535	141.615.235.243					
Các loại thuế khác và các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (i)	70.971.147.796	647.107.441.977	625.101.495.238	2.178.632.298	95.155.726.833					
	2.128.608.893.854	10.573.257.841.403	10.657.471.974.851	53.657.988.065	2.098.052.748.471					

(i) Chủ yếu bao gồm thuế viễn thông, các khoản phạt, lãi chậm nộp và các loại thuế, phí, lệ phí và thuế khác.

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phải trả về thuế, phí viễn thông	2.982.489.146.146	1.978.943.778.316
Trích trước chi phí hoạt động	1.225.620.140.163	925.632.639.940
Chi phí thuê cột, kênh, trạm, tuyến cáp	644.885.751.988	303.028.625.046
Chi phí cước kết nối	264.599.661.862	202.062.805.242
Chi phí lãi vay phải trả	30.916.379.824	27.149.383.260
Chi phí phải trả khác	112.433.835.552	177.164.047.895
	5.260.944.915.535	3.613.981.279.699
b. Dài hạn		
Phải trả về thuế, phí viễn thông	139.219.344.346	541.184.173.080
Phải trả về lương thâm niên tại Công ty Viettel (Cambodia) Pte. Ltd.	16.853.156.579	19.509.958.929
	156.072.500.925	560.694.132.009

23. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Doanh thu dịch vụ trả trước chưa cung cấp cho khách hàng	4.842.121.045.245	3.614.225.048.562
Tiền cho thuê trạm viễn thông	53.949.588.743	54.241.823.900
	4.896.070.633.988	3.668.466.872.462
b. Dài hạn		
Bán thiết bị cho công ty liên kết	220.795.623.065	238.353.233.602
Tiền cho thuê trạm viễn thông	273.100.577.579	323.420.630.710
	493.896.200.644	561.773.864.312

24. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phải trả về tiền ví điện tử cho khách hàng (i)	8.403.812.343.508	5.988.972.517.574
Phải trả khoản bảo lãnh vay vốn (ii)	331.442.888.438	285.190.661.977
Phải trả cổ tức	499.614.503.819	378.213.298.860
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	44.486.743.880	43.034.111.471
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	19.641.847.398	14.970.741.462
Các khoản phải trả khác	363.154.407.094	443.604.135.943
	9.662.152.734.137	7.153.985.467.287
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.880.055.416	4.421.405.687
Các khoản phải trả khác	3.111.358.081	3.191.574.448
	6.991.413.497	7.612.980.135

Trong đó:

Phải trả khác cho các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 40)	35.310.415.900	115.890.837.451
---	----------------	-----------------

(i) Thể hiện số dư tiền ví điện tử phải trả cho khách hàng tại các Công ty E-Mola S.A, Công ty Viettel E-commerce Tanzania, Công ty Lumicash SU, Công ty Telemor Fintech Unipessoal, LDA, Công ty National Telecom S.A. và Công ty E-money Payment Solutions Public Limited.

(ii) Phản ánh khoản trả hộ Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L (“VCR”) về khoản vay của Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L với các ngân hàng theo thông báo từ các ngân hàng nhận bảo lãnh. Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hộ các khoản vay này theo điều khoản thỏa thuận trong các thư bảo lãnh vay với các ngân hàng trong trường hợp Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L không trả được nợ cho ngân hàng. Theo các cam kết bảo lãnh của Tổng Công ty đã phát hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ và trách nhiệm trả cho các ngân hàng theo các thông báo của các ngân hàng khi VCR không thanh toán các gốc vay khi đến hạn. Giá trị bảo lãnh Tổng Công ty sẽ trả tối đa 70% toàn bộ giá trị mà VCR nợ các ngân hàng (bao gồm gốc vay, lãi vay và các khoản phí VCR phát sinh trong hợp đồng vay). Theo đó, đối với các khoản lãi vay và các khoản phí VCR phát sinh chưa thanh toán, nghĩa vụ của Tổng Công ty có thể phát sinh tùy thuộc theo các thông báo tiếp theo (nếu có) của các ngân hàng.

Số dư phải trả khoản bảo lãnh vay vốn thay đổi trong năm do ảnh hưởng của việc đánh giá lại tỷ giá cuối năm.

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chi tiêu	Phát sinh trong năm					Số cuối năm/ Số có khả năng thanh toán VND
	Số đầu năm/ Số có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá VND		
Vay ngắn hạn	691.273.279.548	3.966.747.303.812	(2.425.149.761.150)	70.296.311.006	2.303.167.133.216	
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 26)	1.056.895.700.160	458.648.955.800	(1.040.779.331.485)	(8.083.166.141)	466.682.158.334	
	1.748.168.979.708				2.769.849.291.550	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản vay ngân hàng ngắn hạn bằng USD có lãi suất từ 4,99%/năm đến 7,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4,5%/năm đến 13,5%/năm); các khoản vay bằng MZN có lãi suất từ 13,2%/năm đến 15,8%/năm; các khoản vay bằng HTG có lãi suất 12,25%/năm; các khoản vay bằng VND có lãi suất từ 4,1%/năm đến 4,2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 3,3%/năm đến 3,8%/năm); với thời hạn các khoản vay không quá 12 tháng.

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn theo ngân hàng:

Ngân hàng	Công ty vay	Loại tiền vay	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TNHH MTV Worri Việt Nam	VTZ	USD	817.307.864.255	-	Thư bảo lãnh của VTG
Ngân hàng Standard Chartered Tanzania Unibank	VTZ	USD	596.634.741.068	482.543.235.055	Thư bảo lãnh của VTG
Standard Bank, S.A	NCM	HTG	304.936.416.185	-	Tin chấp
Access Bank Mozambique, S.A	MVT	MZN	193.807.684.388	-	Máy móc, thiết bị, hàng tồn kho tại Movitel
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng	MVT	MZN	153.801.214.478	-	Hợp đồng tiền gửi
First Capital Bank	Tổng Công ty	VND	102.857.855.232	-	Tin chấp
First National Bank	MVT	MZN	55.542.199.816	-	Tin chấp
Millennium Bim Bank	MVT	MZN	43.357.167.694	-	Máy móc, thiết bị tại Movitel
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1	Tổng Công ty	VND	27.098.229.809	-	Máy móc, thiết bị tại Movitel
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch	Tổng Công ty	VND	7.359.943.712	-	Tin chấp
BCB Bank	VTB	USD	463.816.579	154.791.512.929	Tin chấp
Cathay bank	VTC	USD	-	52.252.165.564	
			-	1.686.366.000	
			2.303.167.133.216	691.273.279.548	
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 26)					
			466.682.158.334	1.056.895.700.160	
Tổng cộng vay và nợ ngắn hạn			2.769.849.291.550	1.748.168.979.708	

26. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiêu	Phát sinh trong năm					Số cuối năm/ Số có khả năng thanh toán VND
	Số đầu năm/ Số có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá VND		
Vay dài hạn	2.031.535.935.320	1.836.154.539.638	(1.205.073.880.621)	61.318.974.200	2.723.935.568.537	
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 25)	1.056.895.700.160				466.682.158.334	
Số phải trả sau 12 tháng	974.640.235.160				2.257.253.410.203	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản vay ngân hàng dài hạn bằng USD có lãi suất từ 4%/năm đến 14%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4%/năm đến 14%/năm) với thời hạn không quá 84 tháng; các khoản vay bằng MZN có lãi suất từ 11,05%/năm đến 13,3%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 15,25%/năm đến 17,5%/năm) với thời hạn không quá 60 tháng.

Chi tiết các khoản vay dài hạn theo ngân hàng:

Ngân hàng	Công ty vay	Loại tiền vay	Số cuối năm		Số đầu năm		Tài sản thế chấp
			VND	VND	VND	VND	
Vietinbank Deutsche	VTZ	USD	681.089.887.099	664.294.101.122			Thư bảo lãnh của VTG
Ngân hàng TNHH MTV Worri Việt Nam	VTZ	USD	544.871.909.651	-			Thư bảo lãnh của VTG
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	VTZ	USD	510.817.415.298	531.435.280.899			Thư bảo lãnh của VTG
CRDB Bank	VTB	USD	406.099.628.575	350.935.878.100			Tiền gửi ngân hàng
Vista Bank	MVT	MZN	174.481.056.128	-			Tiền gửi ngân hàng
Millennium Bim	MVT	USD	130.322.990.889	-			Máy móc, thiết bị tại Movitel
NEDBANK, SA (BANCO UNICO, SA)	MVT	MZN	125.920.016.921	187.131.377.223			Máy móc, thiết bị tại Movitel
Bancobu	VTB	USD	65.677.666.415	-			Tiền gửi ngân hàng
Ngân hàng KCB Bank Kenya	VTB	USD	63.863.140.380	102.044.029.879			Tiền gửi ngân hàng
ECOBANK	VTB	USD	19.462.371.294	44.044.241.997			Tiền gửi ngân hàng
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VTB	USD	1.329.485.887	-			Tiền gửi ngân hàng
Kasikorn Bank	VTC	USD	-	127.754.999.948			
MOZA BANCO BANK	MVT	MZN	-	23.896.026.152			
			2.723.935.568.537	2.031.535.935.320			

Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 25)	466.682.158.334	1.056.895.700.160
Số vay dài hạn phải trả sau 12 tháng	2.257.253.410.203	974.640.235.160

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Trong vòng một năm	466.682.158.334	1.056.895.700.160		
Trong năm thứ hai	1.750.421.660.493	320.159.746.718		
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	506.831.749.710	654.480.488.442		
	2.723.935.568.537	2.031.535.935.320		
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	466.682.158.334	1.056.895.700.160		
Số phải trả sau 12 tháng	2.257.253.410.203	974.640.235.160		

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND					VND	VND		
Tại ngày đầu năm trước	30.438.112.000.000	3.548.111.376.666		10.757.970.517	(593.148.627.638)	(3.377.342.579.335)	490.535.114.089	30.517.025.254.299	
Lợi nhuận trong năm	-	-		-	-	5.626.174.333.290	1.546.875.124.852	7.173.049.458.142	
Chia cổ tức tại công ty con	-	-		-	-	-	(800.006.346.172)	(800.006.346.172)	
Trích lập các quỹ tại công ty con, công ty liên kết	-	2.927.792.858		64.116.973.227	-	(70.940.805.786)	-	(3.896.039.701)	
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính của hoạt động ở nước ngoài	-	-		-	(1.160.358.869.855)	106.117.177.726	103.951.774	(1.054.137.740.355)	
Tại ngày đầu năm nay	30.438.112.000.000	3.551.039.169.524		74.874.943.744	(1.753.507.497.493)	2.284.008.125.895	1.237.507.844.543	35.832.034.586.213	
Lợi nhuận trong năm	-	-		-	-	9.302.665.692.177	1.947.957.448.752	11.250.623.140.929	
Nhận góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-		-	-	-	17.291.802.262	17.291.802.262	
Chia cổ tức tại Tổng Công ty và các công ty con (i)	-	-		-	-	(2.282.858.400.000)	(1.405.272.388.025)	(3.688.130.788.025)	
Trích lập các quỹ tại công ty con, công ty liên kết (ii)	-	121.634.764		102.778.434.089	-	(107.270.487.798)	-	(4.370.418.945)	
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính của hoạt động ở nước ngoài	-	-		-	(535.433.981.339)	(66.205.779.657)	32.385.752.777	(569.254.008.219)	
Tại ngày cuối năm nay	30.438.112.000.000	3.551.160.804.288		177.653.377.833	(2.288.941.478.832)	9.130.339.150.617	1.829.870.460.309	42.838.194.314.215	

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/NQ-ĐHĐCĐ-VTG ngày 05 tháng 6 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 48/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty đã chia cổ tức bằng tiền mặt từ nguồn lợi nhuận năm 2024 với tỷ lệ 7,5% trên mệnh giá cổ phiếu, tương ứng với số tiền là 2.282.858.400.000 VND.

(ii) Theo các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị của các công ty con và các công ty liên kết, các công ty con và các công ty liên kết đã quyết định trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	3.043.811.200	3.043.811.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	3.043.811.200	3.043.811.200

(i) Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 30.438.112.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	30.142.124.000.000	99,03	30.142.124.000.000	99,03
Cổ đông khác	295.988.000.000	0,97	295.988.000.000	0,97
Tổng cộng	30.438.112.000.000	100	30.438.112.000.000	100

28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ	USD	109.370.363	87.014.857
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	29.256	31.001
Haitian Gourde	HTG	5.405.714.463	3.458.435.850
Mozambique New Metical	MZN	19.782.021.896	10.794.588.980
Cambodian Riel	KHR	44.656.090.104	51.249.000.180
Burundi Franc	BIF	377.889.515.369	357.945.877.711
Tanzania Shilling	TZS	218.591.009.264	165.923.030.995
Baht Thailand	THB	2.991.948	1.746.248
Nhân dân tệ	CNY	2	2

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty và các công ty con có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	1.264.512.845.386	787.041.568.803
Trên 1 năm đến 5 năm	4.048.636.254.133	1.210.434.315.823
Trên 5 năm	1.683.835.606.765	777.232.144.254

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

	Thị trường Châu Phi		Thị trường Châu Mỹ La-tinh		Thị trường Đông Nam Á		Điều chỉnh hợp nhất		Hợp nhất	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025										
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	22.744.905.591.522		5.739.670.512.801		15.786.787.447.808		-		44.271.363.552.131	
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	281.892.264.331		-		2.073.680.907.489		(2.355.573.171.820)		-	
Doanh thu thuần theo bộ phận	23.026.797.855.853		5.739.670.512.801		17.860.468.355.297		(2.355.573.171.820)		44.271.363.552.131	
Lợi nhuận sau thuế	4.029.186.044.494		1.559.446.922.050		9.640.283.708.593		(3.978.293.534.208)		11.250.623.140.929	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa tại ngày 31 tháng 12 năm 2025										
Tài sản của bộ phận	31.469.765.185.282		4.669.988.125.972		55.744.804.959.706		(10.932.196.266.678)		80.952.362.004.282	
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	-		-		4.407.312.508.394		(3.849.123.656.535)		558.188.851.859	
Tổng Tài sản	31.469.765.185.282		4.669.988.125.972		60.152.117.468.100		(14.781.319.923.213)		81.510.550.856.141	
Nợ phải trả của bộ phận	(43.015.295.971.085)		(2.962.351.122.636)		(11.747.193.033.589)		19.052.483.585.384		(38.672.356.541.926)	
Khấu hao tài sản cố định	1.551.672.379.481		440.781.994.308		1.767.626.998.998		(324.193.118.288)		3.435.888.254.499	

	Thị trường Châu Phi		Thị trường Châu Mỹ La-tinh		Thị trường Đông Nam Á		Điều chỉnh hợp nhất		Hợp nhất	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024										
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	17.340.931.860.917	4.305.157.955.008	13.721.564.274.313	-	35.367.654.090.238					
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	140.401.867.450	-	1.918.915.187.653	(2.059.317.055.103)	-					
Doanh thu thuần theo bộ phận	17.481.333.728.367	4.305.157.955.008	15.640.479.461.966	(2.059.317.055.103)	35.367.654.090.238					
Lợi nhuận sau thuế	2.513.968.262.433	1.255.326.079.400	4.779.921.408.134	(1.376.166.291.825)	7.173.049.458.142					
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024										
Tài sản của bộ phận	21.387.848.111.875	3.236.975.815.181	48.899.790.280.021	(10.728.409.237.132)	62.796.204.969.945					
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	-	4.566.337.123.704	(3.923.828.652.121)	642.508.471.583					
Tổng Tài sản	21.387.848.111.875	3.236.975.815.181	53.466.127.403.725	(14.652.237.889.253)	63.438.713.441.528					
Nợ phải trả của bộ phận	(34.206.417.304.888)	(1.952.619.616.853)	(9.645.105.470.459)	18.197.463.536.885	(27.606.678.855.315)					
Khấu hao tài sản cố định	1.306.230.004.534	383.077.785.509	1.840.494.710.568	(394.470.800.439)	3.135.331.700.172					

30. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.288.270.362.730	843.529.037.868
Doanh thu cung cấp dịch vụ	42.983.093.189.401	34.524.125.052.370
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.271.363.552.131	35.367.654.090.238
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 40)	1.011.711.857.098	922.833.166.412

31. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng bán	1.413.568.537.042	1.076.996.821.047
Giá vốn hoạt động cung cấp dịch vụ	20.157.442.207.810	16.350.915.195.298
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11.019.161.039)	34.408.994.244
	21.559.991.583.813	17.462.321.010.589

32. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.906.613.637.381	1.652.478.593.223
Chi phí nhân công	2.412.378.469.279	1.848.660.605.473
Chi phí khấu hao	3.435.888.184.713	3.135.331.951.303
Thuế, phí, lệ phí	3.917.927.996.845	3.268.436.457.388
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.473.085.280.600	12.159.593.521.214
Chi phí khác	1.270.870.380.731	1.209.782.035.388
	29.416.763.949.549	23.274.283.163.989

33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.539.465.495.356	2.818.384.601.686
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.319.875.100.754	1.396.455.549.618
Lãi phạt chậm trả các hợp đồng mua bán hàng hóa, vật tư thiết bị	5.816.268.491	21.267.802.103
Doanh thu hoạt động tài chính khác	276.314.957	9.868.241.020
	3.865.433.179.558	4.245.976.194.427

34. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.361.669.416.222	1.402.058.264.419
Chi phí lãi vay	331.952.973.873	315.164.324.066
Chi phí tài chính khác	87.241.127.788	62.138.640.814
	1.780.863.517.883	1.779.361.229.299

35. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí dự phòng	1.712.343.292.022	3.492.660.027.261
Chi phí nhân viên quản lý	1.270.676.599.110	1.054.373.023.606
Chi phí thuê chuyên gia	1.452.563.363.997	1.060.645.244.380
Thuế, phí, lệ phí	721.495.916.179	479.963.806.832
Chi phí khấu hao tài sản cố định	271.579.208.109	179.798.098.585
Chi phí thuê nhà, văn phòng và thuê kho	177.265.661.039	145.342.001.496
Chi phí Quỹ viễn thông công ích	164.717.242.430	124.076.729.114
Chi phí công cụ, dụng cụ quản lý	83.862.410.405	54.932.009.311
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.520.477.720	17.378.127.346
Chi phí khác	243.165.816.122	274.325.445.959
	6.123.189.987.133	6.883.494.513.890
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí chi trả cho đại lý, điểm bán, cộng tác viên bán hàng	2.369.220.081.962	1.754.165.571.588
Chi phí quảng cáo, truyền thông	1.009.697.657.484	657.261.786.292
Chi phí nhân viên bán hàng	465.725.566.335	285.059.491.925
Dịch vụ Call center thuê ngoài	321.669.619.193	158.312.316.469
Chi phí công cụ, dụng cụ	315.481.964.087	177.401.164.242
Chi phí thuê kho, thuê cửa hàng	59.708.097.363	51.252.586.402
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.177.981.285	43.221.530.962
Chi phí khác	249.794.082.692	405.941.153.334
	4.848.475.050.402	3.532.615.601.214

36. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác từ việc thực hiện các dự án cho Chính phủ	52.979.261.387	95.275.383.845
Các khoản được biếu tặng	753.771.879.427	169.598.788.547
Thu nhập từ dự án Electricidade de Mocambique Call Centre tại Mozambique	43.437.451.568	41.171.276.300
Thu tiền phạt, tiền bồi thường hợp đồng	6.254.994.610	4.662.864.861
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	6.645.726.343	18.953.214.765
Các khoản thu nhập khác	108.646.121.691	56.408.318.318
Thu nhập khác	971.735.435.026	386.069.846.636
Chi phí thực hiện dự án Electricidade de Mocambique Call Centre tại Mozambique	38.738.675.803	31.986.727.060
Chi tài trợ cho giáo dục, thiên tai, người nghèo	48.097.177.160	8.173.880.510
Giá trị còn lại của tài sản sau khi tháo dỡ không còn sử dụng	20.028.520.961	-
Thuế nhà thầu	7.935.159.536	18.978.542.147
Các khoản chi phí khác	11.631.513.668	24.659.417.594
Chi phí khác	126.431.047.128	83.798.567.311
Lợi nhuận khác	845.304.387.898	302.271.279.325

37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế hiện hành		
Chi phí thuế hiện hành phát sinh trong năm	2.974.389.341.723	2.362.639.181.589
Chi phí thuế chuyển lợi nhuận từ nước ngoài	573.878.944.705	420.621.105.899
	3.548.268.286.428	2.783.260.287.488

Thuế suất áp dụng

Công ty mẹ - Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế. Thuế suất áp dụng cho các công ty con và liên kết như sau:

Công ty	Quốc gia	Thuế suất thuế TNDN	Thuế chuyển lợi nhuận
Công ty Viettel Timor Leste Unipessoal LDA (“VTL”)	Đông Timor	10%	Không áp dụng
Công ty Viettel (Cambodia) Pte. Ltd. (“VTC”)	Campuchia	20%	10%
Công ty Movitel S.A. (“Movitel”)	Mozambique	24%	10%
Công ty National Telecom S.A. (“Natcom”)	Haiti	30%	20%
Công ty Viettel Burundi S.A (“VTB”)	Burundi	30%	15%
Công ty Viettel Tanzania Limited (“VTZ”)	Tanzania	30%	Chưa phát sinh
Công ty Star Telecom Co., Ltd (“STL”)	Lào	20%	10%
Công ty Telecom International Myanmar Co., Ltd (“Mytel”)	Myanmar	22%	Chưa phát sinh

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận/Thu nhập chưa thực hiện	(29.565.758.113)	(16.818.071.467)
Chi phí tạm thời chưa được khấu trừ	9.745.907.627	62.267.563.245
Thu nhập từ hoạt động đầu tư nước ngoài	127.028.085.503	216.490.479.094
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	17.592.835.541	71.218.605.507
Dự phòng phải thu khó đòi	212.298.260.592	408.122.620.841
Chênh lệch chi phí khấu hao	39.589.764.334	(30.787.077.950)
	376.689.095.484	710.494.119.270

38. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của công ty mẹ và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ (VND)	9.302.665.692.177	5.626.174.333.290
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(85.010.385.264)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ thuộc về cổ đông của Công ty mẹ (VND)	9.217.655.306.913	5.626.174.333.290
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	3.043.811.200	3.043.811.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.028	1.848

Tổng Công ty ước tính số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 làbằng 85.010.385.264 VND theo phương án dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông năm 2026 phê duyệt.

39. CAM KẾT BẢO LÃNH VÀ CAM KẾT ĐẦU TƯ

Cam kết bảo lãnh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có các khoản cam kết bảo lãnh vay vốn như sau:

Công ty nhận bảo lãnh	Tổ chức tín dụng cho vay	Hạn mức khoản vay	Mục đích vay	Giá trị được bảo lãnh bởi Tổng Công ty
Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L (i)	Ngân hàng SGBC	9.000.000.000	FCFA Dự án viễn thông tại Cameroon	5.511.658.640 FCFA
	Ngân hàng BICEC	8.500.000.000	FCFA Dự án viễn thông tại Cameroon	2.608.756.215 FCFA
	Ecobank	8.000.000.000	FCFA Dự án viễn thông tại Cameroon	1.508.230.842 FCFA

(i) Các cam kết bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L (“VCR”) sẽ đáo hạn khi VCR hoàn thành nghĩa vụ thanh toán hết công nợ khoản vay với các tổ chức tín dụng cho VCR vay.

Cam kết đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 689/B-KHĐT-ĐTRNN cấp lần đầu ngày 24 tháng 3 năm 2014, Tổng Công ty đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) phê duyệt kế hoạch đầu tư ra nước ngoài để thực hiện dự án xây dựng, vận hành, khai thác và kinh doanh mạng viễn thông tại nước Cộng hòa Thống nhất Tanzania. Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ nhất ngày 17 tháng 01 năm 2017, tổng vốn đầu tư của dự án là 783 triệu USD, tổng vốn đầu tư của Tổng Công ty là 355 triệu USD, trong đó vốn góp của Tổng Công ty là 150 triệu USD, thanh toán tiền mua 100% cổ phần của Công ty TNHH Viettel Tanzania bao gồm cả thanh toán các khoản nợ được tính vào giá mua là 30 triệu USD và vốn Tổng Công ty cho vay cổ đông là 175 triệu USD. Lũy kết đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty đã góp vốn khoảng 52,62 triệu USD (tương đương khoảng 1,18 nghìn tỷ VND) và cho vay khoảng 172,80 triệu USD (tương đương khoảng 4,51 nghìn tỷ VND) tại nước Cộng hòa Thống nhất Tanzania.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cấp lần đầu ngày 16 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) phê duyệt kế hoạch đầu tư ra nước ngoài để thực hiện dự án xây dựng, vận hành, khai thác và kinh doanh mạng viễn thông tại nước Cộng hòa Liên bang Myanmar. Tổng vốn đầu tư của dự án là 1.755 triệu USD, tổng vốn đầu tư của Tổng Công ty là 859,95 triệu USD chiếm 49% tổng vốn đầu tư của dự án, trong đó vốn góp của Tổng Công ty là 169,05 triệu USD, vốn Tổng Công ty cho vay cổ đông và/hoặc bảo lãnh cho vay từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước là 690,9 triệu USD. Tại ngàyLũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty đã chi đầu tư khoảng 169,05 triệu USD (tương đương khoảng 3,88 nghìn tỷ VND) và cho vay khoảng 376,69 triệu USD (tương đương khoảng 9,83 nghìn tỷ VND) cho dự án tại nước Cộng hòa Liên bang Myanmar.

40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	Công ty mẹ
Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	
Tổng Công ty Viễn thông Viettel	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn
Chi nhánh Viettel Hà Nội	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn
Học Viện Viettel	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn
Công ty trong cùng Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	
Công ty Viettel Peru S.A.C (Viettel Peru S.A.C)	Công ty trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	Công ty trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Mygo Campuchia	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Sản xuất thiết bị Viettel	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Viettel - CHT	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Viettel	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Công trình Viettel Cambodia	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Công nghệ Viettel	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ khách hàng Viettel	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ kho vận Viettel	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Công trình Viettel Tazania	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV An ninh mạng Viettel	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Truyền thông Viettel	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty liên kết	
Công ty Star Telecom Co., Ltd. ("STL")	Công ty liên kết
Công ty Telecom International Myanmar Co., Ltd ("Mytel")	Công ty liên kết
Công ty Metcom ("Metcom")	Công ty liên kết tới ngày 16 tháng 12 năm 2025

19. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 3.955.888.310.798 VND (năm 2024: 1.987.405.188.722 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 815.841.526.101 VND (năm 2024: 52.697.137.558 VND), là số tiền ứng trước cho người bán liên quan đến xây dựng cơ bản. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu và thay đổi các khoản phải trả.

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng hóa, dịch vụ	1.011.711.857.098	922.833.166.412
Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn	169.976.092.503	321.477.881.110
Công ty trong cùng Tập đoàn	6.829.347.051	7.221.765.165
Công ty liên kết	834.906.417.544	594.133.520.137
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.613.461.838.482	1.685.284.927.678
Công ty mẹ	24.272.092	54.873.800
Các đơn vị hạch toán phụ thuộc	625.787.828.605	611.861.968.527
Công ty trong cùng Tập đoàn	971.199.998.394	1.067.288.620.428
Công ty liên kết	16.449.739.392	6.079.464.923
Mua tài sản cố định	176.665.666.754	-
Các đơn vị hạch toán phụ thuộc	1.500.000.000	-
Công ty trong cùng Tập đoàn	3.135.768.055	-
Công ty liên kết	172.029.898.700	-
Thu hồi vốn góp	144.593.555.913	-
Công ty liên kết	144.593.555.913	-
Cổ tức được chia	462.568.680.729	356.866.495.501
Công ty liên kết	462.568.680.729	356.866.495.501
Lãi chậm trả và bán hàng trả chậm	5.816.268.491	21.159.231.374
Công ty liên kết	5.816.268.491	21.159.231.374
Lãi cho vay	483.460.900.004	25.420.343.458
Công ty liên kết	483.460.900.004	25.420.343.458

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao Hội đồng Quản trị	946.400.000	981.760.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	30.323.980.156	22.454.204.063
Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát	4.240.721.072	4.480.681.830
	35.511.101.228	27.916.645.893

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng	385.235.979.083	1.379.385.376.104
Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn	40.042.631.532	375.978.544.729
Công ty trong cùng Tập đoàn	258.458.244	751.584.426
Công ty liên kết	344.934.889.307	1.002.655.246.949
Phải thu khác	4.170.399.446.205	3.538.929.260.068
Công ty mẹ	1.186.187.221	696.607.103
Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn	29.275.430.229	41.424.626.477
Công ty trong cùng Tập đoàn	1.255.211.147.621	1.217.554.661.647
Công ty liên kết	2.884.726.681.134	2.279.253.364.841
Phải thu về cho vay	7.978.808.715.206	8.892.355.827.327
Công ty liên kết	7.978.808.715.206	8.892.355.827.327
Trả trước người bán	6.879.089.436	3.160.689.480
Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn	42.372.000	889.266.495
Công ty trong cùng Tập đoàn	6.836.717.436	2.271.422.985
Các khoản phải trả người bán	1.281.321.625.499	1.007.020.229.297
Công ty mẹ	464.044.076	31.287.652
Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn	621.583.777.599	603.115.454.971
Công ty trong cùng Tập đoàn	654.556.988.419	403.839.438.689
Công ty liên kết	4.716.815.405	34.047.985
Các khoản phải trả khác	35.310.415.900	115.890.837.451
Công ty mẹ	3.659.822.881	3.236.162.234
Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn	26.027.368.576	29.998.631.099
Công ty trong cùng Tập đoàn	5.591.829.646	224.313.923
Công ty liên kết	31.394.797	82.431.730.195
Người mua trả tiền trước	396.806.683	-
Công ty liên kết	396.806.683	-



Vũ Thị Thu Trang
Người lập biểu



Trương Bạch Dương
Kế toán trưởng



Nguyễn Cao Lợi
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2026



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

MẠNG LƯỚI **HOẠT ĐỘNG**

metfone unitel natcom movitel telemor LUMITEL bitel halotel nexttel mytel vta telecom

• TỔNG CÔNG TY CP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL

Trụ sở chính
Địa chỉ: Tầng 39, 40 Keangnam Hanoi Landmark
Tower 72, Khu E6 KĐT mới Cầu Giấy, Phường Yên
Hoà, TP Hà Nội, Việt Nam
Website: www.viettelglobal.com.vn

• ĐÔNG TIMOR

Tên công ty: Viettel Timor Leste Unipessoal LDA
Địa chỉ: CBD Plaza II - Rua Presidente - Nicolau
Lobato - Comoro, Dili, Timor Leste
Website: www.telemor.tl

• CAMPUCHIA

Tên công ty: Viettel Cambodia Pte., Ltd.
Địa chỉ: 199 Mao Tse Tung Blvd (đường 245),
SangkatToulSvayPrey 2, Khan Chamkarm
Website: www.metfone.com.kh

• HAITI

Tên công ty: Natcom S.A.
Địa chỉ: Angle Ave. Martin Luther King et rue
Fernand, Pont Morin, Port-au-Prince, Haiti
Website: www.natcom.com.ht

• LÀO

Tên công ty: Star Telecom Co., Ltd.
Địa chỉ: Nongbone road, Phonxay village, Saysettha
district, Vientiane Capital, Lao P.D.R
Website: www.unitel.com.la

• MOZAMBIQUE

Tên công ty: Movitel, S.A.
Địa chỉ: No 2586 Av.Ahmed Sekou Toure, Maputo,
Mozambique
Website: www.movitel.co.mz

• CAMEROON

Tên công ty: Viettel Cameroun S.A.
Địa chỉ: P.B 87 Yaounde, Cameroon
Website: www.nexttel.cm

• TANZANIA

Tên công ty: Viettel Tanzania Limited
Địa chỉ: 4th Floor, Tropical Center, New Bagamoyo
Road, P.O Box 34716, Dar Es Salaam, Tanzania
Website: <http://www.halotel.co.tz>

• BURUNDI

Tên công ty: Viettel Burundi S.A.
Địa chỉ: No 51, Boulevard de l'UPRONA, Quartier
Rohero II, Commune Rohero, Bujumbura-Mairie
Website: <http://www.lumitel.bi>

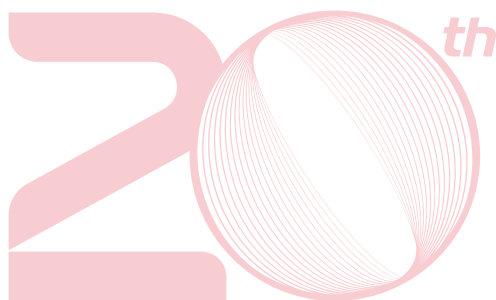
• MYANMAR

Tên công ty: Telecom International Myanmar
(TIM)
Địa chỉ: #61-63, Zoological Garden Rd, Dagon
Township, Yangon, Myanmar

Báo cáo

THƯỜNG NIÊN

2025



Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hoa

viettel
global

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL

Tầng 39, 40 Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6 KĐT mới Cầu Giấy, Phường Yên Hoà, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84)462626868 - Fax: (+84)462568686 - Website: www.viettelglobal.com.vn